

Nguyễn Ngọc Hoa

Nhớ Nhau Suốt Đời

TẬP TRUYỆN NGUYỄN NGỌC HOA XII

BIỂN NGỌC Xuất Bản
2026

MỤC LỤC

Lời Tựa

1. Tấm Phiếu Định Mệnh
2. Ai Nỡ Ép Duyên
3. Tri Thiên Mệnh
4. Người Vợ Một Đêm
5. Con Cọp Bình Thuận
6. Bánh Bột Lọc Đưa Cho Ngâu Vọc
7. *Rứa Là Tau* Đăng Lính
8. Món Nợ Cưu Mang
9. Một Tai Nạn Nhớ Đời
10. Người Vẽ Lại Quá Khứ
11. Người Yêu Hoa Đồng Nội
12. Người Bạn Khác Tánh
13. Bỏ Quên Quá Khứ
14. Oan Ơi Ông Địa
15. Một Lời Tạ Lỗi
16. Gương Thầy Tôi
17. Cô Sinh Viên Triết Đà Lạt
18. Bà Chăn và Tên Ma Đầu
19. Phong Trần Một Đời
20. Về Thăm Trường Mẹ
21. Làm Chuyện Tào Lao
22. Ba Thằng Bạn Đà Lạt
23. Nhớ Nhau Suốt Đời
24. Ai Hờn Hờn Ai

Tiểu sử Nguyễn Ngọc Hoa

LỜI TỰA

Trong năm qua, truyện ngắn trong cuốn *Nhớ Nhau Suốt Đời: Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa XII* trên tay quý bạn đã được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Bước Lưu Ly.” “Bước lưu ly” là thân phận trôi nổi, xa người thân như hoàn cảnh nàng Kiều trong *Đoạn Trường Tân Thanh*,

*Nàng rằng: Phải bước lưu ly,
Phận hèn vâng đã cam bề tiểu tình.*

Truyện ngắn trong 12 tập truyện xuất bản từ năm 2013 đến nay là những truyện ngắn riêng lẻ đặt liên hoàn với nhau theo thứ tự thời gian và nối kết thành ký ức của những quãng đời quá khứ. Quãng đời “bước lưu ly” là bối cảnh của *Tập Truyện XII* này. Mặc dù con số truyện ngắn được ấn hành đã đến mức đáng tự hào, mộng làm văn chương của chúng tôi vẫn giới hạn vào việc kể lại cho bạn bè nghe những mẫu chuyện chúng tôi đã trải qua, chứng kiến, hay nghe thuật lại, và trau dồi Việt ngữ sau nhiều năm dài sống xa quê hương.

Để tránh ngộ nhận đáng tiếc, xin nhắc lại một lần nữa: Tác phẩm của chúng tôi không phải là hồi ký, tự truyện, hay tài liệu ghi lại dữ kiện lịch sử. Mặc dù nhiều tình tiết mô tả trong truyện có thể có thực, các nhân vật – kể cả nhân vật xưng “tôi” mà chúng tôi dùng như một chứng nhân để thuật lại chuyện đã qua – được dựng nên và tiểu thuyết hóa cho phù hợp với chuyện kể, thường không tương ứng với nhân vật có thực ngoài đời.

Chúng tôi xin cảm ơn các thân hữu đã đọc bản thảo, góp ý, phê bình, và đề nghị chỉnh sửa cũng như khích lệ chúng tôi trong việc sáng tác. Xin được kể tên vài người là các chị Phạm thị Hiền, Lưu Phương Lan (nhà văn Phương Lan), Nguyễn thị Thanh Loan, Trần Thùy Mai (nhà văn), và Bùi Mỹ Trang, và các anh Nguyễn Trọng Dzũng, Nguyễn Đình Hiếu, Nguyễn Nhật Hoàng (báo Trẻ Dallas), Nguyễn Thanh Hoàng (nhà văn Phan Hạnh), Nguyễn Thành Nguyên, Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Khắc Phụng, Châu Hiền Quang (nhà thơ Kiều Phong (Toronto)), Nguyễn văn Sâm, Nguyễn Thiệp (nhà văn Tràm Cà Mau), Nguyễn Xuân Thiệp (nhà thơ), và Nguyễn Công Thuần. Tuy nhiên, nếu quý bạn tìm thấy điều gì sai sót thì đó hoàn toàn do lỗi của chúng tôi.

Chúng tôi cũng không quên cảm ơn tiện nội là kịch tác gia, nhà văn, và đạo diễn Nguyễn thị Minh Ngọc đã thương yêu tạo điều kiện cho chúng tôi sáng tác và xuất bản tác phẩm đã viết.

Chúng tôi hy vọng, trong một tương lai không xa, sẽ có cơ hội ấn hành *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa XIII* đang được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Hoài Cố Quốc.” Mời quý bạn đón xem.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày Hạ chí 2026

(21-06-2026)

Tấm Phiếu Định Mệnh

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong số 50 tiểu bang Hoa kỳ, chỉ một mình North Dakota mới có thủ phủ mang tên một nhân vật lạ hoắc, không liên quan đến lịch sử quốc gia là Otto von Bismarck (1815 - 1898). Ông là người vạch kế hoạch và điều khiển việc thống nhất Đức quốc vào năm 1871, một năm trước khi “Bismarck” được thành lập trên bờ đông sông Missouri, và làm thủ tướng đầu tiên của quốc gia mới. Ngày đó, Hoa kỳ đang mở mang, các công ty hỏa xa đưa nhân công đặt đường xe lửa tới đâu thì lập ra và đặt tên thị trấn mới tới đó, và ban đầu “Bismarck” có tên Edwinton. Năm sau, những người sáng lập đổi tên thành phố thành Bismarck để mong lấy lòng von Bismarck và mời ông sang thăm với mục đích thu hút dân nhập cư người Đức và vốn đầu tư của Đức vào hệ thống thiết lộ. Lời mời không được đáp ứng, nhưng thành phố đã bị *chết tên*.

Một thế kỷ sau, tháng Tám năm 1975, một người Việt tỵ nạn Cộng sản dừng bước lưu lỵ nơi đây. Bốn tháng trước ở Sài gòn, tôi là nhân viên giảng huấn của hai trường kỹ sư, cố vấn kỹ thuật cho hai công ty kỹ nghệ, và chuyên gia trong lãnh vực điện, điện tử, và viễn thông. Tôi thông thạo Anh và Pháp ngữ, giao thiệp rộng, có bạn bè khắp thế giới, và có lần dám khoe khoang,

“Cứ thấy tôi vào bất cứ nơi nào trên địa cầu, miễn có điện thoại là tôi sống còn.”

Nhưng sau sáu tuần ở trong lều vải nhà binh, ngủ giường bố, và dan nắng trong trại tạm trú Orote Point trên đảo Guam, lòng tự tin của tôi không còn sót lại bao nhiêu. Trước khi rời Orote Point, dân tỵ nạn phải chọn đi một trong bốn trại tỵ nạn trong đất liền, mỗi trại là một căn cứ quân sự do một binh chủng của quân đội Hoa kỳ điều hành: Trại Pendleton ở California của Thủy quân Lục chiến, Đồn Chaffee ở Arkansas của Lục quân, Đồn Indiantown Gap ở Pennsylvania của Hải quân, và Căn Cứ Elgin ở Florida của Không quân. Tôi chọn Trại Pendleton vì đó là trại mấy người bạn thân gặp lại ở Orote Point sẽ đi tới.

Để người tỵ nạn không lâm vào cảnh bơ vơ vất vưởng, chương trình Định cư Người Tỵ nạn Đông dương lập ra 13 cơ quan thiện nguyện và chỉ cho phép người tỵ nạn xuất trại đi định cư sau khi được cơ quan thiện nguyện giúp tìm ra một đoàn thể hay cá nhân nhận bảo trợ. Tôi lại thất vọng vì chính phủ chỉ cho phép cá nhân – như các bạn tôi ở Hoa kỳ – bảo trợ một gia đình bốn người trở xuống; gia đình tôi có sáu mạng. Hai cơ quan được ghi danh đông đảo là Hội đồng Công giáo Hoa Kỳ và Cơ quan Xã hội Lutheran (LSS). Riêng chàng giáo sư *mất dạy* (không còn dạy) bướng bỉnh chọn Hội nghị Do thái Thế giới nằm cuối danh sách cơ quan thiện nguyện và có rất ít người ghi danh.

Trong trại, một số chính phủ như Gia Nã Đại, Pháp, và Colombia cũng lập văn phòng chiêu mộ di dân. Thấy cựu Phó Thủ tướng kiêm Quốc vụ khanh Phạm Văn Thanh làm đại diện cho chính phủ Colombia, tôi vào hỏi thăm và thử nộp đơn xin đi Colombia. Hai tuần sau, ông cho biết Đại học Quốc gia ở thủ đô Bogotá đã chấp thuận mời vợ chồng tôi sang làm giáo sư, nhưng ông cũng

như tôi đều biết là không ai có cơ hội định cư ở Hoa Kỳ mà lại di cư sang một nước Nam Mỹ chậm tiến.

Ngày hai bữa trưa tối, tôi và Quỳnh Châu nắm tay nhau đứng sắp hàng ăn cơm nhà bàn Thủy quân Lục chiến nấu. Ngoài thời giờ dạy hai em nhỏ nhất Lâm và Trọng học Anh văn, tôi giải trí bằng cách “làm toán thầm” – nhớ lại và chứng minh trong đầu công thức và kết quả trong *CRC Standard Mathematical Tables and Formulae* (Bảng kê và công thức toán học căn bản), cuốn sách tham khảo tôi dùng để soạn *cua* (“tiếng Pháp “cours” là bài giảng) dạy sinh viên.

Sau bữa ăn chiều, tôi thường sắp hàng trước phòng điện thoại công cộng để gọi bạn bè ở Hoa Kỳ và Gia Nã Đại. Hệ thống Điện thoại Bell có lối gọi *collect* thật giản tiện cho người gọi đi, nhưng rất *đau* túi tiền của người được gọi tới: Tôi chỉ cần quay số “không” (*zero*) tới tổng đài và nói tên người và số điện thoại muốn gọi. Nhân viên tổng đài, thường là phụ nữ, gọi số đó và khi khổ chủ chịu nhận cú điện thoại (đồng ý trả tiền) sẽ nối vào cho tôi tha hồ than thở kể khổ. Đôi khi đường dây bận hay người nhận chưa kịp trả lời, cô tổng đài nói, “Please hang on,” tức là “Làm ơn bám chắc vào,” khiến tôi lấy làm băn khoăn. Một hôm tôi đánh bạo hỏi,

“Trong phòng này không có dây nhợ hay tay vịn gì cả, cô bảo tôi ‘bám chắc vào’ đâu?”

Cô tổng đài cười xòa giải thích, trong lối nói thường ngày của người Mỹ, “hang on” nghĩa là “giữ máy” hay “chịu khó chờ.” Điều này, tự điển Anh-Việt không nói.

* * *

Trại Pendleton chứa hơn 120 ngàn người tỵ nạn và chia làm năm trại khác nhau. Gia đình tôi được chỉ định ở Trại 3 xa vắng phòng trung ương nhất. Không muốn bon chen giành chỗ “tốt” như nhiều người khác và muốn yên tĩnh, tôi chọn căn lều xa nhất nằm trên đồi ít người lai vãng. Nhờ hệ thống “vô tuyến truyền miệng,” tôi tìm được một số bạn bè và người quen thời Sài Gòn, trong đó có Tú, thằng bạn thân từ thuở mới bước vào ngưỡng cửa đại học.

Được tin tôi đến Trại Pendleton, Leon đang dạy học bên Nhật vội vàng bay về Mỹ thăm tôi. Anh lớn hơn tôi bảy tuổi, quê ở bắc California, ngày trước sang Việt nam phục vụ trong đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế, và học tiếng Việt với tôi lúc tôi học trung học ở Ban Mê Thuột. Sau đó, anh về nước đi học lại lấy bằng tiến sĩ ở Đại học California Berkeley và sang dạy học tại Đại học Sapporo ở bắc Nhật Bản, và chúng tôi thư từ liên lạc thường xuyên. Vào Trại Pendleton, anh nằm trong lều cả buổi chiều nghe tôi kể lại những ngày cuối cùng ở Sài Gòn và cuộc hành trình gian lao xuyên qua Thái bình dương. Trước khi chia tay anh hỏi,

“Tôi có thể làm được gì cho em?”

Đã soạn sẵn *résumé* (bản tóm lược bối cảnh học hành và làm việc) của mình, tôi đưa bản viết tay cho Leon. Một tuần sau, tôi nhận được một chục bản *résumé* anh soạn lại và thuê in trên giấy quý. *Résumé* của tôi hoàn hảo *hết chỗ chê*, duy có một điều không ổn là địa chỉ của đương sự – Lều 68 Trại 3, Trại Pendleton, California 92055. Nhìn bản *résumé*, Tú cười khi,

“Mày không tính xin làm bộ trưởng cho Tổng thống Ford đấy chứ?”

Những ngày chờ bảo trợ dài lê thê, tôi không còn hăng hái đi bộ sáu cây số đến văn phòng Hội nghị Do thái Thế giới hỏi thăm tin tức. Một buổi chiều đầu tháng Tám, tôi đang làm toán thăm thì Tú bước vào lều nói oang oang,

“Sư mày, sáng đến giờ loa phóng thanh gọi tên mày ơi ới, sao còn ngồi đây?”

Hệ thống truyền thanh chỗ đông là phương tiện truyền tin duy nhất trong trại. Tôi uể oải hỏi, “Vậy sao? Tao có biết gì đâu.”

“Nó bảo mày đến văn phòng Lutheran chứ không phải hội Do thái Do thiếc đâu.” Tú nhắc nhở.

Sáng hôm sau tôi lên văn phòng LSS và gặp bà giám đốc Diane. Bà hân hoan cho biết nhà thờ Ba Ngôi Lutheran ở Bismarck, North Dakota sẵn lòng bảo trợ gia đình tôi. Tôi thắc mắc,

“Tôi không ghi danh với cơ quan bà, tại sao bà lại lo cho tôi và làm sao nhà thờ đó biết tôi mà muốn bảo trợ?”

“Tôi thực không rõ. Cơ quan Xã hội Lutheran gửi điện văn khắp bốn trại tỵ nạn tìm đích danh anh,” bà lắc đầu trả lời.

Khi di tản, tôi mang theo cuốn lịch bỏ túi 1975 của hãng General Electric mà khoảng một chục trang sau cùng in dữ kiện kỹ thuật thông dụng, bản đồ năm châu, và thông tin sơ sài về các thành phố chính trên thế giới. Theo cuốn lịch nhỏ này, tháng Giêng ở Bismarck, ban đêm nhiệt độ thấp nhất trung bình là -20°C. Ôi lạnh kinh hồn! Tối hôm đó, tôi họp gia đình bàn về đề nghị của nhà thờ, Quỳnh Châu và các em nói tùy tôi quyết định. Sau một đêm trằn trọc nằm mở mắt nhìn nóc lều, tôi nhận ra điều này: So với Việt Cộng là lũ người tàn ác dã man nhất thế gian, cái giá lạnh miền bắc nước Mỹ thấm thía vào đâu. *Nhằm nhờ gì ba chuyện lẻ tẻ.*

Tôi trở lại văn phòng LSS với xấp *résumé* trên tay và đồng ý nhận bảo trợ nếu nhà thờ bảo đảm việc làm thích hợp với khả năng tôi. Bà Diane hăng hái,

“Việc đó dễ quá, tôi dàn xếp ngay.”

Hai tuần sau, tôi được gọi lên phòng hội trụ sở trung ương Trại Pendleton để được phỏng vấn bằng điện thoại với bốn công ty điện và điện tử đặt trụ sở tại Bismarck, với sự chứng kiến của đại diện 13 cơ quan thiện nguyện. Bà Diane nói do trường hợp khá đặc biệt và yêu cầu hợp lý của tôi, bà thu xếp cuộc phỏng vấn này để chứng tỏ với dân chúng và chính phủ Hoa Kỳ khả năng và thiện chí của những cơ quan thiện nguyện. Vì tôi là người tỵ nạn đầu tiên tìm việc theo lối này, bà bồn chồn thấy rõ,

“Có chắc là anh không cần thông dịch?”

“Bà đừng lo, tiếng Anh của tôi cứng lắm,” tôi mỉm cười tự tin.

“Đồng người quá có làm anh khóp không?”

“Không sao, tôi quen dạy học và nói chuyện trước đám đông,” tôi trấn an bà.

Những vị giám đốc kỹ thuật phỏng vấn tôi rất thân thiện và niềm nở. Họ đã xem xét kinh nghiệm nghề nghiệp và căn bản học vấn của tôi nên không hề chất vấn kỹ năng mà, thay vào đó, “khoe” những chương trình tinh vi hay thiết bị tối tân của họ để khuyến dụ. Họ chỉ thắc mắc,

“Ông lấy đâu ra thì giờ để làm việc và học hành ngần ấy thứ?”

“Mỗi ngày có 24 tiếng đồng hồ; tôi suy nghĩ nhanh nên thường dư thì giờ làm nhiều việc khác nữa,” tôi trả lời không mấy khiêm tốn.

Vài ngày sau khi đến Bismarck, tôi được ông Gardner đại diện nhà thờ cho biết nguyên ủy: Đáp ứng lời kêu gọi của LSS, họ đạo quyết định bảo trợ một gia đình tỵ nạn Việt nam. Với óc thực tế của dân North Dakota, ông tiếp xúc với nha Chức nghiệp North Dakota, hỏi nghề nào dễ kiếm việc nhất tại địa phương, và được cho biết, với mỏ dầu Bakken khổng lồ mới khám phá ở vùng tây bắc, nền kinh tế tiểu bang phát triển mạnh mẽ và cần nhiều kỹ sư điện. Do đó, ông viết thư xin bảo trợ gia đình một kỹ sư điện và, theo cách làm việc của người Mỹ, gửi tới văn phòng LSS ở trại tỵ nạn gần nhất – Đồn Chaffee ở Arkansas. Vì vậy, ông cũng rất đỗi ngạc nhiên khi bà Diane gọi điện thoại từ Trại Pendleton ở California nói về việc bảo trợ gia đình tôi.

* * *

Năm 1986, tôi đi họp ở Toronto, Gia Nã Đại, tình cờ gặp người học trò cũ là Đẳng đang làm kỹ sư cho Thủy điện Ontario, và được chàng mời về nhà ăn cơm tối. Năm 1975, giống như tôi, gia đình chàng di tản bằng tàu Hải quân và tới trại Orote Point trên đảo Guam. Chàng nghe phong thanh tôi *đi* được và đang ở Orote Point, nhưng chưa có cơ hội tìm gặp thì gia đình chuyển vào trại Đồn Chaffee ở Arkansas. Chàng giới Anh văn và được văn phòng LSS thuê làm thông dịch viên giúp đồng hương làm giấy tờ tìm bảo trợ. Chàng kể,

“Lần đầu tiên trong đời em kiếm ra tiền, sướng không thể tả! Mỗi giờ lãnh một đô la hai mươi lăm xu (\$1.25) mà vào câu lạc bộ Mỹ uống *beer on tap* [bia lấy từ vòi ra] chỉ phải trả mười xu một ly cối.”

“VẬY Đẳng là ‘thủ phạm’ khiến cơ quan Lutheran gửi điện văn cùng khắp để kiếm tôi?” tôi nghĩ ra ngay.

Đẳng cười tủm tỉm thuật lại chuyện 11 năm trước. Khi văn phòng LSS ở trại Đồn Chaffee nhận được thư xin bảo trợ của nhà thờ, chàng được phân công phổ biến và theo dõi yêu cầu đó. Sau bốn tuần lễ, không thấy ai chịu đi North Dakota, chàng ghi tên tôi vào mặc may dù không biết ông thầy cũ đang trôi giạt ở trại nào. Thế là LSS gửi điện văn đến cả ba trại tỵ nạn kia tìm tôi, và tôi là người tỵ nạn duy nhất có được cái vinh dự đó. Nhưng chàng không hề biết kết cục,

“Ngay sau đó, em đi Gia Nã Đại nên đến bây giờ, nghe thầy kể, em mới biết bọn Lutheran tìm thấy thầy.”

Đẳng xuống tầng hầm nhà lục thùng giấy tờ cũ, lấy lên một tờ bìa cứng hình vuông cỡ bằng tấm bưu thiếp có chữ viết tay trên cả hai mặt ghi chép *ca* (“cas” tiếng Pháp là trường hợp) “Nhà thờ Ba Ngôi Lutheran” và trao cho tôi. *Tấm phiếu định mệnh* này đã đưa tôi về thành phố Bismarck hiền hòa, nơi các con tôi sinh ra và lớn lên. Ông Trời có những sắp xếp bí ẩn thật không ngờ.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 29 tháng Giêng, 2025

Ai Nữ Ép Duyên

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Một ngày đầu thu 1999, tôi bay xuống Austin, Texas dự phiên họp của Tiểu ban Thẩm định Khả năng Đáng Tin cậy của hệ thống điện Bắc Mỹ. Phiên họp được tổ chức tại một khách sạn ở khu thị tứ, trong khi nhà mẹ, Sang (em kế tôi), và Bình (cô em gái duy nhất) ở gần nhau và cách xa trung tâm thành phố khoảng 15 dặm Anh về phía bắc. Chuyển đi này là lần đầu tiên tôi đến nhà mẹ vì mới hồi đầu năm, mẹ đồng ý để mấy đứa con chung sức mua cho mẹ căn *town house* là nhà có cùng kiểu và chung vách với hàng xóm. Mẹ dặn trước,

“Nhà mẹ nhỏ chỉ có một phòng ngủ, *mi* phải trải nệm nằm ngủ dưới đất trong phòng khách.”

Họp xong, tôi mới được hạnh phúc ngủ ở nhà mẹ. Tôi báo với mẹ vì công việc ở North Dakota lúc này khá bẽ bộn nên tôi chỉ ở nán lại thêm một ngày, mặc dù sau gần 25 năm làm việc cho công ty, mỗi năm tôi có trên năm tuần nghỉ phép và không bao giờ dùng hết. Mẹ rầy yêu,

“*Mi* tuổi Tý con chuột *chớ* có phải tuổi Sửu con trâu như mẹ *mô* mà làm việc quần quật như trâu và đi *mô* cũng lật đa lật đặt như chim bay chuột chạy. *Tội rứa!*”

Câu nói của mẹ gói ghém lòng tin cậy đối với đứa con trai mẹ tin là chịu cực chịu khó và làm việc gì cũng làm đến nơi đến chốn. Ngày xưa, nhà chỉ có ba anh em: anh Quang, ở nhà gọi là *thằng Gái*; tôi, ở nhà gọi là *thằng Bé*; và Sang nhỏ nhất. Tôi và anh Quang phải làm những việc vặt như quét nhà, lau bàn, và chạy ra tiệm chạp phô mua đôi ba món mẹ cần gấp. Mỗi lần sai anh Quang làm chuyện gì, mẹ đều than phiền; thí dụ,

“*Thằng Gái xõng lưng*, quét nhà không sạch!”

“*Xõng lưng*” là giờ thẳng lưng ra, ý nói là ngay lưng làm biếng; hay,

“*Thằng Gái mần phết lông*, để *thằng Bé* mần cho xong chuyện.”

“*Mần*” là làm, và “*mần phết lông*” là làm qua loa lấy có. Dần dần tôi trở thành “con trâu” nhỏ, chăm chú làm mọi việc mẹ sai sử, và sung sướng thấy mẹ vừa lòng. Cứ thế mà quen nếp: Mẹ biểu gì, tôi làm nấy, và hễ mẹ vui lòng là tôi mãn nguyện.

Tôi mời mẹ ra tiệm phở ăn trưa. Tưởng là mẹ sẽ từ chối vì nhà còn nhiều món ăn khoái khẩu của *thằng Bé* mà mẹ làm để dành sẵn, không ngờ mẹ gật đầu, như đã có chủ ý,

“Ờ, ăn xong *mi* chở mẹ tới thăm *mụ* Phó Kiện bên Round Rock.” Round Rock là thành phố ngoại ô cách xa Austin khoảng 20 dặm Anh.

“Bà Kiện qua đây hồi nào mà con không hay?”

“*Mụ* *nớ* qua gần mười năm rồi mà mẹ chưa nói với *mi*.”

“*Phó Kiện*” là ông Kiện phó tỉnh trưởng hành chánh của cha thời cha ở Tuy Hòa giữ chức vụ cầm đầu tỉnh Phú Yên. Ông là một nhà hành chánh có tài, làm việc rất đặc lực, và được cha một mực kính mến, và hai gia đình gần gũi với nhau. Tương tự như tôi và Sang ở nhà cha mẹ trong

cư xá Bắc Hải ở Sài Gòn để đi học, hai người con lớn của ông bà Kiện – Xuân Nguyệt học đệ nhất (lớp 12) trường Gia Long, và cậu em học đệ nhị (lớp 11) trường Pétrus Ký – ở nhà ông bà trên đường Nguyễn Đình Chiểu bên Đa Kao. Tôi thường đến nhà ông bà chơi với chị em Xuân Nguyệt và được tự do đưa nàng đi chơi.

Với mái tóc dài xõa ngang lưng, nét mặt thanh tú, và giọng nói dịu dàng, Xuân Nguyệt thông minh và học giỏi. Cuối năm trước, nàng lãnh phần thưởng toàn trường và đậu Tú tài I hạng ưu. Cô hoa khôi Gia Long, mẫu người ước mơ của hầu hết nam sinh viên Sài Gòn, lại mềm mỏng chiều chuộng và tha thiết yêu một đứa *cù lần* mặt mày không mấy sáng sủa như tôi. Tuy nhiên, tôi quý mến nàng như một cô em gái thân yêu và chưa một lần vượt qua ranh giới đó. Bằng mối tình câm, tôi đã trao trọn con tim cho Quỳnh Châu, cô học trò dạy kèm đã đi du học tại Đại học Stanford bên kia Thái bình dương.

Sau đó, cha rời Tuy Hòa về Nha Trang phục vụ tại bộ Tư lệnh Quân khu II, ông Kiện tiếp tục làm việc ở Tuy Hòa, và mối liên hệ giữa hai gia đình không còn chặt chẽ như trước. Rồi tôi cãi lời cha bỏ nhà *đi bụi đời*, và ông Kiện quyết định gửi Xuân Nguyệt đi Tây Đức du học tự túc vì không muốn nàng đầu tư tương lai vào một đứa *“cù bơ cù bất”* không cửa không nhà.”

Lấy cớ thỉnh thoảng mẹ ghé lại nhà Xuân Nguyệt hỏi thăm tin tức thằng con *phiêu bạt giang hồ* và nhờ nhắc lại những điều cần thiết, tôi tiếp tục đến với nàng để khóa lấp nỗi trống trải của những ngày lang bạt. Tôi vẫn đưa nàng đi chơi và đôi khi ở lại chuyện trò qua đêm như trước. Tôi để ra gần nửa năm đi học lớp Đức ngữ ở Trung tâm Văn hóa Pháp cùng với nàng để sau buổi học, giảng lại cho nàng vì giáo sư dạy bằng tiếng Pháp mà nàng không hiểu rõ.

Một đêm gần đến ngày xuất ngoại, Xuân Nguyệt tựa đầu lên vai tôi nói trong nước mắt,

“Em thương anh hơn hết mọi thứ trên đời. Anh muốn em làm gì em cũng làm, miễn là được sống bên anh.”

“Nguyệt ơi, anh là kẻ không ra gì và chưa biết ngày mai mình sẽ ra sao. Đừng vì anh mà hy sinh cả một tương lai rực rỡ trước mặt,” tôi vuốt tóc nàng.

“Anh đừng nói vậy. Nếu anh về nhà nói hai bác qua hỏi cưới em, em sẽ sung sướng hủy bỏ vụ du học và ở nhà làm vợ anh. Hoặc giả nếu anh chưa sẵn sàng cho em về với anh, hai đứa cứ làm lễ hỏi trước khi em đi. Em sẽ là hoa có chủ trong năm năm rồi trở về với anh,” dường như nàng đã suy tính từ lâu.

“Em cứ để dòng đời trôi đến, rồi định mệnh sẽ an bài. Em đi, anh hứa sẽ luôn luôn giữ Sài Gòn gần em,” tôi nắm chặt tay nàng.

Ngày Xuân Nguyệt lên đường, tôi ra phi trường Tân Sơn Nhứt, nhưng không tiễn đưa như những người thân của nàng mà đứng ở đài quan sát trên lầu nhìn xuống. Hình như nàng cũng cảm thấy sự hiện diện của tôi nên trước khi lên máy bay, nhìn lên đưa tay vẫy. Lòng buồn rười rượi, nhưng tôi tin mình đã quyết định đúng đắn cho cả hai đứa.

Tôi giữ lời hứa. Sau khi nhận được lá thư đầu tiên Xuân Nguyệt gửi từ Tây Đức ghi địa chỉ ở Hamburg là thành phố lớn nhất của nước này, tôi mua bán nguyệt san *Đời do Chu Tử* (1917 - 1975) chủ trương là tờ báo tôi yêu chuộng nhất, mang tới nhà in quen nhờ cắt xén các lễ trắng

để giảm bớt trọng lượng (và cước phí), gói cuộn lại, và mang ra bưu điện gửi cho nàng. Tôi chỉ viết cho nàng một lá thư duy nhất, chúc nàng may mắn và thành công. Nàng viết cho tôi hằng tuần cho đến nửa năm sau, đột nhiên ngừng viết, trong lúc mỗi hai tuần tôi vẫn liên tục gửi báo. Khoảng nửa năm nữa, tôi nhận được thư Nhơn bạn nàng cho biết nàng đã chuyển sang học nơi khác và báo đến không có người nhận.

Mùa xuân 1973, sau khi Hiệp định Hòa bình Paris được ký kết, chính phủ Việt nam Cộng hòa khuyến khích du học sinh về thăm quê hương để hiểu rõ hiện tình đất nước. Tôi biết là vào dịp hè thế nào Xuân Nguyệt cũng về Sài gòn thăm nhà, nhưng không ngờ lại thấy nàng ở quán cà-phê Đa La sau sân vận động Cộng hòa, nơi khi trước tôi đưa nàng đến hằng tuần. Nàng đến với một thanh niên trẻ, và hai người âu yếm nói cười – rõ ràng là một đôi tình nhân. Biết nàng nhìn tôi chằm chằm, nhưng để tránh ngớ ngàng cho cả hai bên, tôi vờ như không thấy họ. Tôi ra về trước, không ngoái lại nhìn, và thấy lòng mình nhẹ nhõm như vừa trút đi một gánh nặng.

* * *

Nếu không có lời chào trịnh trọng của mẹ khi vào nhà, tôi sẽ tưởng lầm người đàn bà trước mặt là Xuân Nguyệt, chứ không phải bà Kiện mà tôi biết chỉ kém mẹ vài tuổi. Hơn 30 năm trước, bà là một mệnh phụ phu nhân xinh đẹp; bà và con gái đứng bên nhau, ai cũng ngỡ là hai chị em. Có lần tôi nói lại với bà điều này, bà cười xòa trêu tôi,

“VẬY THÌ *Bà Hoa* SẼ NÓI AI LÀ CHỊ, AI LÀ EM?”

Mẹ bưng tách trà lên môi, nhấp một hớp, và mở lời,

“Hôm nay *tui* biểu thằng *Bà Hoa* đưa tới thăm chị để nối lại tình thân của hai gia đình mình. Ông nhà *tui* và bác trai đã qua đời, *tui* và chị cũng gần đất xa trời, và không lý tụi mình để hai đứa nhỏ mai đây thành hai người xa lạ.”

“Chị nói thật hợp ý em,” bà Kiện lấy khăn chấm nước mắt, “Em nghĩ mãi về chuyện này từ ngày ông nhà em bị Việt Cộng giết hại trong trại tù ‘cải tạo.’ Hai đứa con mình, dù không có duyên vợ chồng thì cũng có nghĩa anh em.”

“Thưa bác, bây giờ Nguyệt ở đâu?” tôi xen vào hỏi.

“Nó và đứa con gái 19 tuổi tên Nguyệt Thu đang ở đây với bác. Bác đã gọi điện thoại cho nó ở hăng. Ô kìa, nó về rồi,” bà reo nhẹ.

Xuân Nguyệt gật đầu chào mẹ, nhảy bổ tới ôm chào tôi, và khi buông ra, nhìn tôi từ đầu đến chân,

“TRÔNG *Bà Hoa* CỦA EM VẪN HÀO HOA PHONG NHÃ NHƯ LẦN GẶP CUỐI CÙNG Ở ĐA LA.”

“Em mãi là cô hoa khôi Gia Long trong lòng anh,” tôi cười cười đáp, “Nhưng anh cứ băn khoăn, tại sao đi với *bồ* mà em lại chọn quán Đa La. Không lý hai người không biết nơi nào khác hơn?”

“Em cố tình rủ Nhơn đến đó để gặp anh và giải bày những điều anh có thể thắc mắc. Nhưng khi thấy anh, em biết anh đã biết hết; dường như hai đứa mình có thần giao cách cảm, không cần nói cũng hiểu nhau,” nụ cười của nàng dễ thương như ngày nào.

Xuân Nguyệt kéo tay tôi ra vườn sau ngòi và tiếp tục chuyện cũ,

“Năm đầu tiên sang Đức, em ở đại học xá dành cho sinh viên Việt nam ở Hamburg. Cuốn báo *Đời* được bạn em nâng niu chuyền tay nhau đọc, và anh là đề tài bàn tán nóng hổi của bọn nữ sinh viên, trong đó có một chị là bạn thân của Quỳnh Châu và sang Đức trước em một năm. Nhờ đó em biết được mối tình sắt son của anh đối với *chỉ* và hiểu ra tại sao anh không tiến tới cuộc hôn nhân mà bà bác và má em đã ước hẹn với nhau.”

“Cám ơn em đã không trách anh,” tôi gật đầu cảm kích.

“Em cần rằng cắt đứt liên lạc với anh và nhờ Nhơn viết thư nói anh ngừng gửi báo. Nhơn sang Đức trước em hai năm và trước khi về thăm nhà mùa hè 1973, *xin bàn tay* em. Sau khi hai gia đình làm đám hỏi, em và Nhơn đến Đa La mỗi đêm trong hơn một tuần lễ và cuối cùng gặp được anh,” nàng nắm tay tôi kể lại phần đời sau đó.

Tháng Tư năm 1975, miền Nam thất thủ, ông Kiện bị bắt đi tù “cải tạo,” và gia đình sống cơ cực. Ở Tây Đức, Xuân Nguyệt chưa tốt nghiệp mà nhà đã hết gửi tiền qua. Nàng và Nhơn ra tòa thị chính làm lễ thành hôn, và hai vợ chồng đưa nhau vào tòa Đại sứ Hoa kỳ xin tỵ nạn Cộng sản, được đưa sang trại tỵ nạn Đồn Indiantown Gap ở Pennsylvania, và được bảo trợ ra định cư ở Philadelphia, Pennsylvania. Giai đoạn đầu sống ở Hoa kỳ của hai người rất vất vả. Nhơn đã tốt nghiệp kỹ sư cơ khí ở Tây Đức, nhưng kém Anh ngữ nên phải làm việc chân tay như vợ. Họ cố gắng kiếm tiền và dành dụm để gửi về Việt nam giúp gia đình hai bên.

Sau ngày bé Nguyệt Thu ra đời, Xuân Nguyệt trở lại trường, học tại Đại học Pennsylvania ở Philadelphia, và hoàn tất chương trình kỹ sư hóa học. Gia đình nàng sống yên ổn hạnh phúc được năm năm thì Nhơn lâm bạo bệnh từ trần. Chôn cất chồng xong, người quả phụ trẻ đưa con gái dờn về Austin làm việc cho một công ty dược khoa. Năm 1990, bà Kiện và các em của Xuân Nguyệt nhập cư Hoa kỳ theo diện H.O., gặp lại nàng sau gần 30 năm xa cách.

Trong bữa cơm chiều, tôi hỏi mẹ,

“Hồi đó, mẹ muốn làm sui gia với bà Kiện, sao không nói cho con biết?”

“Mẹ *ưng rứa* [muốn vậy] là một chuyện, nhưng gia thất là duyên nợ của *mi*. Mẹ biết *mi* thương mẹ, khi *mô* cũng rán làm cho mẹ vui; nên nếu mẹ nói ra thì dù không *ưng* [thương] *hắn*, *mi* cũng lấy,” mẹ thở dài.

“Thì có sao đâu! Nguyệt rất xứng đáng làm dâu của mẹ mà,” tôi nhăn mặt.

“*Mi* không biết người mình nói, ‘*Ép đầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên,*’ hay rằng? Mẹ đời *mô* *mần* chuyện ép duyên *nớ?*”

Thương tôi, không ai bằng mẹ. Và hiểu tôi, cũng không ai bằng mẹ. Tôi thương mẹ quá đi.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 12 tháng Hai, 2025

Tri Thiên Mệnh

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối hè 1968, Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật ở Phú Thọ, Sài Gòn khánh thành Cư xá Sinh viên Kỹ thuật ở khu đất sau trường Quốc gia Kỹ sư Công nghệ. Nhờ đó, cuộc sống đi học xa nhà của nhiều người bạn tôi, trong đó Đắc, Lộc, và An là ba đứa thân nhất, được cải thiện đáng kể. Đắc quê ở Phan Thiết và Lộc nhà ở Đà Lạt học cùng lớp kỹ sư điện với tôi, An nhà ở Tùng Nghĩa gần Đà Lạt học công chánh là bạn nối khố của Lộc, và ba thằng ở cùng phòng.

Khi đến Cư xá tìm bạn, tôi gặp một “quái nhân” dong dong cao, tứ thời mặc chiếc áo sơ-mi caro cũ kỹ bỏ thông ngoài chiếc quần nhà binh màu ô-liu, và ngoài giờ học ngồi “chờ thời” ở quán nước dưới tàn cây sau giảng đường Công nghệ do con gái ông cai trường đứng bán. Đó là Chức quê ở Trại Hầm Đà Lạt học công chánh và đã học cùng lớp khoa học cơ bản với tôi năm đệ nhất niên, nhưng cuối năm ở lại lớp nên sau đó dưới tôi một năm. Nó ở trong Cư xá và có lẽ là sinh viên nghèo nhất Trung tâm: không có phương tiện di chuyển, không đi dạy kèm tư gia, và ăn chuối trừ bữa nhiều hơn ăn cơm. Chuyên nghiên cứu tử vi là phép đoán số theo các vì sao và giải xem tướng và chỉ tay, nó nói năng ôn nhu lễ phép và sẵn lòng bói cho bạn, và dĩ nhiên bạn sẽ sẵn lòng *chi* cho nó một chén cà-phê.

Tôi thích nghe chuyện và muốn biết thêm về môn tử vi nên thường đãi Chức uống cà-phê để nghe nó giảng giải. Tuy nhiên, tôi nhất định không cho nó xem chỉ tay hay lấy tử vi. Tôi càng từ chối, nó càng nài nỉ,

“*Ba Hoa* cho Chức biết ngày giờ năm sinh. Nhìn *Ba Hoa*, Chức thấy có nhiều tướng quý, nhưng phải lấy tử vi mới luận bàn chính xác.”

“Tôi không biết ngày giờ sinh thực sự của mình. Vả lại, theo tôi, tử vi bói toán là một việc làm vô bổ.”

Tôi nói thật vì ngày trước trẻ sơ sinh ngoài làng quê Quảng Bình sinh ra không làm giấy khai sinh. Sau khi mẹ đưa ba đứa con lớn di cư vào Nam, cha ra toà án xin lập chứng chỉ thể vì khai sinh và ghi đại ngày và tháng sinh của mọi người trong gia đình nên không ai có đúng ngày sinh tháng đẻ của mình. Chức phản đối nhẹ nhàng,

“Sao lại vô bổ được? Chức học và luyện tử vi nhiều năm nay và chưa bao giờ đoán sai nên bạn gọi là ‘Trần Đoàn Tiên sinh.’” Trần Đoàn, tức Hy Di tử, sống vào đời Bắc Tống bên Trung hoa là người tổng hợp và xếp đặt môn bói này thành hệ thống, và nổi tiếng về tài tiên tri.

“Tôi thấy đó là một nghịch lý!” tôi cười khà, “Theo lý luận toán học, tin tưởng vào bói toán phải đặt trên một ‘định đề’ căn bản: Mọi việc xảy ra đều do số mệnh, nghĩa là đã được định sẵn. Phải không?”

“Đúng vậy,” nó đồng ý.

Trước đôi mắt tròn xoe của Chức, tôi lý luận,

“Nếu giả sử Chức đoán đúng, chẳng hạn như tháng sau tôi sẽ *ngủm củ lèo* theo ông bà sang thế giới bên kia, có biết trước cũng không thay đổi được gì; phải không?”

“Ý *Ba Hoa* là sao?” nó vờ chưa hiểu.

“Thay vì tận hưởng những giây phút ngày tháng của cuộc đời, tôi sẽ phí phạm thì giờ quý báu để lo âu về cái chết sắp tới của mình. Có ích lợi gì?”

“Nhưng biết trước vẫn hơn,” nó chống chế.

“Hơn chỗ nào? Ngược lại, nếu Chúc đoán sai, tôi sẽ đau khổ buồn rầu vô lối và có khi hành động điên rồ. Trong cả hai trường hợp – đúng hay sai – không nhờ ‘thầy’ đoán tương lai vẫn thoải mái hơn,” tôi kết luận.

* * *

Sáng Chủ Nhật tôi và ba thằng bạn thân thường ngồi hàng giờ ở quán Cà-phê Nhân trên đường Lý Thái Tổ uống cà-phê và “luyện chương,” tức là tán chuyện về những nhân vật trong truyện kiếm hiệp Kim Dung. Lúc ấy, ông đã viết xong bộ *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, nhưng bộ mới nhất là *Lộc Đỉnh Ký* còn đăng từng kỳ trên báo hằng ngày ở Hương Cảng. Mỗi ngày, báo Sài gòn cho người đón báo Hương Cảng qua sớm rồi vội vàng mang đến nhà dịch giả Hàn Giang Nhạn nhờ dịch gấp cho kịp lên khuôn vào ấn bản phát hành trong ngày.

Dáng người nhỏ bé và nhanh nhẹn, Đắc có óc khôi hài bén nhạy, và trên đôi môi mỏng luôn nở nụ cười, nhưng niềm vui tắt nhanh. Nó mê Vi Tiểu Bảo trong *Lộc Đỉnh Ký*,

“Vi Tiểu Bảo đắm mình trong thế giới gian trá của kỹ viện và hoàng cung nên khôn lanh và quỷ quyệt hơn người thường. Gian, nhưng không ác; giảo hoạt, nhưng nghĩa khí; tham tiền tài, nhưng không tiếc của; làm ơn, nhưng không mong báo đáp; và mê gái nên hay mắc lừa đàn bà, nhưng không nghĩ tới chuyện trả đũa. Chỉ Kim Dung mới dựng nổi một nhân vật tuyệt vời như vậy.”

Tôi lại khoái Lệnh Hồ Xung trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ* hơn,

“Tao không thích Vi Tiểu Bảo. Lệnh Hồ Xung của tao thông minh tuyệt vời, tính tình phóng khoáng, ham uống rượu và đánh bạc, kết thân với nhiều kỳ nhân dị sĩ giang hồ, và gặp nhiều chuyện xui xẻo oan ức khiến người đọc vừa mến phục vừa thương cảm.”

Lộc tìm cách lái cuộc tranh biện quen thuộc sang chuyện khác; nó hỏi Đắc,

“Vi Tiểu Bảo có đến bảy cô vợ xinh đẹp tuyệt trần, mà chỉ có một mình Thúy Phương mà lại giấu biến đi, không cho anh em gặp mặt. Vậy là sao?”

“Phương vẫn học trường Văn khoa và ở Lưu xá Thanh Quan trên đường Hiền Vương đó, tao có quyền hành gì mà giấu?” Đắc cười nửa miệng.

“Trước đây hai anh chị dung dăng dung dẻ dắt tay nhau đi chơi, sao đột nhiên mà rút lui không kèn không trống?” An xen vào.

“Hai thằng mà được tài có ít xít ra nhiều! Phương là đàn em ở trường trung học Phan Bội Châu Phan Thiết và lúc mới vào Sài gòn học cần tao giúp đỡ, nhưng bây giờ có thằng Giải bạn tao học Nông Lâm Súc theo đuổi và say mê,” Đắc giải thích, nhưng không thuyết phục được ai.

Tối thứ Sáu sau lễ Giáng sinh, nhân vừa được trả một món tiền lớn, tôi rủ ba thằng tới quán thịt rừng Cổ Loa trên đường Phạm Ngũ Lão ăn mừng, thưởng thức những món ăn lạ miệng, và gọi bia “33” uống *lia chia*. Đắc chưa uống đã say, nói lè nhè từ đầu đến cuối, và bắt chúng tôi hứa sẽ về thăm Phan Thiết với nó. Cả bọn đã dự định sáng hôm sau đi Vũng Tàu chơi rồi chiều Chủ

Nhật về. Nhưng trước khi chia tay về Đại học xá Minh Mạng, nơi tôi đang ở, tôi đổi ý. Là trưởng ban báo chí của ban đại diện sinh viên trường Điện, tôi có nhiệm vụ trông coi ấn hành đặc san xuân trước hạ tuần tháng Chạp âm lịch, và,

“Bài vở gửi cho đặc san nhiều quá, gần tới ngày giao bài cho nhà in mà tao chưa chọn bài và sắp xếp nội dung xong. Tụi mày đi chơi đi, tao ở nhà làm cho kịp.”

Suốt ngày thứ Bảy, tự dưng tôi thấy tâm trí bất an và không sao tập trung tinh thần để làm việc. Tôi vào giường khoảng nửa đêm, nhưng không thể ngủ yên và trong giấc ngủ mơ màng, nghe tiếng rên rĩ khóc than của một người nào đó. Năm giờ sáng, hết giờ giới nghiêm, nét mặt thê lương của An xuất hiện ngoài cửa,

“Thằng Đắc chết rồi!”

“Sao vậy?” tôi la thất thanh, không tin tai mình.

“Trưa hôm qua, chiếc xe đồ vừa qua khỏi Biên Hòa, ngon trớn chạy nhanh, rẽ phải ở Ngã Ba Vũng Tàu đi về hướng đông, và bất chợt thắng gấp để khỏi cán chiếc xe gắn máy chạy trước mặt. Xe đồ lật, bốn bánh chống lên trời. Trên xe không ai bị thương tích, ngoại trừ thằng Đắc. Nó bị cái que nhỏ như cây đinh trên thành ghế đâm vào tử huyết sau gáy và ra đi không kịp kêu một tiếng.”

Tôi đau đớn nhắc lại trước đây Chúc lấy lá số tử vi của Đắc và quả quyết nó sẽ bất đắc kỳ tử. Chúng tôi xem đó là chuyện bói toán huyền hoặc và thường mang ra làm trò cười. Ôi, điều này thực sự xảy đến hay sao? Gần đây chúng tôi thấy Đắc có vẻ bồn chồn lo lắng và cố tình tránh né tình yêu của Thúy Phương. Và tối hôm trước, bắt bạn hứa về thăm Phan Thiết với nó phải chăng là linh cảm sắp ra đi?

Trong khi chờ đợi gia đình Đắc từ Phan Thiết vào, tôi và Lộc xin phép ông giám đốc trường Điện cho quản linh cữu Đắc ở trường rồi sắp xếp với công ty tổng táng Tô Bia trên đường Hai Bà Trưng lo việc tẩn liệm, cất rạp tại sân trường, và đưa linh cữu về trường. Trong ba ngày đám tang tại trường, chúng tôi giúp gia đình Đắc tiếp bạn bè và khách khứa đến viếng và chia buồn. Mỗi ngày Thúy Phương đến thật sớm, ngồi cạnh quan tài khóc một mình, và tối khuya mới về.

Chúng tôi giữ lời hứa, theo Đắc về Phan Thiết, và tiễn đưa nó đến nơi an nghỉ cuối cùng. Trở lại Sài Gòn, tôi đến Cư xá và gặp Chúc buồn bã ngồi một mình ở quán nước; nó an ủy tôi,

“*Ba Hoa* à, ai cũng có số mệnh. Giàu nghèo, cực sướng, sang hèn, và sống lâu chết sớm đều do Trời định cả.”

“Làm sao tôi không buồn khi thằng bạn thân đột ngột ra đi?” tôi rưng rưng nước mắt.

Nhận ra Chúc cũng buồn vì mất bạn như tôi, tôi chở nó ra quán Đa La sau sân vận động Cộng hòa uống cà-phê, cùng nó chia sẻ nỗi niềm tâm sự, và lần đầu tiên, nghe kể nó chuyện gia đình. Nó có một đứa em tên Thụ nhỏ hơn hai tuổi đang học đệ nhất (lớp 12) trường trung học Trần Hưng Đạo Đà Lạt. Trước khi rời nhà đi học, hai anh em sống với ông ngoại ở Trại Hầm; ông nghèo xác xơ, chỉ có một mảnh vườn trồng rau cải đem bán nuôi cháu ăn học. Điều khiến tôi ngạc nhiên nhất là,

“Thụ là em cùng mẹ khác cha của Chúc. Ngày xưa ông ngoại không tán thành mối liên hệ giữa mẹ Chúc và cha em nên luôn luôn lạnh nhạt với em. Nhưng hai anh em Chúc thương nhau không biết để đâu cho hết.”

Chức và Thụ còn là anh em chú bác vì cha Chức và cha Thụ là anh em ruột. Họ cùng vào *khu* theo Việt Minh đi kháng chiến giữa thập niên 1940. Người anh là cha Chức gặp mẹ Chức, một cán bộ xinh xắn vốn là nữ sinh của ngôi trường nhỏ tiền thân của Lycée Vietnamien (sau này là trường trung học Bùi Thị Xuân) Đà Lạt. Hai người đâm ra phải lòng nhau và thành hôn với sự chấp thuận của “tổ chức,” và bà mang thai. Khi người em là cha Thụ được gửi về Đà Lạt hoạt động “nội thành,” nhờ có chức vụ cao, cha Chức xoay xở gửi vợ theo em về Đà Lạt sinh nở vì trong rừng không có tiện nghi y tế và thuốc men.

Mẹ Chức về nhà cha mẹ và sinh ra Chức. Khi Chức được đầy năm, cha Thụ bắt đầu đến thăm chị dâu hằng ngày, một mối tình bất chính nảy sinh, và bà có thai lần thứ hai rồi sinh ra Thụ trong sự bất bình của cha bà. Năm Chức lên bảy, Hiệp định Genève 1954 chia đôi đất nước được ký kết, bà để lại hai đứa con cho ông bà nuôi và cùng cha Thụ ra Bắc tập kết. Sau đó ít lâu, bà ngoại, người thương yêu và che chở Thụ, bị bệnh mất.

Chức buồn dầu dầu tóm tắt triết lý sống của mình,

“Số phận Chức hẩm hiu, nhưng bí quyết sống còn là *tri thiên mệnh*, hiểu thấu mệnh trời và bằng lòng với những gì cuộc đời đưa đến cho mình.”

* * *

Chức tốt nghiệp sau tôi một năm và ra làm việc ở nha Kiêu lộ thuộc bộ Công chánh. Tài toán số của nó được nhiều viên chức chính phủ trong cũng như ngoài bộ Công Chánh tin tưởng và ngưỡng mộ. Hai năm sau, nó bỏ trốn vào *bưng* trước khi bị cơ quan an ninh bắt giữ vì tội hoạt động cho Việt Cộng: lợi dụng những cuộc tiếp xúc bói toán để thu lượm tin tức tình báo cho Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Đồng thời, Thụ vừa tốt nghiệp kỹ sư công chánh và được Sài Gòn Thủy cục nhận vào làm việc.

Tháng Tư năm 1975, Thụ xuất đầu lộ diện là Việt Cộng nằm vùng và “tiếp quản” Sài Gòn Thủy cục. Chức từ rừng trở về, bơ phờ xác xơ và không được ai ngó ngang tới. Trong mật khu, Chức đã trở thành khắc tinh của đám cán bộ Việt Cộng chớp bu vì chúng nghĩ với tài bói toán đoán biết quá khứ vị lai, nó có thể khám phá dĩ vãng gian manh tồi tệ của chúng, và ngấm ngấm ghép nó vào “thành phần phản động” không cho giữ chức vụ nào đáng kể.

Để Chức có phương tiện sinh sống, Thụ cho anh một chân đi đọc đồng hồ nước, ghi vào sổ, và đem về cho sở tính tiền. *Tri thiên mệnh*, ngày học trường kỹ sư, “Trần Đoàn Tiên sinh” có đoán trước được cảnh *xuống chân* này không?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 26 tháng Hai, 2025

Người Vợ Một Đêm

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Một buổi sáng đầu tháng Mười năm 1976, khi cùng với bạn đồng sự xuống câu lạc bộ nghỉ giải lao, tôi cảm thấy có điều gì khác lạ: Anh bạn Charlie chơi thân thường nghỉ giải lao cùng với tôi đi đâu không biết, và người chung quanh nhìn tôi thì thầm bàn tán. Đột nhiên, Charlie xuất hiện ở cửa, cô thư ký Charlotte theo sau đẩy xe chở chiếc bánh sinh nhật lớn có cắm 29 cây nến nhỏ đã thắp lên và ghi dòng chữ “Mừng Sinh nhật Nhà Toán học Công ty”; đó là danh hiệu các bạn nửa đùa nửa thực gọi tôi. Mọi người đứng dậy quay mặt về phía tôi hát bài "Happy Birthday to You." Tôi khựng lại một giây rồi hiểu ra – trên giấy tờ, hôm nay là sinh nhật thứ 29 của tôi. Tôi xúc động khi thấy các bạn Mỹ thân mến buổi lễ sinh nhật với cả tấm lòng thương mến và hiển nhiên không còn xem tôi là một người Việt tỵ nạn xa lạ.

Trong hơn một năm làm việc cho Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU), tôi đã dạy Charlie và bạn kỹ sư cùng lứa với anh luyện thi PE (tức là Professional Engineer), kỳ thi để ghi danh với tiểu bang với tư cách Kỹ sư Chuyên nghiệp, và giúp một số đồng nghiệp khác khi họ cần công thức để tính toán, ngay cả cho các vấn đề không mấy liên quan đến kỹ thuật như vay tiền trả góp, hưu bổng, và thuế má. Mới tuần trước, MDU điều đình với Dân quân (National Guard) North Dakota và Lục quân Hoa kỳ về cách xử trí một đường dây tải điện cao thế công ty định xây, và thành công nhờ sự tính toán của tôi.

Đường dây tải điện sẽ chạy dọc theo bờ rào của trại Dân quân, và trại có một trụ *ăng-ten* phát tuyến truyền tín hiệu khẩn cấp như thiên tai hay hỏa tiễn địch tấn công. Lục quân hỗ trợ kỹ thuật cho Dân quân, gửi đến MDU kết quả tính bằng máy điện toán cho thấy đường dây sẽ làm tín hiệu *ăng-ten* nhiễu loạn, và yêu cầu dời đường dây. Với cây thước tính, dụng cụ tính toán chính của tôi ở Việt nam và gần như lỗi thời ở Hoa kỳ, tôi ra sức tính “đưa” với máy điện toán và đề nghị cách giải quyết giản dị: Công ty sẽ dùng cỡ dây dẫn điện lớn hơn, nhưng không cần phải dời đường dây. Dân quân và Lục quân đồng ý và chấp nhận.

Ba năm sau, khi được cử dự vào Nhóm Đặc nhiệm Khảo sát các Đường Dây Tải Điện (TSTF) của Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa (MAPP) mà MDU là một hội viên, tôi mới biết giai thoại “tây không địch lại máy điện toán” đã được lan truyền rộng rãi khắp tổ hợp điện lực. Trong cơ cấu MAPP, các công ty hội viên phân công gửi nhân viên ngồi vào những ủy ban MAPP, và mỗi ủy ban đều có nhân viên MAPP tham dự với tư cách thư ký không có quyền biểu quyết. TSTF họp tại trụ sở MAPP ở khu thị tứ Minneapolis, Minnesota, và ở phiên họp đầu tiên của tôi, cả nhóm nhắc đến giai thoại đó để chào mừng tôi như đã quen biết từ lâu.

Thư ký TSTF là Kim, một người Cao Miên trạc tứ tuần, cao lớn dềnh dàng, và cục mịch. Anh đậu Tiến sĩ Kỹ thuật Điện tại Đại học Khoa học và Kỹ thuật Tiểu bang Iowa ở Ames, Iowa, đại học kỹ thuật nổi tiếng nhất vùng Trung-Tây Hoa kỳ. Chẳng trách anh không thêm che dấu thái độ kè cả đối với các thành viên TSTF chỉ có bằng kỹ sư, thường giành hướng dẫn các cuộc thảo luận kỹ

thuật, ề à giải thích như thế TSTF là một nhóm sinh viên tập việc, và khiến không ít người bức mình.

Một hôm tôi ngẫu nhiên khám phá ra nhược điểm của Kim – rất mê toán đố. Tôi phụ trách mục “Đố Chơi Để Chọc” của tạp chí *Xxxx Việt* ấn hành ở Toronto nên không thiếu toán đố mới nhìn tưởng rất dễ nhưng đến khi đụng trận mới biết là vô cùng khó ăn. Từ đó, khi cùng các bạn TSTF uống cà-phê sáng trước khi bắt đầu họp, tôi “tình cờ” tiết lộ cho anh bài toán mà tôi “đang tìm cách giải.” Thế là anh chỉ định Mark, một kỹ sư làm việc dưới quyền, làm nhiệm vụ thư ký TSTF rồi vào văn phòng riêng loay hoay giải bài toán suốt ngày. Đến chiều, cuối buổi họp, Mark cười cười năn nỉ,

“*Ba Hoa*, anh tra tấn *sếp* tôi như thế đủ rồi. Cho anh ta lời giải đi, tôi nợ anh đấy!”

Kim rất kín miệng về đời sống riêng tư của mình. Người ta chỉ biết anh là người Miên gốc Hoa, được gia đình gửi sang Hoa kỳ du học trước khi Cao Miên lọt vào tay phe Cộng sản là Khmer Đỏ năm 1975, và còn độc thân. Anh đối với tôi khá niềm nở và đôi khi tình nguyện chở tôi ra chợ Mekong, tiệm bán thực phẩm Á Đông duy nhất ở Minneapolis, để tôi mua đồ ăn Việt nam mang về nhà. Đầu năm 1980, tôi nghe tin Kim lập gia đình, vợ là người đồng hương với anh. Bạn đồng sự ở MAPP không ai được mời dự đám cưới, và Mark đoán rằng lễ cưới cử hành theo nghi lễ cổ truyền của người Miên hay Trung hoa. Sau đó, thỉnh thoảng Kim nói về đứa con trai năm, sáu tuổi, có lẽ là con riêng của vợ anh.

Một buổi chiều cuối hè, cuối ngày họp TSTF, Kim vỗ vai tôi,

“Vợ tôi quê quán ở Takeo, nơi được mệnh danh là ‘cái nôi của nền văn minh Khmer,’ nhưng thuở bé sống và học hết lớp 9 ở Châu Đốc, Việt nam. Nàng rành cả tiếng Miên lẫn tiếng Việt và khi nghe tôi kể chuyện anh, muốn mời anh đến nhà ăn cơm để có dịp ôn lại kỷ niệm của thời niên thiếu.”

“Ngày trước, tôi đến Châu Đốc mỗi một lần. Thành phố nằm gần biên giới Việt - Miên, có rất nhiều người Miên hiền lành và sùng đạo Phật sinh sống, và nổi tiếng với chùa Bà Chúa Xứ thờ đức Thánh Mẫu tọa lạc nơi chân núi Sam là một di tích lịch sử quan trọng trong vùng,” tôi làm ra vẻ hiểu biết và hỏi, “Bà xã anh tên gì?”

“Bopha, tiếng Khmer nghĩa là cụm hoa. Nàng dặn tôi nói với anh là sẽ nấu hủ tiếu Nam Vang đãi anh, chứ không dọn món mắm bò hóc đặc biệt của người Miên cho anh ăn đâu.”



Kim nhắc tôi, tháng Ba năm 1970, ở Cao Miên, Tướng Lon Nol đảo chánh ông Hoàng Norodom Sihanouk, lập ra Cộng hòa Khmer và làm tổng thống, và được Hoa kỳ và Việt nam ủng hộ giúp đánh lại Khmer Đỏ. Bopha là quả phụ của một sĩ quan quân đội Cộng hòa Khmer; anh bị tử trận khi đánh nhau với Khmer Đỏ. Năm năm sau cuộc đảo chánh, Lon Nol thua to, và ngày 12 tháng

Từ năm 1975 (18 ngày trước khi Sài Gòn thất thủ, làm sao tôi quên được!), Hoa kỳ đưa trực thăng di tản nhân viên các tòa đại sứ và viên chức quan trọng của chính phủ. Nàng ôm đứa con trai vừa đầy năm chạy đến địa điểm trực thăng “bốc,” được đưa sang căn cứ Không quân U-Tapao ở Thái Lan, và sau đó đến Hoa kỳ tỵ nạn. Kim gặp mẹ con nàng khi đi thông dịch giúp người đồng hương trong cộng đồng tỵ nạn người Miên ở Minneapolis. Hai người trở thành ý hợp tâm đầu và đi tới hôn nhân.

Vừa bước vào nhà và trông thấy Bopha, tôi giật thót người, “Sao lại có chuyện trùng lai lạ lùng đến thế?” Người đàn bà có cái bốt son bằng hai móng tay nằm xéo dưới cằm trái là Hoa mà tôi đã gặp. Nàng cũng nhận ra tôi. Không thể nhầm lẫn. Nhưng tình cảnh hiện tại không cho phép chúng tôi nhận nhau. Tôi chấp tay để trước ngực, hơi cúi đầu, và nói một trong hai câu tiếng Miên mà tôi biết,

“Saum arkoun [Cám ơn].”

“Khnhom sralanh anak [Tôi thương anh],” nàng chấp tay đáp lại bằng câu tiếng Miên thứ hai; cả hai câu, nàng dạy tôi năm nào.

* * *

Cuối hè 1970, cuộc đời tôi dường như xuống thấp tận đáy vực. Tốt nghiệp kỹ sư điện với hạng cao, nhưng khi thấy số chỗ cần tuyển người không đủ cho cả lớp và không muốn tranh giành với bạn, tôi đi học tiến sĩ kỹ sư ở Đại học Khoa học Sài Gòn để được hoãn dịch về lý do học vấn. Thành ra tôi thất nghiệp vì mùa hè trường tư đóng cửa và các nơi dạy kèm tư gia không cần người cho đến đầu niên khóa tới, trong lúc tôi đang bỏ nhà *đi bụi đời*. Ban đầu, tôi vào Đại học xá Minh Mạng ở lậu, nhưng gần đây bị đuổi ra ngoài sống lang thang vì sinh viên đại học xá biểu tình chống chính phủ liên miên, và cảnh sát vào đại học xá bố ráp liên tục và trục xuất những kẻ cư ngụ bất hợp pháp. Quỳnh Châu, người tôi yêu thầm và gửi trọn con tim, đang du học bên kia bờ Thái bình dương xa vời vợi.

Giữa lúc đó, hai thằng bạn thân là Huỳnh và Thiện từ Châu Đốc về Sài Gòn công tác. Huỳnh vốn học cùng lớp kỹ sư điện với tôi, nhưng tôi ở lại năm đệ nhất niên nên nó ra trường trước, được Công ty Điện lực Việt nam thu nhận, và được cử làm trưởng ty ty Điện lực Châu Đốc. Thiện là cán sự điện học cùng thời với tôi, ra trường trước vì chương trình cán sự chỉ học ba năm, và đang làm phụ tá cho Huỳnh. Hai thằng đưa tôi đến quán Năm Giang trên đường Bùi Viện ăn nhậu, tôi thừa dịp uống say túy lúy và trong cơn say, hăng hái nhận lời đi Châu Đốc chơi với bạn.

Một tối ở Châu Đốc, Huỳnh và Thiện đưa tôi đến một quán bia không tên mở cửa về đêm, dùng nữ chiêu đãi viên dễ coi và hoạt bát, và bán bia và vài món nhậu đơn giản để thỏa mãn nhu cầu uống rượu giải sầu của bọn đàn ông thời tao loạn. Một thiếu nữ tên Hoa trạc tuổi tôi, nước da hơi ngăm đen nhưng khá xinh xắn, và ăn nói dịu dàng tỏ vẻ là người có học tiếp đãi tôi thân tình. Tôi uống bia “33” như hũ chìm, lạc lõng trong cơn mộng du, và nắm tay nàng ngâm nga bài “Uống Rượu Tiêu Sầu” của Cao Bá Quát (1808 - 1855):

Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu,

Trầm tư bách kế bất như nhàn.

(Dứt bỏ một đời, chỉ có rượu,
Suy nghĩ trăm lối, không bằng nhàn.)

Tiệc tàn, tôi say sặc sừ và đánh liều nắm tay Hoa hỏi mặc may,

“Đêm nay em về với anh chứ?”

“Dạ,” giọng nói phục tùng nhẹ nhàng của nàng khiến tôi sửng sốt.

“*Ba Hoa*, đêm nay tao qua ngủ bên nhà thằng Thiện, để nhà cho ‘vợ chồng’ mày tha hồ hú hí,” Huỳnh nheo một bên mắt cười nụ, “*Vui một đêm nay rồi mai lên đường, mai về Sài Gòn rồi ‘em’ ới!*”

Tôi còn đủ tỉnh táo để tận hưởng thú ái ân, thức suốt đêm chuyện trò với Hoa, và ngạc nhiên thấy mình bộc tuệch kể hết chuyện đời mình với người đàn bà lạ. Tôi lấy làm lạ hơn khi biết nàng là người Miên có tên Miên là Bopha. Cha mẹ nàng quê quán ở Takeo, nhưng sang lập nghiệp ở Châu Đốc cách Takeo không tới 50 cây số. Nàng sinh ra ở Châu Đốc và khi học hết bậc trung học đệ nhất cấp Việt nam, theo gia đình dọn về Svay Rieng cách Tây Ninh khoảng 50 cây số để kế nghiệp ông nội nàng, ông mất để lại một doanh nghiệp đáng kể. Nàng tiếp tục học hết bậc trung học Cao Miên và trở thành giáo viên tiểu học ở Svay Rieng.

Cuộc đảo chánh của Lon Nol khiến tình hình chính trị Cao Miên trở nên rối ren, và Khmer Đỏ tiến chiếm các vùng thôn quê và những thành phố gần biên giới Việt nam như Takeo và Svay Rieng. Trên đường di tản về Nam Vang để khỏi sống dưới ách Khmer Đỏ bạo tàn, cha mẹ anh em Bopha đều bị sát hại. Nàng may mắn thoát chết rồi theo đoàn người chạy loạn đi gần 300 cây số về lại Châu Đốc làm chiêu đãi viên sống qua ngày. Nàng nói trong nước mắt,

“Em không phải là gái giang hồ đi khách kiếm tiền. Cả buổi tối, thấy anh ôm ấp tâm sự buồn và khật khù ngơ ngẩn như đi trên mây nên em thương cảm muốn nằm bên anh một đêm. Em còn gì để mất đâu anh!”

Sáng ra, trước khi chia tay, tôi dốc túi đưa tặng Bopha hết số tiền dự định dùng chi tiêu đến ngày đi dạy và có lương trở lại,

“Cám ơn em đã cho anh một đêm hạnh phúc khiến anh nhận ra mình may mắn hơn vô số người khác, và cuộc đời đáng sống hơn nhiều.”

“Em hân hạnh làm vợ anh một đêm. Vợ chồng phải ăn đều chia đủ,” nàng đếm tiền và trả lại tôi một nửa, “Em sẽ nhớ đời cái vết sẹo nhỏ mờ nhạt dưới hàng lông mày trái của anh. Nhưng hai đứa mình sẽ không bao giờ gặp lại nhau, vì ngay sau khi kiếm đủ tiền đi đường, em sẽ tìm cách về thủ đô Nam Vang sống với gia đình chú em, chú là sĩ quan quân đội Cộng hòa Khmer.”

“Cầu mong Trời Phật độ trì em được an lạc,” tôi hôn lên má nàng.

Mười năm sau, lời chúc của tôi trở thành sự thực. Bopha có Kim, người chồng có học thức và vững chãi, để nương tựa và cùng anh đi suốt phần đời còn lại.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 12 tháng Ba, 2025

Con Cọp Bình Thuận

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Thôi nôi hay đầy tuổi là lễ cúng khi em bé được tròn 12 tháng và không nằm nôi nữa để tạ ân 12 bà mẹ đã nặn ra em và dạy em nói cười. Trong khi cúng, người ta để nhiều món đồ chơi và đồ dùng như gương, lược, viết, tập sách, nắm xôi, tiền, kéo, và nắm đất trước mặt em bé để em tự ý chọn, rồi tùy món đồ được chọn mà suy đoán tương lai em. Mẹ kể hồi đó, ngoài làng quê Quảng Bình, tôi chọn cây viết và tập sách khiến bà con xuýt xoa bàn rằng thằng bé sẽ là người văn chương chữ nghĩa. Đồng thời, ông nội chấm tử vi nói cung Quan Lộc của thằng bé có Cáo và Thai phụ, nghĩa là trong đời sẽ gặp công danh bằng sắc, có sổ khoa bảng, và dù suốt đời bận rộn thi cử, sẽ luôn luôn đậu đạt.

Khi tôi lớn lên và đi học, mẹ không mấy lo lắng về chuyện học hành thi cử của *thằng Bé* (tên ở nhà của tôi), “Sổ *hắn* không cần học thi cũng đậu.” Nhưng những tiên đoán ngày đầy năm không ngừng ám ảnh tôi và để không làm mẹ buồn, ngày đêm tôi chúi mũi vào cuốn sách. Tôi tìm ra một phương cách giản dị: chỉ cần nhắm vào thằng xếp hạng trên tôi trong lớp hay trong trường và vượt qua nó. Nếu nó học đến nửa đêm để được điểm cao, tôi sẽ thức đến một giờ sáng để được điểm cao hơn. Nếu nó học đến một giờ sáng, tôi thức đến hai giờ. Cho đến khi nó đứng dưới tôi. Rồi nhắm vào thằng đứng trên kế tiếp, cứ thế mà tiếp tục, và cuối cùng cố gắng hơn để giữ vị trí đứng đầu. Nhờ đó, mẹ một lòng tin tưởng vào tài năng *thằng Bé*, và tôi thành công chỉ vì không muốn mẹ thất vọng.

Trong hoàn cảnh chiến tranh tàn khốc của đất nước, người ta cố gắng chấp nhận những cái chết phi lý hay cảnh ly tán đau thương, và thỏa hiệp với chính mình bằng cách trông vào số mệnh, tự an ủi do Trời định sẵn, và vấn kế các thầy tử vi, thầy tướng, và thầy bói. Nhà tử vi nổi tiếng nhất Sài Gòn có văn phòng trên đường Phan Thanh Giản lấy tên là Trung tâm Nghiên cứu Chiêm tinh Đông Nam Á nghe nói thường được tổng thống vờ vào dinh Độc lập tham khảo mỗi khi cần quyết định việc quan trọng.

Tuy nhiên, bọn sinh viên trẻ bất cần đời như tôi không mấy ai mặn nồng với chuyện bói toán. Chẳng hạn, tôi lý luận nếu nhà tử vi dùng ngày giờ và năm sinh để chấm tử vi, thì không lẽ hàng chục người ra đời cùng ngày cùng giờ (giờ đông phương là khoảng thời gian hai tiếng đồng hồ) với tổng thống đều có số làm tổng thống hay sao? Còn nếu nói rằng thầy dùng lá số làm căn bản và theo đó mà luận đoán thì xem ra thầy thực sự dùng kỹ thuật khai thác tâm lý của người xem bói để vẽ ra tương lai người đó mong muốn.

Một số bạn tôi mua sách dạy lấy tử vi, xem chỉ tay, và bói bài về học với mục đích biểu diễn mua vui trong các cuộc tụ họp. Còn gì thích thú hơn được nắm bàn tay một cô gái xinh xắn và giảng giải về đường tâm đạo (tình duyên), trí đạo (học hành), sinh mệnh (sống lâu), và sự nghiệp (tương lai) với những lời bàn đưa tới lợi thế để *tán* nàng hay *tán* giùm cho bạn mình? Riêng các cô thì chuộng môn bói bài, thường để giết thì giờ khi ngồi tán gẫu với nhau, và không khác gì

bọn con trai, có mục đích riêng khi bói cho người khác phái. Tôi ngẫu nhiên bị bói bài như thế một lần và,

Một lần đã tổn tới già,

Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân.

(Ca dao)

* * *

Cuối năm 1968, khi tôi học lớp đệ tam niên trường kỹ sư, một biến cố xảy ra làm các bạn tôi ở Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật ở Phú Thọ, Sài Gòn bàng hoàng. Tối thứ Sáu sau lễ Giáng sinh, tôi và ba thằng bạn thân – Đắc và Lộc học cùng lớp điện với tôi và An học công chánh – rủ nhau ra quán thịt rừng Cổ Loa trên đường Phạm Ngũ Lão ăn mừng. Ăn xong chúng tôi chia tay, tôi về Đại học xá Minh Mạng, và ba thằng kia về Cư xá Sinh viên Kỹ thuật trong Trung tâm. Sáng hôm sau, ba đưa đi Vũng Tàu chơi và định Chủ Nhật về. Bất ngờ, sáng sớm Chủ Nhật, vừa hết giờ nghiêm, An đến báo Đắc tử nạn trên đường đi; chiếc xe đồ lặt, chống bốn bánh lên trời.

Linh cữu Đắc quàn ở sân trường Điện trong lúc chờ gia đình nó từ Phan Thiết vào đưa về chôn cất. Tôi, Lộc, và An đi theo đoàn xe tang về quê Đắc để tiễn đưa nó đến nơi yên nghỉ cuối cùng. Linh cữu quàn ở từ đường gia tộc, và tôi gặp bà con họ hàng Đắc cùng với các bạn nó học ở Sài Gòn về đưa đám, trong số đó tôi chỉ quen hai người là Thúy Phương và Giải. Thúy Phương học Đại học Văn khoa, ở Lưu xá Thanh Quan trên đường Hiền Vương, và có một thời cùng với Đắc đi chơi chung với bọn tôi. Giải học bên Nông Lâm Súc và đang theo đuổi Thúy Phương.

Lần đầu tiên làm “người lớn” đi đưa ma, tôi lúng túng không biết nên đứng hay ngồi ở đâu, hoặc phải làm gì, thì được một thiếu nữ tên Vân Thái chăm sóc và hướng dẫn; trước nàng học cùng lớp với Thúy Phương ở trường trung học Phan Bội Châu. Vân Thái đẹp sắc sảo, vẻ đẹp nghiêm nghị và trông hơi dữ. Nàng ăn nói hoạt bát dạn dĩ và dường như biết nhiều về tôi. Dầu sao, thằng con trai *cù lần* trong tôi cũng sung sướng và hãnh diện được người đẹp chiếu cố. Chúng tôi thân nhau nhanh và chuyện trò như đã quen biết từ lúc nào. Nàng niềm nở,

“Em học ban Việt Hán trường Văn khoa và ở cùng phòng Đại học xá Trần Quý Cáp với chị Thanh Phú. Ban đêm tụi con gái thức khuya nói chuyện lằng nhằng, và *chỉ* nhắc đến anh luôn.”

“Quả là trái đất tròn! Thanh Phú là *bồ* của Tú bạn anh. Nó đi lính đánh giặc ở miền Tây và mỗi lần nghỉ phép về Sài Gòn, lấy xe Honda của anh đưa nàng đi chơi và vào Đại học xá Minh Mạng ngủ ké,” tôi reo lên.

“Em nghe chị Phú nói thỉnh thoảng anh buồn tình xách xe đến rủ *chỉ* đi uống cà-phê ở quán Đa La sau sân vận động Cộng hòa. Sống ở Sài Gòn gần hai năm rồi mà em chưa có dịp đến đó,” nàng ngỏ ý một cách kín đáo.

“Thật vậy sao? Chàng hoàng tử của cô ‘công chúa ngủ trong rừng’ đâu?” tôi hỏi đùa vô duyên.

Rõ ràng Vân Thái đang tìm ý trung nhân. Tôi được nàng để mắt tới có lẽ vì trong thế giới sinh viên đi học xa nhà tương đối nhỏ bé của chúng tôi ở Sài Gòn, ai cũng biết tôi là đứa con trai duy nhất không có người yêu. *Bồ* của Lộc và An học trường Văn khoa, cô của Lộc ở Đại học xá Trần Quý Cáp, và cô của An ở Lưu xá Thanh Quan. Trái tim tôi đã gửi trọn cho Quỳnh Châu, nàng

đang du học bên kia bờ Thái bình dương. Điều làm tôi thắc mắc là một thiếu nữ đẹp, có học thức, và con nhà bề thế như Vân Thái mà tại sao phải đóng vai *cột đi tìm trâu*.

Sau đám tang, ba thằng tôi còn nửa buổi chiều và một đêm ở Phan Thiết trước khi về Sài Gòn chuẩn bị đi học lại sau Tết dương lịch. Tối hôm đó, cha mẹ Vân Thái mời chúng tôi cùng Thúy Phương, Giải, và vài người bạn khác của Đắc đến nhà và thết đãi những món ốc sò tôm cua đặc sản Bình Thuận. Câu chuyện trong bữa ăn xoay quanh sự kiện Đắc chết yếu rồi lan qua chuyện số mệnh của con người và tính cách “xung” hay “hợp” tuổi giữa hai người khác phái. Thí dụ, *tứ hành xung* là bốn tuổi xung khắc nhau như Tý Ngọ Mẹo Dậu, và *tam hợp* là ba tuổi hòa hợp với nhau như Dần Ngọ Tuất hay Hợi Mão Mùi. Nhân thế, mẹ Vân Thái lên tiếng than phiền,

“Con Thái của bác tuổi Sửu mà dân Phan Thiết đồn rân lên là nó tuổi Dần. Hồi đó, bác sinh nó rồi mới nghe tiếng gà gáy báo hiệu giao thừa qua năm Canh Dần [1950]. Miệng thế gian ác độc khiến con nhỏ lao đao hết chỗ nói!”

Qua lời nói của bà mẹ xót lòng vì con, tôi hiểu ngay Vân Thái thực sự tuổi Dần và vì vậy chưa có ai dám *rấp ranh bắn sể*. Con gái tuổi Dần thường khó lấy chồng và lận đận về tình duyên vì dân gian truyền tụng họ cao số, dữ như cọp, và có số “sát phu.” Sau bữa ăn, cha mẹ Vân Thái đi nghỉ và để đám thực khách trẻ tự do. Cả bọn trở nên vui nhộn, kể chuyện khôi hài, và *cặp đôi* (gán ghép hai người khác phái với nhau) tôi và Vân Thái. Tôi cười cười chịu trận, trong khi nàng tỏ vẻ hài lòng.

Gần khuya, các cô bày ra màn bói bài Tarot cho bọn con trai. Người bói là Vân Thái, và tôi lại bị đặt vào thế phải ngồi vào cho nàng bói. Nàng xóc kỹ bộ bài 52 lá rồi đưa cho tôi “cúp” (tách đôi cầu âu) rồi chia bài đặt nằm sắp thành nhiều hàng. Theo một thứ tự nào đó, nàng lật ngửa các lá bài và tùy từng lá, bàn về quá khứ và tương lai. Nàng “đoán” khá đúng về gia thế và chuyện học hành của tôi, những điều mà Thanh Phú biết rõ. Đến phần tình duyên gia đạo, nàng lấy con Đằm Cơ nằm giữa mặt bài và đưa lên cao,

“Đây nè! Anh đã gặp người phối ngẫu tương lai, và người đó cũng thấy anh hạp tính hạp ý. Quẻ bói nói hai người sẽ sống hạnh phúc, và con cái đầy đàn và học hành đậu đạt.”

* * *

Về lại Sài Gòn, vì đang bỏ nhà *đi bụi đời*, tôi bận rộn tối tăm mặt mày với việc đi học và đi dạy kiếm sống, quên bẵng cô “thầy bói” và quẻ bài Tarot của nàng. Khoảng ba tháng sau, Tú nghỉ phép về Sài Gòn đưa Thanh Phú đi chơi. Gặp tôi, nàng nói Vân Thái nhắn tôi đến Đại học xá Trần Quý Cáp gấp vì có chuyện rất quan trọng. Tôi đến đại học xá, ngồi chờ ở phòng khách, và rất đỗi ngạc nhiên khi thấy nàng ra gặp tôi cùng với ba cô bạn. Vừa thấy tôi, trước sự chứng kiến của ba cô đó, nàng mở máy mắng sa sả,

“Anh là đàn ông không đàn ông. Tôi với anh mới gặp nhau một lần và không có tình ý gì với nhau mà tại sao anh đi nói với mọi người là tôi *mất* anh? Anh có biết như vậy là làm hại danh dự tôi không?” “Mất” tiếng lóng là yêu say đắm.

Tôi vốn ít lời lẽ, ngày còn bé hay bị mẹ chê “cóc không mở miệng,” nên biết là không thể cãi lại Vân Thái và đành cúi đầu nhận lỗi,

“Tôi hoàn toàn không biết gì về chuyện Thái nói. Nhưng nếu tôi có điều gì sơ suất, xin cho tôi xin lỗi. *Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đường,*” tôi dùng câu kinh Thú nhận của Công giáo để rút lui êm thấm.

Tôi không có thì giờ hay tâm trí để băn khoăn về hành động của Vân Thái, nhưng giải đáp không tìm mà đến. Gần cuối năm học, thằng bạn biết mặt biết tên mà không mấy khi chuyện trò là Thoại học công chánh bất thần sang tìm tôi. Nó người Nha Trang, có tiếng là con nhà giàu học dốt, học trên tôi một năm, và nay sắp tốt nghiệp kỹ sư. Cười toe toét, nó kiêu hãnh bắt tay tôi và ra mặt kẻ cả,

“*Moa* vừa làm lễ hỏi với Vân Thái. Nàng nói *toa* đeo đuổi nàng nhiều tháng trước, nhưng vì phải lòng *moa* nên nàng cho *toa* ra rìa. *Toa* đừng buồn. *Moa* thấy *toa* không phải là tay kém cỏi, nhưng tình duyên do Trời định chứ không phải tự nhiên muốn là được.”

“Chúc mừng *toa*,” tôi cười thầm, một con nai tơ đã lọt vào bẫy, “Khi nào tụi *toa* làm đám cưới?”

“Chắc đến hết hè. *Moa* sắp ra trường, nhưng cần vài tháng để chuẩn bị,” nụ cười của kẻ “chiến thắng” nở tận mang tai.

“Chúc vợ chồng *toa* trăm năm hạnh phúc đến đầu bạc răng long,” tôi chúc Thoại, thực lòng.

Nhưng lời chúc mừng đó tựa như có hậu quả *nói trước bước không qua*. Thiệp cưới của Thoại và Vân Thái gửi khắp thân nhân họ hàng và bạn bè, tiệc cưới dự định tổ chức linh đình tại nhà hàng Đồng Khánh trong Chợ Lớn, và quảng cáo chúc mừng và chia vui đăng *lia chia* trên trang bốn (trang cuối) của tờ Chính luận, nhật báo thịnh hành nhất nước. Đột nhiên, hai hôm trước ngày cưới, trong phần quảng cáo của tờ báo lại xuất hiện bản cáo thị:

Tôi là Lê thị Vân Thái xin thông báo với bà con bằng hữu là kể từ hôm nay, ngày ... tháng ... năm 1969, tôi không còn có liên hệ gì với Kỹ sư Vũ Đình Thoại. Không còn gì để nói!

Con cọp Bình Thuận này dữ thiệt, tôi nhủ thầm. Nhưng số thằng bạn Khánh Hòa của tôi còn hên. Hơn là vào vòng cương tỏa rồi ôm bụng chịu khổ cả đời!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 26 tháng Ba, 2025

Bánh Bột Lọc Đưa Cho Ngâu Vọc

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong cả đời đi học, tôi là đứa nhỏ tuổi nhất lớp. Không những vì tôi đi học sớm, mà phần lớn các bạn đều khai sứt tuổi, có thể do đi học trễ hay để sau này khỏi đến tuổi động viên sớm. Năm đệ thất (lớp 6) ở trường trung học Hàm Nghi trong Thành Nội Huế, tôi là chú bé 10 tuổi nhỏ thó nhất như cáy ngồi bàn đầu, trong khi mấy thằng người ngợm to lớn và mặt mày già khằn trông ít nhất là 18, 19 tuổi chiếm cứ hai dãy bàn cuối lớp. Tụi nó đi giày da, mặc quần ống túm, để tóc dài chải tём bóng loáng theo kiểu tài tử xi-nê Mỹ, coi các giáo sư trẻ như *pha*, và đi học lầy lẹ đến khi “thấy đời buồn thiu thì đăng lính.”

Hơn nữa, chắc hẳn tôi là đứa duy nhất khai lên tuổi, tuổi giấy tờ đi học lớn hơn tuổi thực. Những năm đầu, *thằng Bé* (tên ở nhà của tôi) học lang bang, không có nơi nào hẳn hoi. Năm tôi lên bốn, ngoài quê Quảng Bình, ông nội bắt đi học trường làng với anh Quang cho anh có bạn. Anh là cháu đích tôn được nuông chiều rất mực nên tám tuổi mà không chịu đi học một mình. Hai anh em học cùng lớp hơn một năm thì mẹ đưa chúng tôi và thằng út là Sang di cư vào Nam rồi theo cha di chuyển liên tục và sống ở nhiều nơi, mỗi nơi vài ba tháng. Có khi tôi học trường tiểu học tư thực, nhưng phần lớn là “trường” dạy ở tư gia hay “thầy” dạy kèm tại nhà.

Năm tôi lên chín, gia đình trở về Huế, và cậu Há xin cho tôi học lớp nhất (lớp 5) trường tiểu học Thanh Long gần cầu Thanh Long và xóm Ba Đình, lớp học chính thức đầu tiên của tôi. Cậu là em chú bác của mẹ và giúp mẹ lo việc học hành của các con, trong khi cha đóng đồn ở Phú Bài lâu lâu mới về nhà một lần. Tuần lễ cuối cùng của năm học, cô giáo gọi tôi lên bàn giấy,

“Cô nói cho em biết, năm nay em phải thi Tiểu học.”

“Dạ. Nhưng *răng* các trò khác không thi?” tôi ngơ ngác.

“Các em khác có học bạ học đầy đủ từ lớp năm [lớp 1] đến hết lớp nhất cho thấy đã học trọn vẹn bậc tiểu học nên được miễn thi. Nhưng em chỉ có học bạ năm lớp nhất học với cô. Luật lệ chính phủ, cô biết làm *răng* chứ?”

Cậu Há nộp đơn cho tôi thi Tiểu học, nhưng đơn bị bác vì thiếu tuổi: Tối thiểu phải 11 tuổi, mà tôi mới lên mười. Muốn thi phải làm đơn xin miễn tuổi. Cậu nhả cha về gấp, và khi biết việc cần làm, cha gặt ngang,

“Có *chi* quan trọng *mô*. Thiếu tuổi thì thêm tuổi; miễn tuổi miễn tiếc làm *chi* cho mất công?”

“Làm *rứa* *hắn* sẽ bị lớn hơn một tuổi suốt cả đời. Anh nghĩ lại kẻo *tội* *hắn*,” cậu khuyên cha.

Cha không nghe lời và ra toà Hòa giải Rộng Quyền quận Tả ngạn với ba nhân chứng “khai rằng hiện nay đương sự không thể sao lục giấy khai sinh vì lẽ sổ sách nhân thế bộ bị thất lạc vì chiến tranh” để xin lập chứng chỉ thế vì khai sinh mới và tăng thêm tuổi của tôi. Thế là *thằng Bé* vác bút nghiên đi thi ở hội đồng Thanh Long cùng với đám người lớn là quân nhân và công chức thi lấy bằng để được tăng lương hay lên chức. Ba hôm sau, anh Quang đưa tôi đi *coi* *bảng*, tức là

xem kết quả niêm yết trên bảng thông cáo: Tôi đứng đầu bảng với 87 điểm; thí sinh đậu thứ nhì là một quân nhân, ông được 62 điểm.

Ngoài quê Quảng Bình của tôi, theo tục lệ xưa trẻ em sinh ra không làm giấy khai sinh, nhưng mẹ nhớ ngày sinh theo âm lịch của ba anh em tôi. Khi làm chứng chỉ thể vì khai sinh, thay vì bỏ công tìm ngày dương lịch tương ứng, cha tùy hứng ghi đại ngày và tháng sinh của chúng tôi. Khi lên đại học, để thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu, tôi tìm cuốn lịch vạn niên mà mấy thầy tử vi tướng số dùng để đối chiếu ngày âm lịch và dương lịch. Lịch “vạn niên” – mười ngàn năm – được hoàn thiện và sử dụng rộng rãi từ đời nhà Thanh bên Trung hoa, người đời sau làm lịch năm mới chỉ việc theo đó mà chép lại. Nhờ cuốn lịch này, tôi khám phá ra ngày sinh thực của tôi đi trước ngày trong giấy khai sinh ba tuần.

Do đó, khi bị hỏi tuổi, tôi thường bối rối không biết nói tuổi thực hay tuổi giấy tờ, và tuổi ta hay tuổi Tây. Tuổi ta là số năm âm lịch đã sống. Thí dụ, em bé sinh vào ngày 30 tháng Chạp âm lịch; sang hôm sau, ngày mồng một tết, tuy chỉ mới ra đời hai ngày, em lên hai vì đã sống ở hai năm. Tuổi Tây tính theo dương lịch, và người Việt tính giản tiện bằng cách lấy năm hiện tại trừ đi năm sinh. Thí dụ, em bé sinh vào ngày 31 tháng Chạp dương lịch, sang hôm sau Tết Tây là bước qua một năm khác, em lên một vì đó là con số khác biệt giữa hai năm.

Vì tôi có đến hai ngày sinh nhật – thực và trên giấy tờ, tuổi của tôi khó xác định hơn theo phong tục tây phương. Ở Hoa kỳ, người ta chỉ tính thêm một tuổi khi đến ngày sinh nhật, nghĩa là sau tròn 12 tháng, và do đó số tuổi tùy thuộc vào lúc nào trong năm. Thí dụ, em bé sinh vào ngày 31 tháng Chạp sẽ không lên một cho đến ngày 31 tháng Chạp năm sau. Tôi dùng cách tính tuổi này để viết câu “đố vui để cười chơi” ở cuối một bài “Đố Vui Để Chọc” đăng hàng tháng trên báo *Xxxx Việt* ấn hành ở Toronto, Gia Nã Đại:

Mạc, Ân, và Diễm Lệ là ba anh em. Mạc lớn nhất, và Ân và Diễm Lệ kế nhau và không phải sinh đôi. Một hôm, trong bữa cơm chiều, Mạc trêu hai em, “Ân và Diễm Lệ cùng một tuổi. Ai là anh hay chị, ai là em?” Làm sao điều này có thể xảy ra?

Mặc dù câu đố đã khiến nhiều độc giả người Việt lúng túng, câu trả lời khá đơn giản: Ân sinh trước Diễm Lệ 11 tháng rưỡi. Bối cảnh câu đố là ngày sinh nhật của Diễm Lệ, và bé vừa thêm một tuổi, trong lúc Ân là anh nhưng vẫn còn tuổi cũ vì nửa tháng nữa mới đến sinh nhật.

* * *

Cuối tháng Năm 1963, mẹ đưa tôi và các em vào Ban Mê Thuật (BMT) sống với cha; anh Quang ở lại Huế để chuẩn bị thi Tú tài II. Ngày khai trường niên khóa 1963-64, tôi rụt rè bước vào lớp đệ nhị B (lớp 11 ban Khoa học Toán) trường trung học BMT. Chẳng bao lâu, tôi quen thân với nhiều bạn, trong đó gần gũi nhất là Điền, và được họ yêu mến và chiều chuộng, có lẽ vì tôi nhỏ tuổi nhất (tuổi thực mới 15) và học giỏi nhất lớp.

Từ thuở học trường Thanh Long, tôi sớm nhận ra chuyện ngày tháng năm sinh không rõ ràng và tuổi tác mờ mờ xảy ra hầu hết cho mọi người trong thế giới học trò của mình. Vấn đề này càng nổi bật lên đối với các bạn BMT. Điền và phần đông bọn nam sinh trong lớp sống ở khu Trần Hưng Đạo nằm dưới thung lũng phía đông nam thành phố và gồm toàn dân di cư 1954 ngoài

Bắc vào. Trải qua cuộc di cư đổi đời, đứa nào đứa nấy đều đi học trễ và lớn hơn tôi vài ba tuổi là ít. Thí dụ, trên giấy tờ Điền sinh cùng năm với tôi, nhưng đã là một thanh niên già giặn biết nói bóng gió lằng lờ chọc ghẹo cô giáo trẻ. Nó không biết lớn hơn tôi bao nhiêu tuổi, vì *bu* nó không biết sinh nó vào năm 1944 hay 1943; làng quê ở Thái Bình hồi đó chưa biết dùng dương lịch. Dĩ nhiên, bà cũng không nhớ ngày sinh của con. Anh cả trong một gia đình nghèo có đến mười đứa con, ngày thi vào đệ thất, nó lặn lưng hai tờ khai sinh: Một tờ ghi sụt tuổi để đi học, và một tờ ghi lớn tuổi để nếu thi rớt thì đi làm phụ lục lộ ty Công chánh. Nó thi đậu và tiếp tục đi học.

Cuối tuần tôi thường xuống nhà Điền chơi. Đưa tôi vào rừng lang thang, nó hay cười nhạo tôi, *“Thằng con này văn chương chữ nghĩa bẽ bẽ thế kia mà thấy ‘em’ Kiếm thì len lét như rắn mừng năm.”*

Kiếm là cô nữ sinh người Huế học bên đệ nhị A (lớp 11 ban Khoa học Thực nghiệm) có nụ cười má lúm đồng tiền duyên dáng và hay niềm nở thăm hỏi tôi. Trước mặt nàng, tôi thấy mình vụng về *vô duyên vô nợ* và nói năng lúng ba lúng búng không đầu không đuôi, mặc dù ở nhà đã chuẩn bị sẵn những câu thật “hay ho” định nói với nàng.

Thấy tôi không bằng lòng, Điền vội vàng chuyển hướng, *“Tao thấy bọn con gái đệ lục [lớp 7] đệ ngũ [lớp 8] mê mày tít thò lò mà sao không chớp lấy một ‘em’ cho đời thêm hương thêm hoa? Hạng bét ‘em’ nào cũng ngang tuổi mày chứ không còn bé tí tẹo đâu!”*

Trong khi Điền tìm cách *cặp đôi* tôi với một “em” nào đó, nó rất kín miệng về chuyện tình cảm trai gái của nó. Tôi ra công để ý thấy giờ ra chơi, nó sang lớp đệ tam B (lớp 10 ban Khoa học Toán) mê mẩn nhìn bọn con gái. Tôi là *lính mới* không biết nhiều nữ sinh trong trường, nhưng thấy rõ ràng nó đang *trồng cây si* Xuân Giang. Nàng có tiếng học giỏi, dáng điệu cao sang, và khuôn mặt xinh đẹp tươi tắn dễ hấp hồn bọn con trai. Điều đáng buồn là cô hoa hậu các lớp đệ tam là hoa có chủ: Do sự sắp xếp của gia đình, nàng đã đính hôn với thầy Đối cựu giám thị trường. Thầy bị động viên và đang phục vụ trong quân đội, nhưng tôi không may gặp thầy một lần trước khi được nhận vào trường.

Lần đó vào cuối tháng Chín 1963. Tôi nhận được thư anh Quang nói hồ sơ chuyển trường từ Quốc Học Huế vào BMT đã gửi đi từ đầu hè mà chưa thấy động tĩnh nên nóng lòng đánh bạo lên trường hỏi thăm. Trường còn nghỉ hè, sân trường vắng vẻ, và trong văn phòng chỉ có một ông nói giọng Bắc người ốm choắt, mặt rỗ chẳng rỗ chịt, ăn mặc diêm dúa, và đeo kính gọng vàng. Thấy tôi vào, ông hắt hàm hỏi, giọng oang oang,

“Anh đến đây làm gì?”

*“Thưa, xin hỏi vụ chuyển trường về trường *ni*,”* tôi ngượng ngập, không biết phải xưng hô thế nào.

“Tên gì, chuyển trường từ đâu, lớp mấy?” ông nói to như nạt.

“Dạ Ba Hoa, từ trường Quốc Học Huế, xin học đệ nhị.”

“Không có hồ sơ chuyển trường nào cả. Về đi,” ông trả lời xẵng, không hề xem sổ sách.

Tôi tần ngần định quay lưng ra về thì ông kêu giật lại,

“Anh đi xin học mà đứng thế kia, không lễ phép gì cả!”

“Thưa, phải đứng làm *răng* mới là lễ phép?” tôi đâm ra bướng bỉnh, mặc dù nhận ra trong lúc cuống quýt, tôi đứng thẳng người và cho hai ngón tay cái vào túi quần.

“Ăn nói như thế thì ai cho anh vào học? *Tiên học lễ hậu học văn.*”

Ông cất cao giọng giảng *mô-ran* (“morale” tiếng Pháp là bài học luân lý) một tràng dài khiến tôi chờ người chịu trận, nhưng trong đầu lóe lên một tia hy vọng: Biết đâu trường này không nhận, và mình sẽ được về Huế học? Sau này vào trường, tôi mới biết người ra oai kiêu căng tôi là thầy Đối, và hôm đó là buổi cuối cùng thầy có mặt tại trường trước khi trình diện nhập ngũ. Tôi càng tin Điền ôm mối tình tuyệt vọng với Xuân Giang khi nó kể xấu thầy,

“*Thằng con* đó làm giám thị, không có học thức cao, và cũng chẳng có tài cán gì ngoài cái mồm ăn to nói lớn để làm oai, bắt nạt mấy đứa nhỏ như mày hay bọn con nít đệ thất đệ lục mới bỏ ngõ vào trường. Ngày còn bé nó bị bệnh đậu mùa có ảnh hưởng đến đường sinh dục, không biết lúc lấy vợ còn ‘làm ăn’ gì được hay không. Con Giang vào tay nó chẳng khác gì *bông hoa nhài cắm bãi cứt trâu.*”

“Người Huế nói là *bánh bột lọc* đưa cho *ngâu vọc*,” tôi hùa theo đánh hội.

Bánh bột lọc là món ăn ưa chuộng của dân Huế, và “ngâu” theo người bình dân là con ma thích vọc làm thức ăn thiêu. Để ngừa *ngâu vọc*, người ta xé hai dải lá chuối hay lấy hai chiếc đĩa xếp chéo thành hình thánh giá và đặt trên đồ đựng (như bát hay đĩa) thức ăn.

Sau khi đậu Tú tài II, tôi về Sài Gòn học, và Điền ở lại BMT đi làm sở Mỹ và trước khi bị gọi nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức, cưới cô bạn cùng xóm Thu San. Ở trường, nàng học cùng lớp ngồi cùng bàn với Xuân Giang. Vậy mà tôi ngỡ là Điền *mết* (yêu say đắm) Xuân Giang. Rõ là *trông gà hóa cuốc*!

Sau hơn 25 năm xa cách, tôi gặp lại Điền vào đầu thập niên 1990 ở Houston, Texas. Vợ chồng nó có tám đứa con, bốn trai bốn gái. Nó nhìn tôi cười nửa miệng, “*Thằng con* này còn thơ sinh ra phết,” và nhắc đến thầy Đối với giọng khinh bạc như xưa.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 9 tháng Tư, 2025

Rửa Là Tau Đẳng Lĩnh

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Vào thời học trường Hàm Nghi trong Thành Nội Huế, tôi hay bị gặp cậu Há ngoài ý muốn. Cậu là em chú bác của mẹ, lớn hơn mẹ mười tuổi, và đã nghỉ làm việc. Nhà cậu ở xóm Ba Đình gần cầu Thanh Long, đi bộ từ nhà tôi chỉ mất năm, bảy phút đồng hồ. Trong khi cha đóng đồn xa, mẹ trông cậu vào cậu để lo việc học hành của các con và thuốc men khi con đau ốm, và nhất là khép tôi vào kỷ luật. Mẹ nói, “*Thằng Bé* [tên ở nhà của tôi] là đứa luông tuồng lóc lách, không ai nói được *hắn*; chỉ cậu mới trị nổi.”

Mỗi khi tôi làm điều gì lỗi, mẹ biểu anh Quang “điều lên cho cậu xử tội.” Sau khi gạn hỏi “tội” của tôi, cậu Há lấy cây roi mây dài để một bên rồi bắt tôi nằm sấp dưới sàn nhà. Tôi được phép tự bào chữa hay giải thích tại sao tôi “phạm tội.” Thí dụ, tôi ước mơ có đủ tiền mua bộ truyện *Tàu Chung Vô Diễm* bốn cuốn nên một hôm, thừa cơ mẹ để ra ngoài một xấp tiền mà không canh chừng, lén rút một tờ 20 đồng và đem giấu giữa cuốn *Tự điển Pháp-Việt* của Đào văn Tập. Tôi chắc mẩm đó là chỗ giấu kín đáo nhất vì trong nhà ngoài tôi ra không ai dùng cuốn đại tự điển này.

Vài tháng sau, vì một lý do nào đó – chắc hẳn không phải để tra cứu – anh Quang mở cuốn tự điển, lấy tờ bạc đi đãi bạn uống cà-phê quán Lạc Sơn trên phố, và sau khi tiêu hết tiền về nhà mách mẹ. Mẹ giận biểu anh “điều” tôi lên cho cậu Há “*đần* [đánh] một trận” cho chữa cái tật xấu nhất trong ba thói,

Ăn cắp quen tay, ngủ bầy [trưa] quen mắt, ăn phết [vật] quen mỏ [miệng].

Tôi một mực kêu oan vì việc tôi lấy tiền mẹ xảy ra “lâu rồi,” không thể đợi đến bây giờ mới phạt. Hơn nữa, anh Quang lấy tiền đó đi uống cà-phê, tại sao phạt tôi? Cậu Há không hề nao núng và biết tôi mê đọc truyện Tàu, dẫn chứng những sự tích trong *Bao Công Xử Án* để bác bỏ lý sự cùn của *thằng Bé*. Bao Công làm quan đời Bắc Tống bên Trung hoa, có tài xử án công minh, là người chính trực và liêm khiết, và được dân gian lưu truyền với hình tượng mặt đen và gọi là Bao Hắc tử. Cậu nói “lâu rồi” không phải lý do để miễn tội vì ngày xưa Bao Công xử những vụ án giết người đã xảy ra ba, bốn chục năm trước. Hơn nữa “tội” ở đây là tội ăn cắp, không phải là tội tiêu tiền, và thủ phạm là tôi.

Sau nửa buổi giải thích dông dài, cậu cho phép tôi đứng dậy, “Lần sau *mi* đừng làm như *rúa* nữa. Không sợ mẹ *mi* buồn hay *răng*?” Cậu không đánh đòn, nhưng nắm trúng thóp của *thằng Bé* – sợ mẹ buồn. Nếu làm chuyện gì khiến mẹ buồn là tôi có lỗi, tự hứa sẽ không bao giờ tái phạm.

Ngày trước cậu Há học trường Khải Định (trường Quốc Học) Huế và sau khi đậu *Bac II* (Tú tài II Pháp) làm thông ngôn cho Pháp nên rất giỏi tiếng Pháp. Ngày tôi sắp học đệ thất (lớp 6) thì anh Quang sắp học đệ tứ (lớp 9) và sẽ thi Trung học Đệ nhất cấp, và o Hồng em họ mẹ sắp học đệ

nhị (lớp 11) và sẽ thi Tú tài I. Hai người cần trau dồi Pháp văn để cuối năm đi thi nên nhờ cậu dạy thêm mỗi tuần hai tối. Thấy cậu dạy Pháp văn, mẹ thừa cơ gửi gắm,

“Cậu cho *thằng Bé* học với. *Hắn* ở không, ăn xong ôm kè kè mấy cuốn truyện rồi chạy chơi lang bang với con nít hàng xóm; chẳng mấy hồi mà hư thân mất nết.”

Thế là tối nào tôi cũng phải lên nhà cậu Há học Pháp văn, và cậu dùng bộ *Grammaire française* (Văn phạm Pháp ngữ) của Claude Augé gồm ba cuốn ở ba bậc học khác nhau để dạy tôi; hình như anh Quang và o Hồng cũng học bộ sách này. Nhờ vậy, các bài Pháp văn vỡ lòng lớp đệ thất học với thầy Tiến ở trường Hàm Nghi trở nên *đễ ợt*, và tôi làm thầy dạy lại cho thằng bạn thân là Phúc vì nó thú nhận, “*Tau* dân nhà quê, không có khiếu sinh ngữ như *mi*.” Một hôm, thầy dạy để tạo thành số nhiều của các danh từ tiếng Pháp, ta phải thêm “s” ở đằng sau, và viết thí dụ trên bảng đen cho học sinh chép vào vở:

un sou (một đồng xu) – deux sous (hai đồng xu)

un chou (một bắp cải) – trois chous (ba bắp cải)

Tôi thấy có điều gì không ổn và quay sang thì thầm bàn với Phúc thì bị thầy Tiến bắt gặp. Thầy mắng,

“*Ba Hoa* không lo viết bài mà nói chuyện trong lớp.”

“Thưa thầy,” tôi run run đứng dậy, “Con hỏi nó vì thấy số nhiều của chữ ‘chou’ như thầy viết chắc không đúng.”

“*Rứa rã* [vậy sao]? Anh nói tôi sai, đúng ra phải làm *rã*?”

“Thưa thầy,” tôi khấp hơn nhưng nhớ như in bài học trong cuốn Claude Augé đang học, “Những danh từ tận cùng bằng ‘ou’ khi đổi sang số nhiều thì thêm ‘s,’ nhưng có bảy chữ ngoại lệ – phải thêm ‘x’ thay vì ‘s.’ Chữ ‘chou’ là một trong bảy ngoại lệ đó, và đúng ra là ‘trois choux,’ với chữ ‘x’ đằng sau.”

“Ngồi xuống. Không được nói chuyện,” thầy không nói tôi đúng hay sai.

Sau đó, thỉnh thoảng tôi thấy thầy Tiến viết sai chính tả chữ Pháp, gân cổ cãi với thầy, bị *ăn trứng vịt*, và phải ôm cuốn tự điển *Le Petit Larousse* tiếng Pháp từ nhà tới trình thầy. Thầy chịu nhận sai, nhưng *quả trứng vịt* nằm nguyên trong sổ điểm. Cả hai lần thi lục cá nguyệt, thầy cho tôi điểm 5/10. Điểm 5/10 hay 10/20 là trung bình, nếu đi thi thì vừa đủ đậu. Năm sau, tôi học Pháp văn đệ lục (lớp 7) với giáo sư khác vì thầy đã rời khỏi trường.

Học với cậu Há gần một năm, anh Quang và o Hồng ngưng vì cần để thì giờ học bài thi, nhưng tôi phải tiếp tục hằng đêm. Đến giữa mùa hè, cậu nói, “*Mi* học hết ba cuốn sách rồi! *Tau* hết chữ dạy *mi*,” và tôi tha hồ đọc truyện và chạy chơi với bạn. Mãi về sau, khi tôi đã tốt nghiệp kỹ sư và đi dạy học, cậu tiết lộ,

“Không biết hồi *nó mi* học làm *rã* mà trong vòng một năm ngón tròn ba cuốn Claude Augé, trong lúc hai đứa *tê* [kia] học hoài không xong cuốn một. *Tau* thiếu điều xé óc tụi *hắn* rớt chữ vô!”

* * *

Ngày 23 tháng Chạp ta trước Tết Mậu Thân (1968), tôi từ Sài Gòn về nhà ở Tuy Hòa ăn tết; cha đang giữ chức vụ cầm đầu tỉnh kiêm chỉ huy tiểu khu Phú Yên. Khuya 30 tết, tôi bày bàn thờ ngoài sân cho mẹ cúng giao thừa và huy động các em mặc quần áo chỉnh tề lên nhà trên chúc tết cha. Câu chúc mừng chưa nói hết thì tiếng súng nổ ran từ mạn cầu Đà Rằng phía tây nam thành phố vọng lại. Đó là cây cầu dài nhất Việt nam, nằm trên Quốc lộ 1, bắc ngang qua sông Đà Rằng, và là lối đi duy nhất từ Tuy Hòa sang phi trường Đông Tác, nơi đặt căn cứ Không quân Hoa kỳ lớn thứ nhì miền Trung, chỉ sau Đà Nẵng. Thấy chuyện bất thường, cha gọi điện thoại cho Tiểu khu và sau khi nghe báo cáo, mặc đồ tác chiến chạy sang Trung tâm Hành quân cách nhà khoảng 200 thước. Đại đội phòng thủ báo động; quân nhân trực nhận lãnh khí giới và bố trí vào vị trí chiến đấu.

Trên toàn cõi miền Nam, trong lúc dân chúng hân hoan mừng xuân, Việt Cộng (“VC”) bội ước, vi phạm thỏa thuận hưu chiến, và dốc sức tấn công toàn diện. Ở Tuy Hòa, đúng giao thừa, chúng tấn công vào trung đội địa phương quân bảo vệ cầu Đà Rằng. Bị đánh bất ngờ và quân số thiếu hụt vì quân nhân đi phép về nhà ăn tết, trung đội rút lui và bỏ ngổ cứ điểm này. VC tiến vào thành phố chiếm đóng nhà dân và cố thủ trên các nhà lầu. Chiều mùng một tết, quân nhân phục vụ ở Tiểu khu và đại đội phòng thủ về nhà trên phố ăn tết xoay xở thoát ra và lục tục trở về đơn vị. Năm giờ chiều, chú Duy sĩ quan tùy viên của cha sang tìm tôi,

“‘Ông già’ bảo mày qua Trung tâm Hành quân thông dịch cho thằng Tướng Jones. Thằng thông dịch viên về Sài Gòn ăn tết mẹ nó rồi!” Tướng Jones là trưởng đoàn Cố vấn Viện trợ Quân sự Hoa kỳ (hay MAAGV) cạnh Tiểu khu, và “ông già” là cha.

“Tại sao cần thông dịch, trong lúc hầu như ai cũng hiểu tiếng Anh?” tôi thắc mắc.

“Ngoài chức vụ hành chánh và quân sự tỉnh Phú Yên, ‘ông già’ được ủy nhiệm làm tư lệnh lực lượng đồng minh trong vùng, bao gồm cả căn cứ Đông Tác của Mỹ và Sư đoàn Bạch Mã của Đại Hàn. Đối với giới chức đồng minh, mọi thảo luận chính thức phải phát biểu bằng cả hai thứ tiếng để chắc chắn hai bên hiểu nhau tường tận,” chú giải thích.

Trong phòng hành quân có ba sĩ quan Hoa kỳ và bảy, tám sĩ quan của cha, trong đó tôi nhận ra Đại úy Tiến trưởng Ban 3 (Hành quân) là giáo sư Pháp văn cũ và gật đầu chào. Tướng Jones chỉ nơi đóng quân của các đơn vị đồng minh và địch quân trên bản đồ,

“Theo nguồn tin tình báo của chúng tôi, một tiểu đoàn VC đã xâm nhập vào thị xã Tuy Hòa và chiếm cứ các điểm chiến lược quan trọng. Phía Việt nam, lực lượng địa phương quân quân số không đầy đủ mà phải rải ra trên diện tích toàn tỉnh. Trung đoàn 44 Bộ binh chủ lực của Việt nam và Sư đoàn Bạch Mã của Đại Hàn bị cầm chân ở núi Chóp Chài, núi Sầm, và vài nơi khác. Địch quân kiểm soát trục giao thông trọng yếu là cầu Đà Rằng, và lực lượng phòng thủ vòng đai căn cứ Đông Tác hầu như không còn bao nhiêu. Chúng tôi tin đêm nay địch sẽ tung toàn lực tấn công, và trước khi mặt trời mọc, Đông Tác sẽ chìm trong biển lửa, và sinh mạng của hàng trăm quân nhân Mỹ bị đe dọa.”

Tôi dịch xong, Tướng Jones dừng lại một phút rồi nhìn thẳng vào mắt cha,

“Nhân danh chính phủ và quân đội Hoa kỳ, chúng tôi xin ngài chấp thuận để oanh tạc cơ Hoa kỳ dội bom tiêu diệt trọn ổ VC. Các phi vụ đã sẵn sàng, chúng tôi ước lượng cuộc oanh kích sẽ không hơn một tiếng đồng hồ.”

Trời ơi, dội bom và biến Tuy Hòa thân yêu của tôi thành bình địa! Hai hàng nước mắt chảy dài trên má, tôi nhắm mắt suy nghĩ rồi mím môi nói với Tướng Jones,

“Thưa ngài, đề nghị của ngài là cuộc tàn sát dân cư tập thể. Là người Việt nam, tôi không thể dịch những lời ấy. Không bao giờ!”

Tôi lảo đảo bước ra khỏi phòng và chưa tới cửa thì có tiếng hô giọng Huế của thầy Tiến, “Nghiêm,” và các sĩ quan người Việt đứng thẳng người ưỡn ngực chào kính như thể tiễn chân thượng cấp. Đêm ấy, cuộc oanh tạc không xảy ra, và VC không tấn công như Tướng Jones dự đoán. Tờ mờ sáng mùng bốn, hai đạo quân của Tiểu khu chia làm hai ngả đánh gọng kềm xuống phố, càn quét địch quân bằng cách kiểm soát từng nhà. Chiều mùng năm, hai đạo quân “bắt tay” nhau và bình định thành phố; phe ta không chịu tổn thất nào đáng kể.

Trưa mùng bảy, chú Duy và thầy Tiến sang nhà đón tôi xuống phố ăn trưa rồi nhân thể đưa tôi ra phi trường vì, theo lệnh cha, tôi sẽ trở lại Sài gòn bằng chuyến bay Air Vietnam chiều. Gặp mặt ông thầy cũ, tôi cúi đầu, “Thưa thầy,” nhưng ông gạt đi,

“Thầy bà *chị*, cứ ‘anh em’ đi cho thân mật.”

“*Ba Hoa*, mày gọi ông đại úy là ‘chú’ như gọi chú đây,” chú Duy mách nước, “Hôm kia, tụi tao phục mày sát đất. Đã cả gan không thi hành lệnh thông dịch của ‘ông già’ mà còn khiến thằng Tướng Jones bẽ mặt!”

“*Mi* giỏi thiệt! Hồi xưa *tau* thua *mi* là trúng rồi.”

Trong quán ăn Hương Quê trên đường Nguyễn Công Trứ, chú Tiến phân trần,

“Năm 1958, *tau* đậu Tú tài II ban C [Văn chương và Sinh ngữ], ghi danh học Đại học Văn khoa Huế, và nộp đơn xin dạy trung học đệ nhất cấp với tư cách giáo sư tư nhân dạy giờ. Khi *tau* được bổ về Hàm Nghi, trường chỉ trống chân dạy Pháp văn mà môn *nớ* lại là Sinh ngữ II [ngoại ngữ phụ] *tau* chỉ học lơ mơ không tới *mô*. Vì chén cơm, *tau* *xăm* *mình* dạy đại. Từ đầu mùa tới cuối mùa bị thằng *tay tổ ni* sửa lưng, *tau* dở khóc dở cười. Cuối năm học, *tau* chán quá bỏ nghề *gỗ đầu trẻ* và tình nguyện vô trường Võ bị Quốc gia trên Đà Lạt.”

“Nhờ *Ba Hoa* mà quân đội mình có thêm một sĩ quan ưu tú là anh,” chú Duy cười khi khi.

“Sao nghe nói chú đi lính vì thất tình o Hồng cháu?” tôi cười cười nhìn chú Tiến.

“Là bạn thằng Long anh con Hồng, *tau* thừa cơ nhào vô *cua hấn* thì *hấn* cười rúc rích, ‘Anh *mần* [làm] thầy mà học thua thằng cháu mười tuổi của *tui*. Không biết *ôốc dôộc* [xấu hổ] hay *răng* mà dám rở tới *tui* là *mụ o hấn*?’ *Rứa* là *tau* đăng lính!”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 16 tháng Tư, 2025

Món Nợ Cưu Mang

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày tôi lên tám, gia đình theo cha di chuyển vào Quy Nhơn, một vùng mới được chính phủ Quốc gia tiếp thu. Sau những năm dưới ách cai quản của Liên khu 5 Việt Minh, thành phố tiêu điều xác xơ, và người dân nghèo khổ lặng lẽ nhìn người khác với đôi mắt dò xét nghi ngờ. Tôi được vào học lớp nhì (lớp 4) trường Vinh Sanh, một trường tiểu học Công giáo thuộc nhà thờ chánh tòa. Bài học trong lớp nặng về giáo lý hơn là văn hóa nên tôi thích ra phía sau trường đá banh với mấy thằng bạn lớn tuổi hơn, hơn là ngồi trong lớp nghe cô giáo là *ma sœur* (nữ tu Công giáo) nghiêm trang giảng kinh Thánh và sự tích đức Chúa Giê-su và đức Mẹ Maria đồng trinh.

Trên đường từ trường về nhà, tôi đi ngang qua một bãi đất trống và hằng tuần tò mò dừng lại xem một cặp vợ chồng mục sư Tin lành người Mỹ truyền giáo bằng cách phát bột bắp và áo quần cũ cho trẻ em và người lớn nghèo nàn rách rưới. Có lần tôi tham lam đứng vào hàng lãnh một bao bột bắp lớn khệ nệ ôm về nhà và bị mẹ la rầy, bắt phải đem đi đổ vì “đề chật nhà” và không biết dùng làm gì. Quần áo rộng thùng thình và màu sắc lòe loẹt không ai nhận vì quá chói chang mà không thể nào mặc vừa. Màn phát chẩn kết thúc, ông mục sư nhắm tít mắt, đưa hai tay lên trời thành chữ V, và cất cao giọng nói tiếng Việt lơ lớ,

“Các con hãy đến đây, hãy cùng ta ca ngợi đức Chúa Trời. Hãy tin vào Chúa, hãy làm con của ngài. Để được ngài cứu rỗi, và linh hồn được giải thoát. Đến đây, đến đây!”

Những kẻ nghèo túng co ro đứng xếp hàng “tin vào Chúa” để lãnh 20 đồng, số tiền đủ mua năm tập vở học trò 100 trang. Những tuần lễ kế tiếp, ông mục sư tiếp tục rao mời như trước, và hàng người “được cứu rỗi” vẫn là những người đã lãnh tiền tuần trước, và tuần trước nữa. Hình như đối với ông bà mục sư, khuôn mặt An nam nghèo đói nào cũng giống nhau.

Hình ảnh nhà giáo sĩ Tin lành rao giảng hời hợt in sâu trong ký ức tôi, một Phật tử sùng đạo. Năm 1975, vợ chồng tôi và các em di tản sang trại tỵ nạn Trại Pendleton ở nam California và phải ghi danh với một trong 13 cơ quan thiện nguyện có nhiệm vụ giúp tìm người bảo trợ. Hai cơ quan được ghi danh đông đảo nhất là Hội đồng Công giáo Hoa Kỳ và Cơ quan Xã hội Lutheran (LSS). Riêng chàng giáo sư *mất dạy* (không còn dạy) bướng bỉnh chọn Hội nghị Do thái Thế giới nằm cuối danh sách cơ quan thiện nguyện và có rất ít người ghi danh.

Tôi chờ đợi vô vọng hơn hai tháng trời thì dùng một cái, như trên trời rớt xuống, LSS gọi tôi lên văn phòng và cho biết nhà thờ Ba Ngôi Lutheran ở Bismarck, North Dakota sẵn lòng bảo trợ gia đình tôi. Sau khi LSS dàn xếp để tôi được bốn công ty điện và điện tử đặt trụ sở tại Bismarck phỏng vấn thuê làm việc, tôi biết chắc mình sẽ có việc làm thích hợp với khả năng và quyết định định cư nơi xứ lạnh North Dakota. Ông Ryland Gardner đại diện nhà thờ cùng với nhiều người trong họ đạo ra đón chúng tôi ở phi trường, nhưng hai hôm sau tôi mới gặp mặt vị mục sư trưởng là ông John Nielsen và bà vợ tên Lorene.

Hôm đó nhằm vào buổi trưa tôi được ăn bữa cơm Việt nam – cơm trắng, cá kho, và canh cải nấu tôm – đầu tiên sau gần bốn tháng trời. Tôi xuýt xoa khen đầu bếp là Quỳnh Châu và Bình, “Tài nấu nướng của vợ anh và cô em gái thật *hết sảy con cào cào*. Ăn thiệt đã đời . . . tỵ nạn!”

“Chồng đừng cho hai chị em đi máy bay giấy,” Quỳnh Châu vờ không bằng lòng, “Nhưng khen hay chê, tối cũng phải ăn lại đồ cũ vì chiều nay bà Lorene đưa em và Bình đi cắt tóc. Lâu nay tóc dài *thoòng* mà chưa được nếm mùi kéo của chú Thoòng.”

Quỳnh Châu nhắc lại tiệm uốn tóc Chú Thoòng trên đường Phan đình Phùng gần chợ Vườn Chuối Sài gòn do ông chủ người Hoa cắt uốn rất khéo tay và rất được phụ nữ ưa chuộng. Thấy ánh mắt dò hỏi của tôi, Quỳnh Châu gi tay vào vai tôi,

“Chồng khỏi lo đi. Gia tài nhà mình có mấy chục đô la Cơ quan Xã hội Lutheran cho làm lộ phí đi đường, em nhớ rồi! Bà Lorene hẹn chiều nay đưa tụi em đi cắt tóc ở tiệm của một bà bên nhà thờ. Dĩ nhiên là cắt không phải trả tiền.”

Có tiếng bấm chuông ngoài cửa khi chúng tôi vừa ăn cơm xong, và ông bà mục sư bước vào nhà. Ông trạc ngũ tuần, người cao lớn, ăn nói lớn tiếng, và giọng nói rõ ràng và thành thực. Bà vợ có lẽ nhỏ tuổi hơn, giọng nói nhỏ nhẹ dịu dàng, và mặt đẹp như thiên thần. Trong lúc bà nói chuyện với Quỳnh Châu và Bình, ông hỏi tôi,

“Ngày mai anh và bọn con trai có bận việc gì không? Chúng tôi có việc cần nhờ anh làm. Hàng rào bằng gỗ cạnh nhà thờ cần một lớp sơn mới, anh giúp được không?”

“Dĩ nhiên là tụi cháu sẵn lòng. Sáng mai sang làm ngay,” tôi sốt sắng nhận lời.

“Vậy chiều nay tôi đi mua sơn cọ và các thứ cần thiết và để sẵn cho anh làm việc. Anh và các em làm tổng cộng bao nhiêu tiếng đồng hồ, nhớ ghi lại để nhà thờ tính tiền trả.”

Thì ra, ông mục sư biết chúng tôi trắng tay nên bày việc cho anh em tôi làm lấy tiền. Để tỏ lòng biết ơn và và đồng thời khoe tài nấu nướng của phụ nữ nhà mình, tôi mời ông bà chiều mai ăn cơm tối. Ông mừng rỡ nhận lời, nhưng lại đề nghị,

“Bên nhà tôi có bọn nhỏ [con cái] ở xa về. Hay là thế này, Lorene sẽ đưa hai cô gái đi chợ và mua vật liệu cần thiết rồi sang nhà tôi nấu ăn. Hai nhà ăn cơm tối với nhau, một viên đá ném trúng cả hai con chim.”

Món cơm chiên Dương Châu của Quỳnh Châu và Bình ngon như của nhà hàng Đồng Khánh Chợ Lớn. Ông bà mục sư, bốn người con, và cô con dâu tấm tắc khen ngợi và ăn đến sạch nôi. Từ lúc rời Sài gòn, hôm đó là buổi tối vui vẻ và thoải mái nhất của tôi. Nói chuyện với gia đình Nielsen, tôi hầu như quên mình là kẻ di dân mới chân ướt chân ráo đến xứ người.

* * *

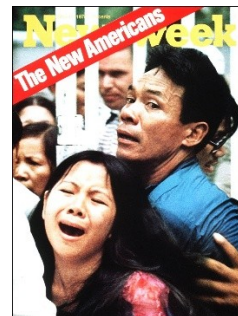
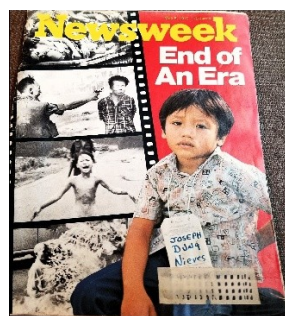
Bản tính ngang ngạnh của tôi lại trỗi dậy khi ông Gardner hẹn đến đưa gia đình tôi đi nhà thờ sáng Chủ Nhật tới. Đối với hầu hết mọi người tỵ nạn, được bảo trợ và giúp đỡ tận tình về vật chất là điều sung sướng, chịu khó đi nhà thờ hằng tuần để tỏ lòng biết ơn là lẽ đương nhiên, và nếu cần, theo đạo mới cho người bảo trợ vui lòng cũng không hề hấn gì. Nhưng tôi không thể làm như thế, mảng ký ức ngày còn bé khiến trong đầu không ngừng băn khoăn: Nếu được yêu

cầu “tin vào Chúa” để “được cứu rỗi,” làm thế nào để từ chối mà không phải cuốn gói trở lại trại tỵ nạn?

Tôi đã lo lắng viễn vông. Trong nhà thờ, gia đình tôi được xếp ngồi hàng ghế đầu với ông bà Gardner, ông là chủ tịch ban Trị sự nhà thờ Ba Ngôi. Trong bộ áo lễ màu trắng viền đen trang trọng, Mục sư Nielsen đứng chủ lễ. Bài giảng của ông chú trọng vào nghĩa vụ của tín hữu Cơ đốc giáo là giúp đỡ kẻ khốn khó mà không mong đợi được đền đáp bằng bất cứ cách nào. Đặc biệt, ông nói, những người cần giúp đỡ hiện tại là gia đình tỵ nạn mới tới – chúng tôi.

Cuối bài giảng, ông Nielsen cầm một số báo *Newsweek* đưa lên cao. *Newsweek* cùng với *Time* là hai tuần báo nổi tiếng nhất Hoa kỳ và được phát hành khắp thế giới. Số *Newsweek* đăng bài viết của Shana Alexander (1925 - 2005) về những người Việt tỵ nạn được nhận vào Hoa kỳ gần đây. Nhà nữ ký giả lo ngại những người đó chưa biết sử dụng máy giặt và máy sấy quần áo, và không biết Michelangelo là ai, làm sao sống nổi ở xứ Mỹ. Ông mục sư tỏ vẻ giận dữ,

Bài báo này tượng trưng cho hợm hĩnh ích kỷ mà Chúa dạy phải lánh xa. Hôm qua, Bà Nielsen [bà Lorene] và tôi được thù tiếp gia đình tỵ nạn họ Nguyễn và trải qua một buổi tối vô cùng thú vị. Hai cô gái là đầu bếp tuyệt vời, và cả gia đình đều là những người thông minh nhất mà tôi đã gặp. Cám ơn Chúa đã đưa họ đến đây với chúng ta.



Chuyện không biết dùng máy giặt hay máy sấy cũng dễ hiểu thôi: Chúng tôi chưa bao giờ có nên không biết dùng, có sao đâu? Học cách sử dụng hai chiếc máy này chỉ mất mấy phút đồng hồ, tại sao làm như ghê gớm lắm? “Michelangelo” là Michelangelo di Lodovico Buonarroti Simoni (1475 – 1564) người Ý là nhà điêu khắc gia, họa sĩ, kiến trúc sư, và thi sĩ thời Đại Phục hưng đã gây ảnh hưởng lớn lao vào sự phát triển nghệ thuật tây phương. Nhưng cứ đi hỏi những người Mỹ trung bình, có bao nhiêu người để ý hay biết tới tác phẩm của Michelangelo? Nhục mạ chúng tôi vừa phải thôi chứ!

* * *

Mẹ hay nói *thằng Bé* (tên ở nhà của tôi ngày còn bé) là đứa nhớ dai và do đó thù dai nên hằng năm cứ đến cuối tháng Tư là tôi lại nhớ đến bài báo của Shana Alexander. Trong vài thập niên kế tiếp, tôi ước ao có cơ hội mời bà viếng thăm các đại học Hoa kỳ để thấy sinh viên Việt nam học hành xuất sắc vượt xa bạn đồng môn người Mỹ ra sao, và ghé lại khu Little Saigon sầm uất ở quận Orange, California để thấy tận mắt những người đã bị bà khinh bỉ sinh sống phát đạt như thế nào. Có lẽ không cần được mời, bà cũng đã biết rồi. Năm 2005, ở tuổi 79, bà mất vì

bệnh ung thư sau nhiều năm sống trong viện dưỡng lão ở Hermosa Beach, một thành phố ven biển cách Little Saigon không tới 30 dặm Anh.

Một tuần lễ trước Giáng sinh 2007, tôi mới thực sự hả dạ khi đọc bài viết của một cây bút bình luận lỗi lạc nhất của báo chí Mỹ là George Will (1941 -) trên tờ *Newsweek*. Ông đề nguyên một trang nói về sự thành tựu và đóng góp của người đàn bà Việt tên là Đặng Nguyệt Minh; cô ở trong đám người đã lếch thếch kéo nhau sang Hoa kỳ và bị Shana Alexander đem ra sỉ nhục trên *Newsweek* ngày trước.

Ngày ấy, Nguyệt Minh mới 15 tuổi và học lớp 9 trường Lê Quý Đôn Sài gòn. Gia đình cô di tản sang Phi Luật Tân và trại tỵ nạn Đồn Indiantown Gap ở tiểu bang Pennsylvania rồi được bảo trợ ra định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Dù ban đầu vốn liếng Anh ngữ chưa đủ, cô ra công học hành để không thua kém bạn Mỹ và tốt nghiệp trung học với hạng danh dự. Sau đó học Đại học Maryland, và tốt nghiệp kỹ sư hóa học, kỹ sư điện toán, và cao học quản trị công quyền rồi làm việc cho Trung tâm Nghiên cứu của Hải quân Hoa kỳ ở tiểu bang Maryland.

Nguyệt Minh cai quản chương trình nghiên cứu, thăm dò, và chế tạo chất nổ của Hải quân. Sau cuộc khủng bố ngày 11 tháng Chín năm 2001 (gọi gọn là vụ “9/11”), cô được giao phó nhiệm vụ nghiên cứu một loại bom mới gọi là bom áp nhiệt để sử dụng trên chiến trường A Phú Hãn, một nước Trung Á có nhiều núi non và hang đá. Được cho thời hạn ba năm để hoàn tất, toán chuyên viên của cô thành công mỹ mãn sau vồn vẹn có 67 ngày. Loại bom mới công hiệu hơn tất cả các loại bom khác: ném vào hang đá không công phá ngay mà tạo ra sức nóng và sức ép dai dẳng tiến sâu vào hang hốc với khả năng hủy diệt hiệu nghiệm.

Nguyệt Minh được trao tặng huy chương về công trạng đối với quốc gia Hoa kỳ. George Will kể lại, trong buổi lễ trao tặng, cô khoan thai bước ra trước máy vi âm và ứng khẩu nói chuyện với cử tọa đông đảo và trang nghiêm. Cô nói cô mắc nợ đất nước đã cứu mang gia đình cô 32 năm trước, khi gia đình cô đến tỵ nạn Cộng sản với hai bàn tay trắng và túi hành trang đầy ước mơ tan nát. Cô nhấn mạnh,

Có một nhóm người mà tôi đặc biệt mang ơn. Đó là 58,000 người Mỹ mà tên tuổi được khắc trên bức tường kỷ niệm chiến tranh Việt nam và 260,000 quân nhân Việt nam Cộng hòa đã hy sinh để chúng tôi có một cơ hội thứ nhì sống trong tự do.

George Will kết thúc bài viết bằng lời cảm tạ,

Cám ơn Đặng Nguyệt Minh. Xin cô hiểu là món nợ mà cô nói mắc nợ Hoa kỳ, cô đã hoàn trả đầy đủ, không thiếu một xu. Cô đã trả hết món nợ đó, và luôn cả tiền lời. Tiền lời là đóng góp rất lớn cho tự do và an ninh của quốc gia đã mở rộng vòng tay đón gia đình cô.

Nguyễn Ngọc Hoa

Viết xong ngày 30 tháng Tư, 2025

Một Tai Nạn Nhớ Đời

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Chiếc xe cứu thương hụ còi chở tôi vào phòng cấp cứu bệnh viện duy nhất của Wartertown, một thành phố nhỏ thuộc tiểu bang South Dakota nằm ven xa lộ Liên bang I-29. Vị bác sĩ trực đứng tuổi cẩn thận khám khắp người tôi. Với giọng nói có âm thanh trầm bổng cuộn vào nhau của một người Mỹ gốc Ấn độ, ông dịu dàng nói,

“Ngoài chỗ xương vỡ ở bàn chân phải, tôi không thấy thương tích nào khác. Chiếc xe nát bét mà ông sống sót thật là may mắn.”

“Sao bác sĩ biết?” tôi ngạc nhiên hỏi.

“Tôi nhìn thấy hình chiếc xe. Nhân viên cứu thương chụp hình cảnh tai nạn để chúng tôi biết mà liệu chữa trị,” ông cười nhẹ.

Sau khi được bác sĩ khám ở phòng bên, trên trán có miếng băng vết thương nhỏ, Quỳnh Châu vén màn bước vào nắm tay tôi với đôi mắt ngấn lệ, “Em không sao cả. Lạy Trời cho chồng được bình yên.” Hai vợ chồng cảm ơn Trời Phật đã cho chúng tôi còn sống để gặp lại ba đứa con thương yêu đang bay nhảy góp mặt với đời ở ba góc quả đất: Mạc về Việt nam làm phim, Ân sang Trung hoa dạy học, và Diễm Lệ gần nhất làm việc ở Nữu Ước.

Mạc con trai đầu lòng tài hoa nhất nhà. Một vật lý gia tốt nghiệp Học viện Kỹ thuật Massachusetts ở Cambridge, Massachusetts nổi tiếng nhất thế giới, Mạc quay qua làm việc trong ngành cố vấn tài chánh và kinh tế và được gửi đi công tác ở nhiều quốc gia, trong đó có cả Việt nam – quê hương của ba má mà Mạc lâu thông lịch sử. Cuộc sống bận rộn luôn luôn di chuyển với chiếc va-li khiến Mạc mệt mỏi và sau khi để dành đủ tiền, xin nghỉ việc để *đi giang hồ*: dăm ba chuyến về Việt nam thu góp sử liệu về đời Tây Sơn và chuyến viếng thăm Hoa Lục từ nam chí bắc. Hết *đi giang hồ*, Mạc trở lại đại học học cao học điện ảnh và truyền hình tại Đại học Nam California ở Los Angeles, California rồi về Việt nam làm đạo diễn phim.

Ân con trai thứ hai ít nói và chịu khó ít ai bằng. Ân kính phục Mạc và xem anh là thần tượng, nhưng hay bị em gái là Diễm Lệ ăn hiếp. Quỳnh Châu thường nói,

“Trong ba đứa, em thương thằng Ân nhất. Nó hiền lành quá, tử tế quá, sợ ra đời bị người ta ăn hiếp.”

“Con em đứa nào mà hiền lành?” tôi cười khà khà, “Nó thương Diễm Lệ nên bấm bụng nhịn em, chứ *sức mảy* nó chịu thua người ngoài!”

Ân đặc biệt mê xe hơi, có bao nhiêu tiền đều đổ vào mua tạp chí và mẫu xe hơi đem về say sưa nghiền ngẫm, và có thể nói vanh vách loại xe, đời năm nào, và đặc tính của bất cứ chiếc xe hơi nào chạy ngoài đường. Ngoài ra, Ân mê học lịch sử Hoa kỳ và thế giới. Khi gần tốt nghiệp trung học, Ân hỏi ý kiến Mạc về việc tìm đại học dạy lịch sử thích hợp. Mạc khuyên, khi đọc sách vở và tài liệu lịch sử, Ân cần ghi nhớ tên các tác giả ưa chuộng và tìm xem họ giảng dạy hay tốt nghiệp trường đại học nào rồi từ đó tìm ra trường Ân muốn học. Ân tìm được hai trường vừa ý:

Đại học Columbia, một đại học tư rất nổi tiếng ở Nữ Ớc; và Đại học Minnesota ở Minneapolis, Minnesota, một đại học công thuộc tiểu bang.

Mùa hè cuối năm Ân học lớp 11 và Diễm Lệ học lớp 10, tôi đi họp và nhân dịp đưa Quỳnh Châu và hai con đi nghỉ hè ở Nữ Ớc. Ở đó nàng có chị bạn thân người Việt dạy ở Đại học Barnard, một đại học tư chỉ nhận nữ sinh viên, chuyên về khoa học nhân văn và xã hội, và liên kết mật thiết với Columbia. Chồng chị bạn là người Mỹ và làm khoa trưởng ban nhận sinh viên vào học tại Columbia, và hai người không có con chung.

Trước khi về lại North Dakota, chúng tôi được chị bạn mời đến nhà trong cư xá giáo sư Columbia ăn cơm tối. Ông chồng hỏi chuyện, tán phịch kiến thức rộng rãi của Ân, và hứa, “Nếu năm tới cháu muốn vào Columbia, chú sẽ có chỗ cho cháu; đừng lo.” Thấy Diễm Lệ tỏ vẻ thích thú với cuộc sống đô hội của Nữ Ớc, “thành phố không bao giờ ngủ,” chị bạn vốn rất khoái bé dễ dàng,

“Năm sau con lên học trường Barnard của cô và ở đây với cô chú. Nhà có dư một phòng để dành cho con đó; nhớ *nghe*!”

Ân chọn học Đại học Minnesota với lý do giản dị, “Minneapolis gần nhà, và tiền học rẻ; Ân không phải vay *student loan* [tiền vay của chính phủ để đi học] nhiều. Khỏi mắc nợ rắc rối!” Ân để ra bốn năm rưỡi lấy hai bằng cử nhân – một bằng về lịch sử, và một bằng về chính trị học – rồi nhận lời mời sang Trung hoa dạy Anh văn tại Đại học Trường Xuân ở Trường Xuân, thủ phủ và thành phố lớn nhất của tỉnh Cát Lâm. Thành phố này chuyên về kỹ nghệ chế tạo xe hơi nên được gọi “Detroit của Trung hoa.”

Bé út Diễm Lệ thông minh nhất nhà. Năm bé học lớp 3, một hôm thấy tôi ăn quả cam không có hạt, bé đưa ra câu hỏi mới nghe tưởng đơn giản, “Nếu cam không có hạt, làm sao trồng cây mới?” nhưng làm tôi xính vính và phải đi hỏi nhiều người mới tìm ra giải đáp: Người ta phải chiết cây, nghĩa là cắt rồi lột một đoạn da của một nhánh cây đang sung sức, bó lại với đất xốp, và đợi một, hai tháng cho nơi ấy mọc rễ thì cắt lia đem trồng thành cây con. Ở hai năm cuối trung học, bé giỏi về máy điện toán đến không ngờ. Mỗi khi chiếc *PC* (personal computer, máy điện toán cá nhân) của tôi ở sở gặp trục trặc và nhân viên hỗ trợ kỹ thuật không tìm ra nguyên nhân, tôi trấn an họ,

“Không sao đâu. Để tối tôi mang về nhà nhờ nhỏ út nó làm giùm.”

Diễm Lệ nhất quyết học đại học ở Nữ Ớc, nhưng thay vì nộp đơn xin vào Barnard hay Columbia và nhờ vả bạn Quỳnh Châu, bé xin vào Đại học New York (NYU) học tâm lý áp dụng; NYU là một đại học tư lớn có uy tín ngang hàng với Columbia. Lý do của bé khá bất ngờ, “Con không muốn học trường anh Ân chê, không thêm học.” NYU nhận và cấp cho bé học bổng bán phần là một nửa học phí hằng năm vốn rất cao.

Diễm Lệ biết tôi yêu cổ hươu và tiếng Việt nên học thêm các lớp Việt ngữ bậc đại học và lấy thêm ngành chuyên môn phụ (minor) nghiên cứu Á châu để tôi vui lòng. NYU không có lớp Việt ngữ nên phải gửi bé lên Columbia học; thành ra bé *tránh đầu, phải vai*, chạy không khỏi Columbia. Mùa hè, bé ở lại Nữ Ớc làm việc cho MTV là đài truyền hình dẫn đầu thế giới về

các chương trình giải trí, dùng kiến thức tâm lý học học được để sắp xếp chương trình truyền hình và thu hút khách hàng quảng cáo, và dần dần trở nên thông thạo ngành *marketing* (nghiên cứu thị trường).

Đầu hè 2011, tôi và Quỳnh Châu lên Nữu Ước dự lễ tốt nghiệp của Diễm Lệ tổ chức ở sân vận động Yankee có khả năng chứa trên 55 ngàn người. NYU cho tốt nghiệp gần 15 ngàn sinh viên nhằm thời kỳ Hoa kỳ chìm đắm trong tình trạng kinh tế suy thoái. Ở Nữu Ước, việc làm mới hầu như không có. Ngay cả những sinh viên tốt nghiệp *Juris Doctor* (bằng Luật sư), họ trả cho các công ty tìm việc từ \$10 đến \$15 ngàn để thuê tìm một chân *intern* (nhân viên tập việc) không lương trong các hãng luật. Để sau một thời gian làm việc, có kinh nghiệm ghi trong *résumé* (bản tóm tắt bối cảnh học hành và làm việc) dùng đi xin việc mới. Văn phòng tìm việc cho sinh viên ở NYU chỉ nhận được thư xin tuyển dụng 13 tân khoa.

Tôi không ngạc nhiên khi biết Diễm Lệ lọt vào 13 chỗ khuyết hiếm hoi đó. Tuy nhiên, công ty nghiên cứu phương tiện truyền thông nhận bé làm việc cho biết chỉ trả lương \$20 ngàn một năm, trong khi ở chung *apartment* với bạn, bé phải trả tiền nhà và điện nước hơn \$1,200 một tháng. Bé gọi điện thoại về nhà cho tôi, mếu máo,

“Ba, họ trả lương như vậy làm sao con sống nổi?”

“Thì con tới nói với họ giống như vừa nói với ba. Cùng lắm, con về North Dakota sống với ba má; *room and board* [ăn ở] miễn phí!” tôi rán đùa với con.

Sau khi nghe Diễm Lệ trình bày sự tình, công ty đồng ý trả lương cho bé \$40 ngàn một năm. Sau sáu tháng tập sự, có cơ hội chứng tỏ tài năng của mình, bé được thu nhận chính thức với số lương gấp đôi lương khởi đầu.

* * *

Quỳnh Châu giục tôi về hưu sau khi bé út có việc làm và không còn cần giúp đỡ tài chánh, hay bảo hiểm y tế gia đình do công ty tôi đài thọ. Chúng tôi mua căn *condo* ở Austin, Texas gần chỗ mẹ, Bình em gái duy nhất, và Sang em trai kế tôi. Mẹ về Austin năm 1984 sau khi cha mất vì bị liệt tim, Bình đang làm giám đốc điều dưỡng trong một bệnh viện lớn, và Sang kém tôi ba tuổi mà đã về hưu vài năm nay. Tôi chọn 30 tháng Tư là ngày làm việc cuối cùng.

Mùa xuân đã qua quá một nửa, nhưng sáng sớm trời còn hơi lạnh. Tôi lái xe đi Austin dưới bầu trời đầy mây bạc giăng ngang; đây là chuyến đi xa đầu tiên sau ngày tôi về hưu. Chiếc *minivan* chở vật dụng cho căn *condo* mới chạy êm trên xa lộ. Chúng tôi ghé ăn trưa ở Fargo, thành phố lớn nhất North Dakota cách nhà chừng 200 dặm Anh, rồi rẽ sang xa lộ Liên bang I-29 đi về hướng nam. Sau khi vào địa phận South Dakota, đột nhiên tôi thấy đôi mắt càng lúc càng trĩu nặng và cơn buồn ngủ kéo ập tới. Tôi ngừng xe ở vùng nghỉ, nhường tay lái cho Quỳnh Châu, và sang ghế hành khách ngồi ngủ.

Trong giấc ngủ mê man, nghe tiếng gọi mơ hồ, “Dậy đi, đừng ngủ nữa!” tôi rán mở mắt nhưng vẫn nửa tỉnh nửa mê. Quỳnh Châu đang chạy 85 dặm một giờ (trên xa lộ có giới hạn vận tốc 75 dặm một giờ) và đôi mắt nàng lơ đãng. Lo âu thành tiếng, “Em chạy nhanh quá, chậm lại đi,” tôi tiếp tục thiếp đi. Không biết bao lâu sau, tiếng gọi kia trở lại giục giã,

“Dậy ngay đi. Mục sư Nielsen cùng tuổi Tý với *mi*.”

Ông John Nielsen sinh năm 1924 (Giáp Tý) trước là mục sư chính của nhà thờ Ba Ngôi Lutheran. Hồi năm 1975, nhà thờ bảo trợ gia đình tôi, ông và bà vợ Lorene tận tình giúp đỡ, và sau này, dù chúng tôi không còn cần trợ giúp vật chất, ông bà vẫn là nơi nương tựa tinh thần. Nhưng ông bà đã về hưu mười mấy năm trước và cách đây hơn năm năm, thảm thiết lìa đời trong chuyến du lịch sang tiểu bang Montana kế cận. Xe ông bà bị xe vận tải hạng nặng, thứ xe 18 bánh đáng sợ nhất trên xa lộ Hoa Kỳ, đụng bẹp dúm trong lúc bà Lorene cầm lái. Tôi và Quỳnh Châu đã đến thăm di hài ở nhà quàn và dự đám tang ở nhà thờ Ba Ngôi.

Hình ảnh ông bà Nielsen nằm trong quan tài chớp nhoáng liên tục trong đầu tôi như một cuộn phim quay nhanh. Tôi giật mình choàng tỉnh dậy và thấy Quỳnh Châu đang vật lộn với tay lái. Chiếc xe sàng qua sàng lại, chạy xéo qua khoảng đất trống giữa hai chiều xa lộ, và vọt sang đường phía bên kia. Hoảng hốt la lên, “Cái gì vậy, cái gì vậy?” tôi dùng cả hai tay giúp nàng giữ vững tay lái trong lúc hai chiếc xe 18 bánh chạy song song trờ tới. Nàng Quỳnh quáng hơn và nhấn “ga” mạnh hơn. Chiếc xe rú lên băng ra khỏi mặt đường, tránh hai chiếc xe vận tải trong đường tơ kẽ tóc, và lao tới cột trụ bê-tông của cây cầu trên xa lộ.

Một tiếng “ầm” chát tai vang dậy. Chiếc xe húc mạnh vào trụ cầu và quay ngược một vòng. Không biết túi không khí đã bung ra, tôi sợ xe nổ và phát cháy liền vội vàng ngả người và chống tay luồn ra ngoài theo lỗ hổng dưới chân. Vài chục giây đồng hồ trước, lỗ hổng đó là bộ máy xe. Ngoại trừ bàn chân phải bây giờ thẳng hàng với ống chân, tôi không cảm thấy có gì khác lạ. Hai người tài xế xe vận tải tiến lại; một người giữ tôi nằm yên tại chỗ, và người kia dùng điện thoại di động gọi cứu cấp. Quỳnh Châu mở cửa xe bước ra và chỉ tay vào tôi van lơn họ, “Chồng tôi, xin hãy giúp chồng tôi!”

Không tới mười phút sau, xe cảnh sát, xe cứu hỏa, xe cần trục cứu nạn, và xe cứu thương chớp đèn và hụ còi chạy tới. Lưu thông trên chiều xa lộ có tai nạn bị chặn lại hoàn toàn. Hai nhân viên cứu thương khiêng băng-ca đến bên tôi, trước tiên đặt vòng cổ giữ cho cột xương không di chuyển, và sau đó mới khám khắp người và mắc ống truyền nước biển. Trước khi được khiêng vào xe cứu thương, tôi ngóc đầu lên hỏi,

“Đây là đâu?”

“Cách Watertown bảy dặm Anh về phía đông,” người ở đằng chân trả lời.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 14 tháng Năm, 2025

Người Về Lại Quá Khứ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tôi có chân trong Tiểu ban Thẩm định Khả năng Đáng Tin cậy, gọi tắt là RAS, của mạng lưới liên kết toàn Bắc Mỹ. Mỗi năm RAS họp chín lần ở các thành phố Bắc Mỹ khác nhau và thường chọn địa điểm họp theo thời tiết: mùa hè ở các thành phố miền Bắc như Montréal hay Vancouver ở Gia Nã Đại, và mùa đông ở Orlando, Florida hay Austin, Texas. Dù tháng Bảy và tháng Tám là hai tháng nóng nhất trong năm ở Bắc bán cầu, kỳ họp tháng Bảy năm nay tổ chức ở Houston, Texas nóng và ẩm. Đặc biệt phá lệ vì thành viên đại diện cho Vùng Điện lực Texas (chỉ gồm tiểu bang Texas không thôi) là nhân viên của công ty điện lực Reliant Energy đặt trụ sở tại Houston, ông sắp về hưu. RAS họp tại đây để cảm ơn và từ giã một thành viên kỳ cựu của tiểu ban.

Sau phiên họp RAS, tôi ở lại ngày thứ Bảy để họp mặt với bạn đồng môn trường trung học Ban Mê Thuật (“BMT”) vào buổi cuối cùng của cuộc “Hội ngộ 40 Năm Khóa 1958-1965.” Người tham dự hội ngộ gồm các cựu học sinh vào học đệ thất (lớp 6) năm 1958 như Điền là bạn BMT gần gũi với tôi nhất, hay ra trường năm 1965 như tôi. Cuộc hội ngộ đã bắt đầu từ tuần trước. Theo *mốt* (tiếng Pháp “mode”) mới thịnh hành gần đây, bạn đồng khóa, trong đó có vài người từ Việt nam sang, tụ họp ăn uống tại một khách sạn ở Houston tối thứ Sáu và sáng hôm sau lên xe buýt ra hải cảng Galveston cách Houston khoảng 50 dặm Anh để đi *cruise* (cuộc đi chơi tàu biển) một tuần lễ.

Trên tàu biển đi *cruise*, mọi thứ đều được cung cấp (chỉ phải đóng tiền một lần) nên ban tổ chức họp mặt khỏi phải lo chuyện ăn ở cho người tham dự. Tàu ghé lại vài hải cảng và đảo ở vùng biển Trung Mỹ để khách xuống tàu, mua đồ lưu niệm, và xem phong cảnh. Sau chuyến đi *cruise*, họ trở lại Houston họp mặt ở nhà Điền trước khi chia tay. Vừa thấy mặt tôi, nó cười khà khà,

“Tao biết ngay mà! *Thằng con* này thế nào cũng đến gặp ‘em’ Kiếm và ‘em’ Du.”

Tôi siết chặt tay Điền rồi nhảy bổ tới ôm chào hai cô bạn thân của thời hoa niên. Kiếm người Huế vẫn dịu dàng hiền hòa với nụ cười tươi tắn, và Thiên Du người Bắc vẫn xinh xắn với chiếc răng khểnh duyên dáng. Biết là Điền cố tình khiêu khích bằng cách gọi xách mé hai cô bạn cũ bằng “em,” Thiên Du ngày xưa vốn láu lỉnh, ít nhịn ai liền quay sang chỉ ngón tay vào mặt Điền làm bộ xỉa xói,

“Nói cho ông biết, *nhớ* đầu rồi, phải lựa lời ăn tiếng nói cho đàng hoàng. Chứ không, trước mặt bạn bè đông đủ mà bị ăn bạt tai mất mặt lắm.”

“Bà Du khó tính nên hiểu lầm ý tốt của tôi,” Điền cười hề hề rán chống đỡ, “*Thấy thằng con* này, tôi mừng quá và muốn nói là hai bà vẫn giữ nguyên vẻ đẹp ngày xưa, y như hai ‘em’ nữ sinh Ban Mê Thuật cắp sách đến trường trong chiếc áo dài màu thiên thanh.”

“Bỏ qua đi Du,” Kiếm xen vào, “Cái tật ăn nói ấu tả quàng xiên của ông Điền ai chẳng biết. Mất thì giờ cãi vã làm *chi*, nói chuyện với đầu gối sướng hơn.”

Màn đối thoại bóp chát quen thuộc đưa tôi về khung trời kỷ niệm. Niên khóa 1964-1965, trường trung học BMT mở lớp đệ nhất (lớp 12) đầu tiên và thu nhận nhiều học sinh từ ngoài tỉnh vào học, phần lớn đã thi rớt Tú tài II năm trước. Nhóm bạn sáu đứa tôi học chung và thân với nhau từ năm đệ nhị (lớp 11), kết hợp thành một khối chặt chẽ, và học và chơi lúc nào cũng có nhau, và ba thằng con trai thích kể chuyện khôi hài sống sượng để chọc cười.

Giờ đây gặp lại nhau, chúng tôi chỉ còn bốn đứa. Châu mất năm 1973 khi là sĩ quan phi công trực thăng và bị tử nạn, có lẽ vì chơi trò *roulette* kiểu Nga, trong lúc chúi súng cá nhân. Hương Nhã, cô bạn thân xem tôi như em ruột, cũng mất năm 1973. Chị là sinh viên văn khoa hoạt động nghị trù, nhận chỉ thị của phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Việt nam Cộng hòa, và len lỏi vào “Thành đoàn,” tên gọi tắt của “đoàn Thanh niên Lao động Việt nam” của Việt Cộng; bọn này chuyên phá rối và khủng bố ở “nội thành” Sài Gòn - Gia Định. Có lẽ chị bị Việt Cộng thủ tiêu khi vai trò hai mang bại lộ.

Hồi đó, cứ đến cuối tuần là sáu đứa học trò không biết sợ đất trời kéo nhau đi lóc lách khắp núi rừng BMT. Từ ghềnh thác sông hồ đến rừng cao su, đồn điền cà phê, buôn Thượng, và khu dinh điền (như Kim Châu, Kim Phát, và Giang Sơn). Điều này làm được là nhờ tôi dạy tiếng Việt miễn phí cho anh bạn Mỹ Tracy phục vụ trong đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế. (Mẹ nói, “Người ta qua đây giúp mình, mặt mũi *mô* mà ngửa tay lấy tiền họ?”) Anh cảm phục và yêu mến tôi, muốn tìm hiểu và hòa đồng với nếp sống người Việt, và rất sẵn lòng dùng xe hơi chở tôi và các bạn đi chơi.

Tôi nhớ đời chuyến du ngoạn “hồ Trung tâm.” Hôm ấy, một trưa Chủ Nhật cuối thu trời nắng nhẹ, sáu đứa chen chúc trong chiếc Land Rover cũ kỹ màu cà-phê sữa nay thành nâu sậm vì bụi và bùn đất đỏ bám đầy để đi Trung tâm Thực nghiệm Nông Lâm Súc. Trung tâm tọa lạc trên Quốc lộ 21A, con đường đi từ Ngã Ba Cây Số 5 (cách trung tâm thành phố năm cây số) vào phi trường Phụng Dực rồi tiếp tục đi Lạc Thiện. Chính Trung tâm đã trồng những khu rừng sao và rừng giá tị hai bên con lộ này. Dân BMT gọi cái hồ rộng nằm giữa Trung tâm là “hồ Trung tâm” và xem nó là một thắng cảnh. Người ta đã tạo thành hồ này bằng cách đắp đập chặn ngang một dòng suối lớn nên nay còn nhiều cây rừng đứng gần bờ hay chết dưới mặt nước.

Trong lúc ba thằng con trai đứng tán gẫu (và luyện Anh văn) với Tracy, Hương Nhã, Kiếm, và Thiên Du rủ nhau ra bờ hồ đứng đồng đưa trên một nhánh cây cổ thụ sà ra ngoài mặt nước. Đột nhiên ba thằng nghe tiếng la thất thanh, nhìn sang, và thấy cành cây chết mục vừa gãy lìa và rơi tòm xuống nước, mang theo cả ba cô. Họ vừa la vừa nhảy loi choi; nước lên tới cằm. Chúng tôi vội vàng chạy tới nhảy xuống nước vực họ lên bờ. Thấy họ lạnh run, tôi đề nghị nửa đùa nửa thực,

“Sao mấy chị không ra sau bụi cây, cởi áo quần vắt cho khô nước?”

“Cam đoan không ai nhìn trộm,” Châu hóm hỉnh thêm vào.

“Nhìn trộm tôi chọc thủng đôi mắt, không có để nhìn đâu!” Thiên Du dọa đùa.

“Chốn núi rừng, ngoài những kẻ đứng đắn đàng hoàng như bọn ‘ta,’ nào có ai khác mà lo!” Điền cười khà.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, áo quần của mọi người khô, chúng tôi lại tiếp tục vui đùa. Tối hôm ấy, Châu kể khi nâng Thiên Du lên khỏi mặt nước, bàn tay nó đã vô tình chạm vào “yêu huyết” giữa hai chân chị. Nó sung sướng xòe bàn tay, đưa lên cao, và say sưa hát nhại bài “Một Bàn Tay” của Phạm Duy (1921 - 2013),

Bàn tay đưa em ra khỏi mặt hồ

Một mai kêu lên hơi thở tuyệt vời.

Bàn tay êm ái, ôi bàn tay khoan khoái . . .

Châu yêu Thiên Du nhưng không dám tỏ tình. Không phải tại nó nhát gan mà vì hai đứa quá thân nhau, tỏ tình không được đáp lại thì không những không được người yêu mà còn mất bạn. Cuối cùng, nó ôm mối tình câm xuống mồ. Tôi và Thiên Du đi đám tang nó ở Sài gòn, chị khóc suốt suốt suốt buổi đưa ma.

* * *

Điền đưa tôi ra căn phòng lớn nhìn ra sân sau và chỉ cho tôi ngồi chung với đám đàn ông đang xúm xít quanh hai chiếc bàn dài. Hơn một nửa trong số này, tôi chưa bao giờ gặp mặt vì họ vào trường năm 1958 cùng lượt với Điền nhưng sau đó bỏ dở việc học để đi lính, trong khi mãi đến năm 1963 tôi mới vào trường học đệ nhị. Tôi nhìn quanh tìm Trinh, anh bạn tôi vừa gặp bên ngoài trước khi vào nhà Điền và cũng như tôi, chỉ dự buổi họp mặt cuối cùng. Trinh cho biết anh là nhà thơ Trinh Chuyên và hiện là tổng thư ký nhóm Thơ Văn Lạc viên ở San Jose, California. Thấy vẻ mặt dớn dác của tôi, Điền nhăn mặt hỏi,

“Thằng con này làm gì bơ ngơ báo ngáo như con nai vàng đạp trên lá vàng khô thế?”

“Tao tìm xem thi sĩ Trinh Chuyên ngồi ở đâu để hỏi thăm dăm điều ba chuyện.”

“Thằng Trinh chuyên bốc phét bịp đời ấy hả? Nó lĩnh đi mất cha nó rồi!”

“Sao đến rồi lại đi ngay vậy?” tôi vô cùng ngạc nhiên.

“Nó là bạn học và hàng xóm cũ của tao trong xóm Trần Hưng Đạo. Tao biết rành rọt tông tích của cả nhà nó. Nó gặp tao không nói làm gì, nhưng thấy hai thằng sếp cũ là sĩ quan Không quân tại phi trường L19 ngồi ở đây, sợ bị lộ mặt nạ nên lẳng lặng rút lui không kèn không trống,” Điền giải thích và kể lại quá khứ không mấy vẻ vang của Trinh.

Phi trường L19 của BMT là một phi trường quân sự nằm sát ranh giới thành phố và trải dài tới Cây Số 3 (cách trung tâm thành phố ba cây số), ban đầu dùng cho phi cơ trinh sát L19, và về sau dùng cho cả phi cơ trực thăng và phi cơ vận tải chỉ cần phi đạo ngắn. Trinh sinh cùng năm và vào trường trung học BMT cùng với Điền. Cuối năm đệ lục (lớp 7), Trinh học dốt bị ở lại lớp và bỏ học xuống Nha Trang đi lính Không quân. Khi lên trung sĩ, anh được đổi về phi trường L19 làm *tà lọt* (nhân viên hầu cận làm việc vặt) cho vị thiếu tá chỉ huy trưởng và giúp vợ ông này bán hàng câu lạc bộ, trong khi hai bạn cùng khóa 1958-1965 có mặt hôm nay là sĩ quan cấp úy.

Năm 1975, Trinh di tản sang Hoa kỳ và định cư ở San Jose. Là tín đồ Công giáo, anh tích cực tham gia hoạt động của nhà thờ và nhờ đó quen biết với nhiều văn thi sĩ tại địa phương. Anh làm thơ và ký tên “Trinh Chuyên L19.” Về mặt chữ nghĩa, điều này đúng vì anh từng làm việc tại phi trường L19. Nhưng thực tình anh *mập mờ đánh lận con đen* cố ý khiến mọi người hiểu rằng

anh là sĩ quan hoa tiêu lái phi cơ L19, và nghiêm nhiên trở thành “cựu sĩ quan Không quân Việt nam Cộng hòa.”

Đồng thời, Trinh làm nhân viên kiểm phẩm cho hãng chế tạo dụng cụ điện tử với nhiệm vụ đứng cuối dây chuyền lắp ráp và kiểm soát để tin chắc sản phẩm ráp thành không bị thiếu khuyết. Tuy nhiên, đối với người ngoài hãng, anh khoe mình là “kỹ sư kiểm tra kỹ thuật” dù chưa bao giờ biết một trường kỹ sư ở Việt nam hay ở Hoa kỳ ra sao.

Nhà thơ Trinh Chuyên dĩ nhiên phải tham gia vào nhóm văn thơ Thơ Văn Lạc viên do một số thi sĩ lão thành lập ra từ lâu, nhưng không làm gì đáng kể ngoài việc họp hành bầu bán cho có tiếng với đời. Đầu năm 2005, tổng thư ký của nhóm là nữ thi sĩ An Ngọc cãi nhau với chủ tịch là thi sĩ Anh Đông rồi từ chức, và Trinh may mắn được cử vào thay thế An Ngọc. *Cờ đến tay*, anh ra công đề cao nhóm thơ văn bằng cách quyên tiền và tổ chức cuộc thi truyện ngắn và thơ hằng năm. Tác phẩm chấm giải nhất được trao tặng \$500, giải nhì \$300, và giải ba \$200.

Để cho tương xứng với vai trò mới, ban đầu Trinh tự xưng đã “học Đại học Văn khoa Sài gòn” và ít lâu sau tự chấm đậu bằng “Cử nhân Văn khoa.” Sau đó, anh được đôn lên làm chủ tịch Thơ Văn Lạc viên, tiếng tăm vang lừng bắc California, và khi được đài truyền hình Việt nam ở San Jose phỏng vấn, hãnh diện tiết lộ thân thế,

Cha tôi ngày xưa là lãnh tụ Việt nam Quốc dân đảng, đã từng bị mật thám Pháp lùng bắt ráo riết, và sau năm 1954, bị chính quyền Đệ nhất Cộng hòa theo dõi chặt chẽ.

Thực ra, cha Trinh sống bằng nghề cho heo nhảy đực thuê, suốt ngày dắt con heo nọc đi tới các chỗ nuôi heo nái để cho nhảy đực lấy giống. Đôi khi chú heo nọc *hết xí quách* hay không có hứng thú “làm việc,” ông dùng tay kích thích bộ phận của chú rồi nhét vào cô heo nái. Thành tích của ông liên quan chuyện ái ân của heo, chứ không dính dáng tới *chính trị chính em*.

Nghe kể đến đây, tôi bật cười ha hả,

“Thằng Trinh quái này giỏi thật!”

“Mày nói nó giỏi ở chỗ nào, ngoài tài nói dóc *một tấc lên đến trời?*” một người bạn nào đó lên tiếng phản đối.

“Giỏi là ở chỗ đó. Nó vẽ lại quá khứ và *phịa* y như có thật, khiến cho một đồng văn thi sĩ bên California tin tưởng, kính phục, và ngưỡng mộ. Mấy ai làm được như nó?”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Năm, 2025

Người Yêu Hoa Đồng Nội

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Buổi chiều tháng Bảy Houston nóng dễ sợ. Mặc dù mặt trời đã chênh chếch về tây, nhiệt độ ngoài trời vẫn xuýt soát 100° F (khoảng 38° C), và độ ẩm trong không khí càng lúc càng tăng lên khiến da người dường như rịn rít mồ hôi. Với gần ba chục người lớn, ngôi nhà khá lớn của Điền bạn tôi trở nên chật chội. Họ là những người tham dự cuộc “Hội ngộ 40 Năm Khóa 1958-1965” của cựu học sinh trường trung học Ban Mê Thuật (“BMT”), hôm nay là buổi họp mặt cuối cùng. “Khóa 1958-1965” bao gồm các học sinh bắt đầu đệ thất (lớp 6) năm 1958 như Điền, hay vào học nửa chừng và ra trường năm 1965 như tôi. (Mới ngày nào tôi là cựu học sinh trung học nghịch ngợm phá phách, nay đã 40 năm đi qua.)

Trong tuần qua, đang lúc tôi dự phiên họp của một ủy ban kỹ thuật điện tại khu thương xá hạng sang Galleria của Houston, các bạn đồng khóa đi *cruise* (đi chơi tàu biển). Trở lại Houston, họ tụ họp lần cuối trước khi chia tay, và tôi may mắn được dịp dự buổi họp mặt này. Trước đây, tôi đã quyết định không đi *cruise* của cuộc hội ngộ. Vì nếu đi thì phải đi với Quỳnh Châu, nhưng chúng tôi không thể cùng bỏ đi hơn một tuần lễ vì công việc của cả hai đều bề bộn, và ở nhà còn hai đứa con đang học trung học là Ân và Diễm Lệ.

Hơn nữa, tôi không thấy đi *cruise* thú vị. Trên chiếc tàu biển xa hoa, người ta cung cấp đủ thứ sơn hào hải vị cho khách ăn uống thả giàn, nhưng tôi gần vào tuổi lục tuần đang cố ăn uống kiêng khem để giữ mức *cholesterol* trong máu khỏi lên cao. Khách được tha hồ uống rượu, thứ rượu mất tiền nào cũng có, nhưng tôi đã chừa bia rượu hơn 20 năm nay. Trên tàu còn có nhiều sòng bài để khách tha hồ vui thú đỏ đen, nhưng bài bạc lại là món tối kỵ của tôi. Ngoài ra, nghĩ đến chuyện đi *cruise* không thôi cũng đủ gợi lại mảng ký ức hãi hùng của cuộc di tản năm 1975: Trong ba tuần lễ, gia đình tôi chen chúc với rất nhiều người trên tàu đi xuyên qua một nửa Thái bình dương, đói rã ruột vì không có đồ ăn, đau lòng vì vừa mất quê hương yêu dấu, và lo âu không biết ngày mai mình ra sao.

Tôi vui mừng gặp lại ba người bạn thân nhất của hai năm trung học BMT là Điền và hai cô bạn Kiếm và Thiên Du. Niên khóa 1964-65, bốn đứa học lớp đệ nhất (lớp 12) đầu tiên của trường nên, so với tất cả học sinh trường trung học BMT từ ngày thành lập năm 1956, chúng tôi đích thực là trưởng tràng. Tôi chưa bao giờ gặp mặt hơn một nửa số đàn ông ngồi quanh hai chiếc bàn dài. Họ vào trường cùng một lượt với Điền nhưng sau đó bỏ dở việc học và đi lính, trong khi đến năm 1963 tôi mới vào trường học đệ nhị (lớp 11). Họ chơi với Điền từ thuở bé trong khu Trần Hưng Đạo, xóm của người Bắc di cư nằm dưới thung lũng về phía đông nam của Ngã Năm trung tâm thành phố. Trong số này, Duật có dáng người cao lớn, nét mặt trầm tĩnh, và giọng nói chậm rãi, nhưng không mấy khiêm tốn. Khi được giới thiệu với tôi, anh kênh kiệu khoe khoang,

“Tên ‘Duật’ của tôi không mấy người có. Trong lịch sử có Trần Nhật Duật là con trai thứ sáu của Trần Thái Tông, vị vua đầu tiên của nhà Trần. Ông là một danh tướng và có thời làm đến chức tể tướng đời nhà Trần.”

“‘Duật’ danh từ Hán-Việt là con cò,” tôi ngắt lời Duật vì đã nghe Điền than phiền nhiều lần về thói thích lên mặt ta đây và khoe điều gì mình cũng biết của anh, “Như trong thành ngữ ‘*Bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi*’ nghĩa là ngao cò tranh nhau, ngư ông được lợi. Con cò là hình ảnh quen thuộc của nông dân nghèo ở miền Bắc; ai cũng biết câu ca dao,

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao . . .”*

Nhân cơ hội, Điền mắng Duật không thương tiếc,

“Mẹ kiếp, con cò ngoài ruộng lại dám sánh với Trần Nhật Duật! Có khác gì đom đóm sánh với mặt trời?”

“Tao chỉ giảng tên tao cho *Ba Hoa* hiểu thôi,” Duật ú ớ.

“Chơi với mày từ ngày còn ở trường tắm mưa, tao lạ gì cái tính bốc phét của mày. Đi lính lên tới đại úy mà chưa bao giờ thấy thằng Việt Cộng, mày có đếch gì mà khoe khoang?” Điền đắc ý cười khà khà.

Duật ngượng ngập một giây, nhưng lấy lại bình tĩnh và chống chế,

“Tao không phải đi hành quân đánh giặc vì quân đội thấy tao giỏi dùng trí óc và phục vụ hữu hiệu hơn trong nhiệm vụ không tác chiến. Thí dụ, tao từng làm sĩ quan tùy viên cho Tướng Lạc tư lệnh Vùng II Chiến thuật.”

“Chứ không phải vì mày giỏi bợ đỡ đĩ đóm nên được cho làm lính kiểng ở văn phòng à? À, mày xách cặp theo hầu ông tướng mê gái đó! Có phải đi kiếm *ghế* đưa về cho ông ta *quần* không?” Điền cười hề hề.

“Có phải Tướng Lạc vốn dòng dõi vương triều, nổi tiếng có máu nghệ sĩ, và lấy ca sĩ Miên Hảo làm vợ bé? Ngày đó, tao đặt tên cho ông ta là ‘*người yêu hoa đồng nội*,’” tôi cười góp với Điền và kể lại chuyện xưa.

* * *

Kỳ nghỉ hè năm 1967, tôi về thăm nhà ở Tuy Hòa sau hơn một năm sóng gió ở Sài gòn. Ban đầu, mọi sự dường như tốt đẹp: Tôi thi đậu vào trường Cao đẳng Điện học, được cấp học bổng Colombo đi du học Gia Nã Đại, được gửi đi học Anh văn toàn thời gian tại hội Việt Mỹ để chuẩn bị du học, và vẫn giữ chân sinh viên trường Điện. Thế rồi, ngày tôi chuẩn bị lên đường xuất ngoại cũng là ngày nhà Du học báo tin học bổng bị thu hồi, và cuối năm ở trường tôi bị giáo sư *trù*, bắt ở lại lớp. Tôi về nhà với tinh thần dã dượi, ý chí bầm giập, và hy vọng tiêu tan. Cha chửi mắng, “*Mi* không xứng đáng làm con *tau*.”

Đây là lần đầu tiên tôi đến Tuy Hòa vì cha được bổ nhiệm vào chức vụ cầm đầu tỉnh kiêm chỉ huy tiểu khu Phú Yên đầu năm 1966, lúc tôi đã về Sài gòn học. Thành phố hoàn toàn xa lạ đối với tôi, và ngoài gia đình, tôi chỉ có bác Sáu tài xế để chuyện trò. Sang em kể tôi đang học đệ nhị (lớp 11) trường trung học Nguyễn Huệ, học không giỏi nhưng phá phách thì không ai bằng, và hay đem “tiếng Nẫu” là thổ âm của vùng Bình Định - Phú Yên ra chế giễu.

Một hôm tôi theo Sang đến nhà Tứ Diễm, cô bạn học của nó và con đầu lòng của một gia đình thương gia giàu có quen thân với cha. Nàng có tiếng đẹp và hát hay, thường trình diễn trong

những buổi văn nghệ của thành phố, và mỗi khi cha mở dạ tiệc, được mời đến dự và hát giúp vui. Ba má nàng niềm nở chào hỏi rồi mời tôi lên lầu ngồi ngoài bao lơn nói chuyện với nàng. Từ đó, mặc dù biết nàng đang có đôi ba người đàn ông theo đuổi và ngờ ý muốn cưới làm vợ, tôi lì mặt đến chơi với nàng mỗi tối vì nếu không cũng không biết đi đâu. Một hôm, bác Sáu tiết lộ,

“Má con Diễm rao khắp phố Tuy Hòa là anh sắp cưới *nẫu*. Lờn đồn tới tai ‘ông già,’ *ổng* không nói gì, nhưng *tui* biết *ổng* bằng lòng rồi đó.”

Thực sự, tôi và Tứ Diễm chưa hề tỏ tình ý với nhau. Vả lại, một sinh viên 19 tuổi, vừa lên năm thứ hai đại học sau những thất bại ê chề, và đứng trước tương lai bất trắc của xã hội chiến tranh như tôi làm sao dám nghĩ tới chuyện lập gia thất?

Bác Sáu hay kể chuyện Tướng Lạc, thượng cấp trực tiếp của cha. Vị tư lệnh Quân đoàn II bản doanh đặt tại Pleiku, kiêm tư lệnh Quân khu II bản doanh đặt tại Nha Trang, có tiếng tham nhũng và sống xa hoa. Ông bay trực thăng từ Pleiku xuống Tuy Hòa kinh lý đều đều và thích ở lại đêm để vui vầy với gái làng chơi, mặc dù hôm sau cô vợ bé Miên Hảo sẽ bay từ Sài Gòn ra gặp ông. (Hai người chưa công khai sống với nhau.)

Khốn nỗi, ông tướng có tính “bình dân” nên, thay vì gọi kiệu nữ về dinh thất và kín đáo hưởng lạc, nhất định thân chinh vào xóm bình khang nằm giường tre chiếu cói để thông cảm với nỗi lòng chị em ta. Mỗi chuyến tìm hoa của ông là một ác mộng cho lực lượng an ninh của tỉnh: Để bảo vệ ngài tư lệnh, địa phương quân và cảnh sát chìm nổi phải chặn các đầu đường đưa tới Ngã Năm trung tâm thành phố và cô lập thị xã, nội bắt xuất ngoại bắt nhập.

Tướng Lạc mê Miên Hảo, bỏ bê bà vợ lớn và bốn đứa con, và lờ đi bốn phận cấp dưỡng gia đình. Có nhiều tháng bà vợ phải đến nhà các sĩ quan từng làm việc dưới quyền ông “mượn” tiền để nuôi con sống qua ngày. Chuyện cô ca sĩ lọt vào mắt xanh của ngài tư lệnh được nhà nhạc sĩ người ta ngỡ từng là người yêu của cô sáng tác bài hát “Hoa Mắc Cỡ” than van,

Có ông vua trẻ xuất binh qua rừng đẹp quân xâm lấn.

Khi vua kéo quân về tình cờ gặp một giai nhân.

Vua xao xuyến tâm hồn với nàng về chốn hoàng cung.

Truyền cho khắp nhân gian đem lụa là đến cho nàng.

Nhờ Tứ Diễm, mùa hè của tôi qua mau, và sắp đến ngày tôi trở lại Sài Gòn gặp lại bạn bè sau hai tháng xa cách. Một tuần trước khi tôi lên đường, bác Sáu tiết lộ,

“Cuối tuần tới, ‘ông già’ sẽ mở dạ tiệc lớn trước khi anh đi.”

“Làm sao có chuyện đó?” tôi không tin; cha có bao giờ quan tâm đến tôi đến mức ấy.

“Không phải để tiễn đưa anh mà để đón tiếp Tướng Lạc trên quân đoàn xuống, và chào mừng vợ nhỏ của *nẫu* từ Sài Gòn ra.”

Tôi từng chứng kiến cảnh bảo vệ an ninh cho Tướng Lạc khi ông xuống xóm nên cười hỉnh,

“May là tôi không phải gặp mặt thẳng cha *cà chớn* đó.”

“*Sức mẩy* anh tránh được *nẫu*! Con Diễm bị ‘ông già’ kêu xuống hát giúp vui và dự dạ tiệc khiêu vũ,” bác Sáu cười chum chim.

“Tối đó tôi sẽ ra quán uống cà-phê, không gặp Diễm một bữa cũng chẳng chết thẳng Tây nào,” tôi tưởng dạ tiệc không liên quan đến mình.

“Anh chạy Trời không khỏi nắng đâu. ‘Ông già’ mời cả ba má con Diễm và tính sẽ giới thiệu *nấu* là con dâu tương lai với ông tướng và quan khách. Anh với *nấu* coi *dzậy* mà đẹp đôi quá *chớ*,” bác cười hóm hỉnh.

Tôi không ngạc nhiên khi biết điều này. Cha là vậy, chỉ biết làm theo ý mình và những điều thuận lợi cho mình, và không bao giờ đếm xỉa tới ý kiến của con cái. Vấn đề là làm sao tôi thoát khỏi mối ràng buộc hôn nhân không mong muốn này.

Trong bữa cơm tối, mẹ và anh em tôi ngồi quanh chiếc bàn tròn lớn dưới nhà bếp (cha ăn cơm một mình ở nhà trên), và tôi lớn tiếng ca ngợi giọng ca thiên phú khàn đục, hấp dẫn, và ướt át của Miên Hảo với Sang. Các *bản ruột* của cô là “Mảnh Tình Thương” của Mạnh Giác, “Quen Nhau Trên Đường Về” của Thăng Long, và “Không Bao Giờ Ngăn Cách” và “Chân Trời Tím” của Trần Thiện Thanh. Rồi tôi nói cà rỡn về Tướng Lạc và thói *yêu hoa đồng nội* của ông. Bỗng tôi kéo tay Sang, vờ lăm lét nhìn mẹ ngồi đối diện, và hạ thấp giọng,

“Kỳ này về Sài gòn tao sẽ có chuyện *hết sảy* kể cho tụi bạn Đại học xá [Minh Mạng] nghe; tụi *hắn* sẽ phục lác mắt luôn.”

“Chuyện *chi rứa*?” Sang hỏi ngay.

“*Hay vô số!* Tối thứ Bảy dự dạ tiệc của cha, tao đợi đến khi ông tướng ngồi cạnh cô Miên Hảo rồi tới gần làm bộ gọi chuyện và hỏi, ‘*Răng* bác đi chơi dĩ đồng quê mà bắt mấy ông lính và mấy ông cảnh sát gác đường cả đêm, *tội họ rứa*?’ Mà thấy có đã đời không?”

Sang vô tình tưởng thật và ngây thơ hỏi lại,

“Anh dám làm *rứa hử*?”

“Tao *sợ lện chi ai* mà không dám, anh mày *chớ* bộ cúrt sao? Cùng lăm cha *đập* một trận rồi tống cổ về Sài gòn là *huề tiền*.”

“Hai anh em *mi* tính chuyện phá làng phá xóm *chi* đó?” mẹ lên tiếng nạt; tôi biết mẹ đã nghe trọn “dự tính” của tôi.

“Đâu có, tụi con nói chuyện *âm dục dục dàng* [âm nhạc nhịp nhàng] của cô Miên Hảo thôi,” tôi vờ giỡn rồi lảng qua chuyện khác.

Ăn xong tôi lặng lẽ về phòng thu dọn hành lý. Vì sáng hôm sau được lệnh cha biểu phải về Sài gòn ngay,

“Cho kịp ngày nhập học, ở đây *mi* ăn xong đi chơi luông tuồng hư người.”

Về Sài gòn, đêm đầu tiên ra Ngã Sáu Chợ Lớn ngồi lề đường uống cà-phê và bàn tán chuyện đời với tụi bạn, tôi bị cười nhạo,

“Mày là thằng khờ số một trên đời. *Ghế* đẹp như tiên nga, gia đình giàu xụ, và mỡ dăng miệng mè. Vậy mà đang tâm *bỏ của chạy lấy người*!”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 25 tháng Sáu, 2025

Người Bạn Khác Tánh

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sau khi tốt nghiệp trường kỹ sư, ghi danh học tiến sĩ kỹ sư tại Đại học Khoa học Sài Gòn, và làm giảng viên phòng thí nghiệm vật lý Đại học Y khoa Minh Đức, tôi bắt đầu chơi thân và gần gũi với Ngân hơn. Ngân người Bắc quê ở Lạng Sơn, lớn hơn tôi bốn, năm tuổi, đậu Cử nhân Hóa học tại Đại học Khoa học, và mở trường dạy luyện thi tú tài và thi tuyển vào các đại học chuyên khoa. Trong thời gian này, tôi bỏ nhà *đi bụi đời, cù bơ cù bất* không cửa không nhà, và mỗi tối đến nhà Ngân tụ họp với đám bạn chàng để khóa lấp nỗi trống trải của những ngày lang bạt. Bạn tôi ở trường kỹ sư hầu hết về tỉnh làm việc, vài người còn ở Sài Gòn làm khác ngành nên tôi ít có dịp gặp.

Nhà Ngân nằm trong một ngõ hẻm lớn trên đường Trần Quốc Toản, bên kia đường là khuôn viên đồ sộ của trường Quốc gia Hành chính (QGHC). Ngân có tiếng dễ tánh và quý bạn, nhưng nhiều anh đến chơi hằng đêm cốt để ngắm nghé hai cô em gái xinh đẹp, học giỏi, và lễ phép dịu dàng của chàng. Cô em kể là “cái Nga,” tức là Tuyết Nga, đang học năm cuối ban đốc sự QGHC và năm tới sẽ làm *ông nợ bà kia*. Điều này khiến bọn con trai nể nang và ít khi dám nói cười chót nhả với nàng. Chúng chỉ dám bạo miệng *buông lời ong bướm* với “cái Yên,” tức là Thúy Yên em nàng, học năm thứ hai Đại học Văn khoa.

Tôi đến nhà Ngân và đi chơi với chàng thường xuyên, nhưng tuyệt nhiên chẳng có ý tứ với hai cô em. Bằng một mối tình câm, tôi đã gửi trọn trái tim cho Quỳnh Châu, nàng đang du học bên kia bờ Thái bình dương xa vời vợi. Hai thằng thân nhau, mặc dù tánh ý khác nhau: Tôi lúc nào cũng hấp ta hấp tấp, *lật đật như sa vật ống vại*, và *són sớ són sác như gà mắc đẻ*, trong lúc Ngân xuề xòa, ăn nói chậm rãi từ tốn, và ít khi quan tâm tới vấn đề giờ giấc hay đúng hẹn. Do đó, tôi đâm ra có thói quen lẩn lút cằn nhằn bạn và đôi khi kể chuyện khôi hài chê bai tánh *lè phè* của chàng,

Có một bà đau bụng đẻ nhờ Ngân đi mời bà mụ đỡ đẻ. Khi chàng trở về cùng với bà mụ, đưa con đã biết đi biết chạy.

Thỉnh thoảng tôi gặp người bạn học cùng lớp với Ngân tại Đại học Khoa học là Lưu Quang Nhã, anh đến *trồng cây si* cô “chuẩn đốc sự” Tuyết Nga da dẻ trắng ngần và giọng nói thanh tao. Lớn hơn tôi đôi ba tuổi, dáng người cao lớn và thô kệch, và mặt mũi đen đúa, anh là người Việt gốc Hoa quê ở Cần Thơ, làm giảng viên phòng thí nghiệm hóa học Đại học Khoa học, và nổi danh là dịch giả duy nhất dịch tiểu thuyết của nhà văn Đài Loan Quỳnh Dao sang Việt ngữ.

Quỳnh Dao tên thật là Trần Triết, sinh năm 1938 tại Thành Đô, Tứ Xuyên ở Trung hoa. Năm 1949, khi Hoa Lục bị Trung Cộng chiếm trọn, cô theo cha mẹ di cư ra Đài Loan. Sau khi tốt nghiệp trung học, cô thi vào đại học chuyên khoa hai lần và trượt cả hai. Chính sự thất bại này đã thúc đẩy cô chú tâm vào việc sáng tác và phát triển văn tài dường như bị nền giáo dục thông thường đè nén. Năm 1964, cô bắt đầu viết và xuất bản tiểu thuyết tình cảm lãng mạn như *Song Ngoại, Thổ Ty Hoa* (hay *Cánh Hoa Chùm Gửi*), *Hải Âu Phi Xứ*, và *Mùa Thu Lá Bay*.

Tôi thích thú đọc tác phẩm của Quỳnh Dao qua bản dịch Việt ngữ trong sáng và trôi chảy của Nhã đăng từng kỳ trên báo hằng ngày. Tuy nhiên, tôi đồng ý với nhận xét của anh,

Ở Trung hoa [Dân quốc], Quỳnh Dao không phải là nhà một văn lớn. Theo tôi, cô có lối viết “mềm,” dễ gây xúc động cho người đọc. Cô luôn cho tràn ngập trong truyện tình thương giữa người với người. Tuy nhiên, chúng ta không nên đòi hỏi hay chờ đợi giá trị văn chương cao trong truyện Quỳnh Dao. Là một dịch giả dịch truyện Quỳnh Dao qua tiếng Việt nhiều nhất, tôi có thể khẳng định tiểu thuyết của cô không có điều đó.

Sau hai năm học ở Đại học Khoa học, tôi được vị giáo sư bảo trợ luận án tin tưởng và nhờ lên giảng đường dạy thay khi ông bận việc, trở thành giảng viên không lương của trường đại học, và được Nhã một mực kính nể. (Anh chỉ được chỉ dẫn sinh viên làm thí nghiệm trong phòng thí nghiệm.) Một tối đứng tán dóc ở sân trước của nhà Ngân, tôi buột miệng khen Nhã với giọng kẻ cả,

“Mày dịch truyện Quỳnh Giao hay tối trời mà sao người ngợm trông xấu xí quá cỡ thợ mộc vậy?”

Trong khi Ngân chép miệng lắc đầu, “Thằng khỉ Ba Hoa có lối ăn nói thật ngang xương ngạo đời,” các bạn khác sửng sờ vì câu nói đùa tôi đỉnh ninh là vô hại. Nhã biến sắc mặt khi Tuyết Nga, như thể đã nghe thấy hay đã biết trước tôi sẽ nói câu ấy, bước ra vin nhẹ vào tay tôi cười nũng nịu,

“Anh hứa viết luận văn tốt nghiệp giúp em, hôm nay giáo sư giục em nộp đề tài mà anh chưa rục rịch gì cả.”

Ở trường QGHC, khi thi mãn khóa đốc sự, ngoài bài thi về các môn học, sinh viên phải nộp luận văn tốt nghiệp về một đề tài được chấp thuận. Cô gái Bắc kỳ khôn khéo chụp lấy cơ hội này để từ chối mối tình si của Nhã bằng cách khiến anh nghĩ tôi là ý trung nhân của nàng. Đồng thời, nàng nhắc tôi về việc giúp viết luận văn mà tôi không nhớ đã *ba hoa xích đế* hứa ầu vào lúc nào. Trong tình thế ấy, tôi chỉ có mỗi một cách xử trí: đóng vai người yêu của người đẹp và nở nụ cười sung sướng, cứ như là thật,

“Đề tài luận văn có rồi; mấy hôm nay anh bận cho sinh viên thi cuối năm nên chưa đưa cho Nga đó thôi.”

Tôi nghĩ ngay đến chuyến đưa sinh viên trường Điện đi thăm nhà máy nước Thủ Đức của Sài Gòn Thủy cục (“SGTC”) hai tuần trước. Lúc này tôi đã về trường mẹ (nay là “Ngành Điện” của Đại học Kỹ thuật thuộc viện Đại học Bách khoa Thủ Đức) ôm thêm một chức vụ giảng huấn chính thức. Để chuẩn bị cho chuyến “du khảo,” tôi vào kho lưu trữ tài liệu của trường lục tìm phúc trình tập sự hè của hai người bạn học cùng lớp với tôi ngày trước. Họ đã tập sự ở SGTC trong một tháng hè cuối năm đệ tam niên và viết phúc trình đầy đủ và nghiêm túc; phúc trình được chấm điểm giống như một môn học trong chương trình kỹ sư. Trong chuyến “du khảo” gần trọn ngày, thầy trò chúng tôi được vị phụ tá giám đốc và ba, bốn nhân viên SGTC tiếp đón, hướng dẫn đi quan sát nhà máy, và thuyết trình cặn kẽ và cung cấp tài liệu mới nhất về hoạt động của cơ quan. Do đó, tôi có đủ chất liệu về SGTC có thể dùng để viết luận văn tốt nghiệp QGHC.

Sau khi giáo sư hướng dẫn của Tuyết Nga chấp thuận đề tài “Sài gòn Thủy cục: Nước Trong Lành cho Dân chúng Đô thành,” tôi để ra ba ngày lên Văn khố Quốc gia trên đường Gia Long, xuất trình chứng minh thư giảng viên Đại học Bách khoa Thủ Đức, và xin sao lục mọi văn kiện hành chánh thiết lập hệ thống cung cấp nước cho Sài gòn - Chợ Lớn từ năm 1862 (khởi đầu nền hành chánh thuộc địa của Pháp tại Nam kỳ), thành lập Công ty Điện Nước Đông dương hay CEE (Compagnie des Eaux et d'Electricité de l'Indochine) vào đầu thế kỷ thứ 20, và lập ra SGTC vào cuối tháng Mười Một năm 1959 của Việt nam Cộng hòa.

Có nhiệm vụ cung cấp nước cho Đô thành Sài gòn và vùng phụ cận, SGTC là cơ quan tự trị về mặt hành chánh và tài chánh và có tư cách pháp nhân. Hội đồng quản trị với tổng trưởng bộ Công chánh làm chủ tịch hoạch định chính sách và đường lối, và giám đốc và các phụ tá giám đốc đảm nhiệm việc điều hành SGTC. Công ty Hydrotechnic Corporation của Hoa kỳ thiết kế và thực hiện dự án xây dựng nhà máy nước Thủ Đức lấy nước sông Đồng Nai đem về lọc sạch và khử trùng trước khi đưa vào hệ thống cung cấp nước cho hơn ba triệu dân vùng đô thị Sài gòn. Năm 1966, lần đầu tiên trong lịch sử, dân Sài gòn có thể yên tâm mở vòi lấy nước uống ngay và không sợ bị bệnh. Giống như ở Hoa kỳ và các nước văn minh khác.

Dùng những văn kiện hành chánh tìm được, phần lớn bằng tiếng Pháp và một số bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tôi thức trắng ba đêm viết ba chương mở đầu của luận văn. Tôi để thêm bốn đêm nữa viết phần còn lại dựa theo phúc trình thực tập của bạn tôi và các tài liệu đã được cập nhật hóa. Khi giao bản thảo cho Tuyết Nga, tôi không khỏi tự chế giễu,

“Phải công nhận anh giỏi thiệt . . .”

“Dĩ nhiên, anh *Ba Hoa* của em lúc nào mà *chả* giỏi,” nàng cười thật tươi.

“Khốn nỗi anh chỉ giỏi làm chuyện bao đồng!” tôi cũng cười, nhưng không biểu đồng tình.

* * *

Cuối năm 1973, tôi đóng bộ làm phù rể cho Ngân; đám cưới cử hành trong vòng gia đình và bà con thân thuộc. Sau đó, tôn trọng sự riêng tư của bạn, tôi không thường ghé lại nhà tán gẫu và vui đùa như trước. Tôi nghe tin Tuyết Nga và Thúy Yên lần lượt lập gia đình; hai chú rể thuộc hai gia đình thân thiết với gia đình Ngân từ thuở ngoài Lạng Sơn.

Trinh vợ Ngân làm việc cho văn phòng tùy viên quân sự của tòa Đại sứ Hoa kỳ đặt trong căn cứ Tân Sơn Nhứt nên đầu tháng Tư năm 1975, cả hai đại gia đình của Ngân và Trinh được di tản bằng máy bay bay thẳng sang đảo Guam và đến trại tỵ nạn Trại Pendleton ở nam California. Cuối tháng Sáu, vài ngày sau khi đến Trại Pendleton, tôi tình cờ gặp lại Ngân khi chàng đi lấy nước sôi khuấy sữa cho cô con gái đầu lòng mới bốn tháng. Hai thằng bạn thân chưa kịp kể lể hết nỗi niềm tâm sự thì gia đình Ngân được nhà thờ Công giáo bảo trợ ra định cư ở Tustin, California.

Tháng Tám, gia đình tôi lên Bismarck, North Dakota, định cư nơi xứ lạnh. Tôi liên lạc thư từ với Ngân thường xuyên, và theo lời khuyên của chàng, thỉnh thoảng gửi *résumé* (bản tóm lược bối cảnh học hành và làm việc) tìm việc ở nam California. Bốn năm sau, sự tìm kiếm của tôi mang

lại kết quả đầy hứa hẹn: Southern California Edison (SCE) là một công ty điện lực lớn cung cấp điện cho nam California gửi vé máy bay và thuê phòng khách sạn mời tôi xuống trụ sở chính ở Rosemead, California để phỏng vấn cho một chân kỹ sư kế hoạch điện lực. Đúng *nghe của chàng!* Cuộc phỏng vấn diễn tiến tốt đẹp, và cuối tuần tôi về nhà Ngân ở; nơi đây là nơi tụ họp của đám bạn cũ sống trong vùng – giống như thời Sài Gòn. Trong khi hàn huyên, tôi than thở,

“Thời gian đi qua như chớp mắt, mới ngày nào gặp lại mày trong Trại Pendleton mà đã hơn bốn năm trời. Không chừng khi mình gặp lại lần tới, con gái bốn tuổi của mày đã đi lấy chồng.”

“Tao đã nói với mày – nhiều lần. Vợ chồng con cái mày cứ việc chất hết lên xe ‘xuôi về nam’ sống gần bạn bè như thời Sài Gòn. Ở xứ Mỹ, tao không nghe nói ai chết đói, và chỉ biết có người chết vì lạnh cóng. Mày sống ở North Dakota lạnh buốt xương, định chết già trên đó hay sao?”

Lời của Ngân nghe ra có vẻ hợp lý, và các bạn khác xúm lại mỗi người khuyên một câu. Tôi xiêu lòng và nghĩ tới cách thuyết phục Quỳnh Châu dọn nhà. Trong không tới bốn tiếng đồng hồ từ lúc các bạn ra về đến lúc tôi phải sửa soạn ra phi trường, tôi nằm trần trọc suy tính việc thay đổi chỗ ở và việc làm trong những ngày sắp tới. Bốn giờ sáng Chủ Nhật, Ngân lái xe đưa tôi lên phi trường Quốc tế Los Angeles, chúng tôi bị kẹt xe trên xa lộ Liên bang I-405 hơn hai tiếng đồng hồ, và tôi đến nơi vừa kịp lên máy bay ngay trước khi cửa đóng. Chuyện này nhắc nhở tôi, ở nam California, xe cộ kẹt cứng hàng giờ trên xa lộ hay đường phố vào giờ đi làm, giờ tan sở, hay những lúc bất ngờ nhất là lễ thường của đời sống.

Sáng thứ Hai, tôi gọi điện thoại cho vị giám đốc SCE phỏng vấn tôi, xin rút khỏi danh sách ứng viên, và nếu cần sẽ hoàn lại tiền vé máy bay và tiền phòng khách sạn (nhưng ông nói không cần). Làm sao tôi có thể muốn sống ở một nơi mà mỗi ngày phải phí phạm thì giờ quý báu để đương đầu với nạn kẹt xe, dù nơi đó có nắng ấm và đông bạn bè? Một lần nữa, tôi lại khác Ngân.

Từ Sài Gòn đến Tustin, Ngân một lòng quý mến bạn bè. Một ngày tháng Năm 2025, tôi bật khóc tức tưởi khi được tin chàng lìa đời.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 11 tháng Sáu, 2025

Bỏ Quên Quá Khứ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đầu hè 2005, Quỳnh Châu “tình nguyện” đưa hai đứa con còn ở nhà là Ân 17 tuổi và Diễm Lệ 16 tuổi đi với tôi khi tôi đi họp ở Hoa Thịnh Đốn. Tuy cả nhà cùng đi thăm thủ đô, đây không hẳn là một chuyến nghỉ hè gia đình thường thấy trong xi-nê: Vợ chồng con cái sum vầy vui cười nắm tay nhau đi thăm thú phong cảnh. Chúng tôi sẽ không làm được điều này một phần vì trong tuần tôi phải đi họp và chỉ có thể gặp gia đình vào buổi tối hay trong khoảng thời gian từ trưa thứ Sáu phiên họp kết thúc đến sáng Chủ Nhật chúng tôi ra phi trường Quốc gia Washington Ronald Reagan bay về. Nhưng lý do chính là lời hứa của tôi với các con trước đây.

Ngày trước, tôi giao hẹn với Mạc con trai đầu lòng là khi Mạc tới 16 tuổi, Mạc sẽ được cho lên thành phố lớn và tự do đi chơi một mình. Đến năm đó, tôi đi họp ở Chicago và dẫn Mạc theo. Trong lúc tôi họp, Mạc tự mình đi thăm dò thành phố và chiều về khách sạn cùng với tôi ra phố Tàu trên đường Wentworth ăn tối. Năm ngoái, đến lượt Ân, tôi cũng đi họp ở Chicago và dẫn Ân theo. Mọi việc suôn sẻ tương tự như với Mạc, và tôi và Quỳnh Châu không thấy có điều gì đáng e ngại. Nay đến lượt Diễm Lệ, cô út nhắc lại lời hứa và nhất định,

“Con sẽ đi xem Hoa Thịnh Đốn một mình và tối gặp lại ba má ở khách sạn.”

“Ân cũng muốn đi chơi như Diễm Lệ,” Ân xen vào; các cô cậu Mỹ lứa tuổi choai choai thích độc lập, không muốn bị người lớn câu thúc.

Quỳnh Châu thực sự chới với. Nàng ngó người nhìn tôi và mong tôi sẽ từ chối vì Diễm Lệ là con gái, nàng không muốn cho lang thang không ai che chở ở thành phố lạ. Vả lại, cả nhà đi nghỉ hè, không lý mạnh ai nấy đi mỗi người một ngả? Nhưng tôi không có cách nào khác hơn là gật đầu ưng thuận và không tranh biện như thường làm. Tôi có thói quen cho con cãi tay đôi khi con muốn làm điều gì trái ý tôi hay Quỳnh Châu. Con phải thuyết phục tôi để được phép làm điều mong muốn, và ngược lại nếu thua lý sẽ không được làm. Đặc biệt là Diễm Lệ hầu như luôn luôn đạt phần thắng nên Quỳnh Châu thường than,

“Chồng chiều con nhỏ quá, làm hư nó.”

“Con gái thương cha, con trai thương mẹ,” tôi bào chữa lấy lệ, “Mình chỉ có một cô công chúa mà không chiều sao được.”

Lần này, rõ ràng tôi không thể thắng cô út thông minh và lanh lợi nhất nhà. Thế là chương trình của Quỳnh Châu bị đảo lộn hoàn toàn. Thay vì đưa con đi thăm những địa điểm hay ho có ý nghĩa lịch sử và đáng nhớ nhất của thủ đô, nàng tìm thăm những người quen trong vùng Hoa Thịnh Đốn lâu nay chưa có dịp gặp. Không dè, nhờ vậy mà ai nấy đều *thơ thối hân hoan*: Vợ chồng tôi được rảnh tay thăm viếng người quen như một cặp vợ chồng son và mỗi tối về khách sạn, nghe hai con kể lại những khám phá thú vị về nơi đô hội.

Chiều thứ Sáu, Diễm Lệ và Ân vui mừng hớn hở khi được Quỳnh Châu đồng ý cho xuống phố ăn *pizza* (một loại bánh mì dẹt gốc Ý rất thông dụng), thay vì theo chúng tôi đi ăn nhà hàng với vợ chồng “cậu Ba” là họa sĩ Vũ Trương; cậu là em bà con bên ngoại của Quỳnh Châu mà tôi sẽ gặp

lần đầu. Vũ Trương đón chúng tôi ở khách sạn với chiếc xe Mercedes Benz sang trọng và đưa chúng tôi đến một nhà hàng Việt nam trong phố Hoa Thịnh Đốn.

Nhà họa sĩ lớn hơn tôi sáu, bảy tuổi, dáng người cao lớn, tóc cắt ngắn, và giọng nói từ tốn thực ra là một khoa học gia làm việc cho Tổng nha Hàng không và Không gian Quốc gia (NASA) Hoa kỳ tại Trung tâm Không gian Goddard ở Greenbelt, Maryland cách Hoa Thịnh Đốn khoảng bảy dặm Anh. Hội họa chỉ là nghề tay trái, và ngoài ra, anh còn là một nhà văn viết bài lý luận và phê bình văn học. So với anh, tôi chỉ là một kỹ sư vô danh tiểu tốt. Tôi nhìn anh và thấy ngỡ ngợ,

“Ngày làm luận án tiến sĩ kỹ sư tại Đại học Khoa học Sài gòn, dường như tôi đã gặp cậu dăm bảy lần. Nhưng hồi đó cậu đâu phải tên Trương.” Tôi gọi anh bằng “cậu” và chị (vợ anh) bằng “mợ” là gọi thế cho các con; đúng ra anh chị thuộc vai em Quỳnh Châu.

“Tôi tên là Vũ Hoàng San, ‘Vũ Trương’ chỉ là bút hiệu mà bạn bè văn nghệ quen miệng gọi. Tôi cũng mừng tượng đã gặp anh ở trường Khoa học. Tôi học cao học toán và sửa soạn luận án tiến sĩ đệ tam cấp, bị động viên vào trường Bộ Binh Thủ Đức, và ra trường được biệt phái về dạy học,” anh giải thích.

“Cậu dạy học ở đâu?” tìm được “đồng nghiệp,” tôi hỏi tới.

“Cuối năm 1972, Đại học Cộng đồng Duyên hải mở ở Nha Trang, tôi được bổ nhiệm về dạy toán và làm trưởng phòng Sinh viên vụ, phụ trách sinh hoạt ngoại khóa của sinh viên.”

Đầu thập niên 1970, khi cuộc hòa đàm diễn ra ở Paris, trong lúc Việt Cộng (“VC”) một mực xua quân từ ngoài Bắc vào miền Nam đánh giết và thí mạng, chính phủ Việt Nam Cộng hòa (“VNCH”) ráo riết thực hiện kế hoạch kinh tế hậu chiến để tái thiết quốc gia khi hòa bình tái lập. Về mặt giáo dục, nhằm huấn nghệ quân nhân giải ngũ trở về đời sống dân sự, chính phủ thành lập các trường đại học cộng đồng với sự tham gia đóng góp, xây dựng, và quản trị của địa phương: Đại học Tiền giang ở Mỹ Tho đặt trọng tâm vào nông nghiệp (1971), Đại học Duyên hải (“ĐHĐH”) ở Nha Trang hướng về nông ngư nghiệp (1972), Đại học Quảng Đà ở Đà Nẵng (1974), và Đại học Long Hồ ở Vĩnh Long (chưa hoạt động). Về phía tư nhân, giáo hội Công giáo thành lập Đại học Regina Pacis ở Sài gòn dành cho nữ sinh viên (1973).

ĐHĐH có sứ mạng đào tạo nhân viên trung cấp cho ba tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, và Phú Yên. Niên khóa đầu tiên, trường chưa có cơ sở nên sinh viên học tại viện Hải dương học gần hải cảng Cầu Đá trên vịnh Nha Trang xinh đẹp, văn phòng trường đặt tại góc đường Biệt Thự và đường Lê văn Duyệt, và các phòng thí nghiệm vật lý, hóa học, động vật, thực vật, và địa chất đặt tại khuôn viên văn phòng và viện Hải dương học. Năm sau, trường được cấp khu nhà trên đèo Rù Rì trước là căn cứ Sư đoàn Bạch Mã Đại Hàn, dời trường sở về đó, và có xe buýt chạy từ Nha Trang ra đèo Rù Rì đưa đón sinh viên và nhân viên.

Gia đình San là một gia đình công chức gốc miền Nam và lần lượt thuyền chuyển ra Huế rồi vào Nha Trang. Anh sinh ra và lớn lên ở thành phố dừa xanh cát trắng hiền hòa tôi từng xem là quê nhà thứ hai. Chị San quê ở Thành (thành cổ Diên Khánh được chúa Nguyễn Ánh xây năm 1793) cách Nha Trang chừng 10 cây số về phía tây và nằm bên phải Quốc lộ 1. Nhưng người đàn bà gần lục tuần mà còn mang nét đẹp duyên dáng của thời son trẻ không nói giọng “*đi Nhe Treng eng con ké*” (đi Nha Trang ăn con cá) như dân Khánh Hòa chính hiệu. Trước năm 1975, chị là

giáo sư quốc văn trường Nữ Trung học Huyền Trân (lúc mới mở có tên Nữ Trung học Nha Trang). Tôi nhận “đồng hương,”

“Hồi đó nhà tôi ở ngoài cầu Xóm Bóng và nằm giữa Hòn Chồng ở Đồng Đế và Tháp Bà. Nhưng mỗi lần về thăm Nha Trang, tôi ở nhà ông chú ở số 3 đường Bạch Đằng trong phố để tiện đi chơi với bạn.”

“Có phải chú anh là Đại úy Dần không? Nhà *ổng* nằm xéo bên kia đường nhà ông bà già *tui*. Ông già *tui* cũng là sĩ quan quân đội mình, sau năm 1975 cũng giống như ông Dần đi tù ‘cải tạo’ *mút mùa* ở trại Xuân Phước ngoài Phú Yên,” chị reo nhẹ.

Tôi chợt nhớ ra,

“Nhà ông bà già mợ có mấy cô tóc dài đẹp đẹp hát hay và hay hát, em của mợ phải không? Bây giờ các cô đó ra sao?”

“Ngày anh San bắt đầu làm việc cho viện Đại học Duyên hải, con lớn nhất mới 17. Bây giờ tụi *hắn* đã con cháu đùm đề,” chị San chép miệng.

“Lúc đó tôi mới ngoài ba mươi, nhiệt huyết còn sôi sục, và quyết *đem bạch ốc xây lại lâu đài*,” San xen vào, “Tôi may mắn làm trưởng phòng Sinh viên vụ của một đại học tân lập và toàn quyền định chương trình và hướng đi tương lai của mình.”

Với sự thành lập ĐHĐH, Nha Trang hãnh diện chuyển mình thành một thành phố đại học, và dân chúng mong mỏi những sinh hoạt sinh viên, văn học, và nghệ thuật như ở Sài Gòn, Huế, và Đà Lạt. Để thực hiện hoài bão của mình, San mời văn nghệ sĩ bằng hữu đến sinh hoạt với sinh viên và những người yêu nghệ thuật của thành phố. Sinh hoạt của đại học gồm các cuộc triển lãm tranh, những buổi mạn đàm về văn nghệ và thi ca, và hào hứng nhất là các đêm lửa trại trong khuôn viên ĐHĐH trên đồi Rù Rì. Trong ánh lửa bập bùng, sinh viên hát những ca khúc hướng thượng và quây quần trò chuyện với văn nghệ sĩ được mời tới dự.

Nghĩ đến Tháng Tư Đen, tôi bùi ngùi hỏi San,

“Đầu tháng Tư năm 1975 Nha Trang thất thủ, Việt Cộng vào, cậu mợ đi đâu?”

“Tụi tôi kẹt lại Nha Trang. Vì đã sinh hoạt và tiếp xúc rộng rãi với mọi giới trong thành phố, tôi bị mấy đứa nằm vùng vu cáo làm tay sai dọ thám cho CIA [sở Trung ương Tình Báo Hoa Kỳ]. Bị tập nã ráo riết, tôi trốn chui trốn nhủi hơn một năm rồi vượt biển qua Phi Luật Tân, đành lòng để nhà tôi và hai đứa con ở lại.”

Đầu năm 1977, San rời Nha Trang trên chiếc ghe đánh cá mong manh cùng với bốn bạn đồng hành. Năm người thay phiên nhau lái ghe vượt đại dương nhắm hướng Manila, Phi Luật Tân trực chỉ và liều mạng giao số phận cho Trời vì trong nhóm không ai có kiến thức hay kinh nghiệm hải hành. Họ may mắn đến được Manila sau những ngày vượt biển hãi hùng và là những thuyền nhân đầu tiên đến Phi Luật Tân tỵ nạn sau biến cố đổi đời 1975.

Với đầy đủ giấy tờ chứng minh, San được chấp thuận cho tỵ nạn ở Hoa Kỳ dễ dàng. Anh xoay xở đi học lại tại Đại học Pennsylvania ở Philadelphia, Pennsylvania và lấy bằng Cao học Vật lý Hạt nhân; học tại Đại học George Washington ở Hoa Thịnh Đốn và lấy bằng Tiến sĩ Khoa học về Điện trong Kỹ thuật Không gian; và năm 1980 bắt đầu làm việc cho NASA. Anh làm giấy tờ bảo

lãnh vợ con, nhưng mãi đến mười năm sau ngày anh vượt biển, vợ chồng con cái mới được đoàn tụ. Mười năm dài!

* * *

Khi bữa ăn đi qua quá nửa và San uống đến ly rượu vang thứ hai, anh bắt đầu nói về hoạt động văn nghệ hiện tại của mình. Sau khi gia đình an cư, anh trở lại với đam mê thời trai trẻ là vẽ tranh và viết văn. Trong vùng Hoa Thịnh Đốn, anh có tiếng *chiêu hiền đãi sĩ*; nhà anh tại Woodmore, Maryland cách Hoa Thịnh Đốn chừng 15 dặm về phía tây là chỗ gặp gỡ thường xuyên của một số văn nghệ sĩ sống ở Hoa kỳ cũng như nhiều cây bút từ Việt nam sang. Nhóm người sau là những nhà văn VC danh tiếng được Hà nội cử sang công tác. Họ đến nhà anh để được ăn ở miễn phí và ngoài mặt nói để tìm hiểu và trao đổi ý kiến văn nghệ, nhưng thực ra để tuyên truyền và móc nối với các nhân vật thiên Cộng.

Danh tiếng thích quảng giao của San vang về Việt nam. Trong chuyến về thăm quê nhà gần đây, anh được văn nghệ sĩ VC đón tiếp nồng hậu. Một nhà văn VC nổi tiếng viết một bài rất dài đăng trên số Xuân báo *Sài gòn Tiếp thị* hết lời ca tụng anh và gia đình. Nhà văn này đưa anh về Quảng Nam để xem xét dự án thành lập Đại học Phan Chu Trinh và yêu cầu anh giữ một chức vụ quan trọng của trường đại học, nhưng anh không nhận lời. Tóm lại, anh rất đặc ý vì đã được VC đãi đằng trọng hậu và dự tính,

“Năm tới về hưu, không còn làm việc cho NASA, tôi sẽ đưa nhà tôi về Việt nam sinh sống và vui hưởng tuổi già.”

Chuyện *áo gấm xanh xang về làng* của San khiến tôi đang ăn, nghẹn ngang. Anh đến Hoa kỳ tỵ nạn và thành công vượt bậc trong lãnh vực khoa học. Nhưng rồi anh lại *bỏ quên quá khứ*: Được VNCH nuôi nấng và giáo dục thành tài. Lẩn trốn VC hơn một năm. Vượt biển với bao khó khăn kinh hoàng. Chờ đợi vợ con mười năm đằng đẳng trong lúc họ chịu đói rách khổ sở dưới ách Cộng sản. San đã quên hết tất cả. Tôi đâm ra tự hỏi tại sao mình đến nhà hàng này với vợ chồng anh mà không đi ăn *pizza* với con.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 9 tháng Bảy, 2025

Oan Ơi Ông Địa

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Chiếc Boeing 747 của hãng Hàng không United bay từ Hong Kong tới Sài Gòn từ từ giảm cao độ tiến vào không phận Việt Nam. Tôi nhìn xuống đất, tìm đập rộn ràng khi lần đầu tiên nhìn thấy chín cửa sông Cửu Long chảy ra Đông Hải lấp lánh trong màn đêm do ánh đèn của những ghe thuyền trên sông. Đây cũng là lần đầu tiên tôi về Việt Nam sau gần 30 năm bỏ nước ra đi. Quỳnh Châu về Sài Gòn trước tôi một tuần và tối nay sẽ đón tôi ở phi trường.

Phi cơ hạ cánh ở phi trường Tân Sơn Nhứt khoảng 10 giờ rưỡi đêm. Tôi đi qua khu kiểm soát nhập nội với đầu óc căng thẳng, mặc dù đã sửa soạn cẩn thận để giấy tờ, hành lý, và vật dụng mang theo hoàn toàn theo đúng luật lệ quy định. Anh nhân viên “hải quan” mặt non choẹt mà xấu xí ngồi sau cửa tò vò, cầm tờ thông hành có thị thực nhập cảnh đưa lên đưa xuống, neho mắt như tìm kiếm vật gì, và cuối cùng hỏi xách mé,

“Anh về đây lần ‘đầu tiên’ hả?”

“Đầu tiên” nói lái thành “tiền đâu” là lời đòi tiền hối lộ công khai của mấy anh Việt Cộng (“VC”). Tôi phật lòng vì bị một đứa con nít hỗn xược gọi bằng “anh,” nhưng rán nhịn,

“Dạ, tôi về đây lần đầu tiên, nhưng không có tiền đâu!”

Tôi chuẩn bị tinh thần để bị làm khó dễ hay bị giữ lại phi trường vì không chịu xúi tiền hối lộ (chỉ cần một tờ \$5 hay \$10 gấp lại kẹp vào sổ thông hành), nhưng sau khi xoi mói, anh VC không tìm thấy sai sót bèn vẫy tay cho tôi đi qua khu lấy hành lý. Tôi lắc đầu từ chối các lời mời mọc níu kéo mang giùm hành lý và đề nghị chở về nhà, và lui thủi kéo va-li đi và xách cặp ra ngoài.

Đêm Sài Gòn đầu tháng Giêng dương lịch mát mà ẩm. Người đi đón thân nhân từ ngoại quốc về đứng chen chúc hai bên lối đi được ngăn bằng dây thừng. Như một phản xạ tự nhiên, tôi quỳ phục xuống đất và hôn lên mảnh đất quê hương sau ba thập niên xa xứ. Khi tôi ngẩng đầu lên, Quỳnh Châu đứng bên tôi từ hồi nào. Nàng dắt tay tôi ra chỗ đậu xe hơi, Song và Chí – hai thằng bạn cũ thân thiết nhất – đứng hút thuốc chờ tôi. Ba người đàn ông tóc điểm sương ôm tay nhau cười nói như ba cậu bé. Ôi, làm sao diễn tả được nỗi mừng vui tái ngộ!

Bốn người lên xe hơi của Song, nó đưa cả bọn đến tiệm phở xe trên đường Pasteur. Tiệm đông khách đi ăn đêm, và khách ngồi quanh những chiếc bàn đặt trên lề đường – giống như ngày xưa. Nhưng khi tôi phở được bụng ra, tôi không thể tìm thấy thấy mùi vị “phở Pasteur” ngày xưa. Lèo tèo vài mảnh thịt bò vụn đen thui đen thui, nước dùng đục nhờ nhờ, và thêm một quả trứng gà sống nằm trên mặt. Tôi lấy đũa vớt bánh phở ăn cho có lệ, nói mình ăn trên máy bay còn no. Ngược lại, câu chuyện của tôi và hai thằng bạn càng lúc càng giòn tan, đầy ắp ký ức của năm đầu tiên vào đại học.

Tôi và Song tuổi xuýt soát nhau và học cùng lớp kỹ sư điện, trong khi Chí học lớp kỹ sư công chánh, lớn hơn tôi đến sáu, bảy tuổi, và học chung các môn khoa học cơ bản với tôi và Song.

Lần đầu tiên bỡ ngỡ bước vào giảng đường, tôi bắt gặp nụ cười thân thiện và giọng Huế lai giọng Nam,

“Tao là Song ở Pleiku và thi Tú tài I và Tú tài II ở hội đồng Võ Tánh Nha Trang. Mà đậu thủ khoa cả hai kỳ thi đó, tiếng tăm nổi như cồn; ai mà không biết!”

Song học trung học ở Pleiku và xuống Nha Trang thi tú tài vì Pleiku là tỉnh nhỏ không có hội đồng thi, giống như Ban Mê Thuật của tôi. Nó cao hơn tôi nửa cái đầu, thân hình chắc chắn, và nói năng bạo dạn, không nể sợ ai. Thế là chúng tôi kết bạn, thân thiết nhất đời. Vài ngày sau, tôi lân la làm quen với Chí người Huế, trưởng lớp Công chánh; nó chuyên xin bài giảng của giáo sư rồi thuê in *ronéo* cho bạn trong lớp mua về học. Nó đã học trường Sư phạm Quy Nhơn đào tạo giáo viên, và dạy tiểu học ở Tuy Hòa trước khi thi đậu vào trường Công chánh. Anh nó có một thời làm trưởng ty Công chánh tỉnh Phú Yên và là chỗ quen biết của cha mẹ khi nhà tôi ở Tuy Hòa.

Trong thời gian qua, bao nhiêu cuộc bể dâu đã xảy đến cho ba đứa tôi. Tôi nhất là Song. Ra trường, nó làm việc cho công ty Điện lực Việt nam, được chuyển qua vài nơi trước khi được bổ nhiệm về tỉnh nhà Pleiku làm trưởng ty điện lực. Tháng Ba năm 1975, khi Cao nguyên thất thủ, nó đưa vợ con di tản về Sài gòn. VC vào, nó được “lưu dụng” và cho tiếp tục làm việc. Cuộc sống khắc nghiệt và khốn khó dưới ách Việt Cộng thúc đẩy vợ chồng nó đưa bốn đứa con, hai trai hai gái, đi vượt biên. Chuyển đi bại lộ, ghe bị công an biên phòng đuổi theo bắt được, vợ nó và hai bé gái út chết ngộp dưới khoang ghe, và nó bị bắt giam ở Cà Mau.

Sau hơn một năm ngồi tù, Song được thả. Về Sài gòn bị công ty điện lực (“CTĐL”) đuổi, nó xoay ra làm nghề sửa chữa động cơ điện và máy biến thế tư gia. Dần dần, khuếch trương cơ sở và kêu các bạn đi tù “cải tạo” về tới làm chung và chia xẻ miếng cơm manh áo. Khi công ty đủ lớn, nó phát triển phương cách sản xuất dây điện từ dùng trong dụng cụ điện để cung cấp cho CTĐL và các cơ xưởng kỹ nghệ. Nó trở thành kỹ nghệ gia tăm tiếng, giàu có, và giao du rộng; vài người bạn cũ làm tới chức vụ “trưởng phòng” (tương đương với phó tổng giám đốc ngày trước) trong CTĐL. Lần này, nó đã khẩn khoản mời vợ chồng tôi về đây và hứa đài thọ chi phí (nhưng tôi không nhận).

Chí ra trường làm việc cho nha Kiến thiết thuộc bộ Công chánh, vợ nó là cán sự công chánh làm cùng sở, và sau năm 1975, hai vợ chồng được “lưu dụng” làm việc đến khi về hưu vài năm trước. Nó lớn lối khoe tài “tính bê-tông,” tức là tính toán và thiết kế họa đồ để xin giấy phép xây cất, của mình,

“Ê *Ba Hoa*, nói cho mày biết, mấy cái nhà tao ‘tính bê-tông’ không có cái nào sập, trong lúc nhà mày đứa khác tính thì đổ ụp dài dài.”

Chúng tôi vừa ăn vừa nói chuyện đến sau nửa đêm, Song đưa Chí về nhà trước rồi chở vợ chồng tôi về nhà nó là ngôi nhà khang trang trên đường Lý Chiêu Hoàng trong Quận 6, nơi chúng tôi sẽ tạm trú. Trước khi đi ngủ, nó dặn tôi,

“Cho mày biết, thằng Chí già nhất trong bọn mình. Bình thường, nó đã ăn nói ẩu tả. Uống rượu vô, nó *đổi tông* nói xí xô tiếng Huế rất, không ai biết nó nói gì cả.”

“Hồi đó, trong khi tụi mày về tỉnh làm việc, ở Sài Gòn tao đi nhậu với nó mấy năm dài và quen chịu cái thói ăn nói loạn xạ ngẫu của nó rồi.”

“Ờ, tụi nó nói mày với ‘Thằng Máy Hư’ đi đâu cũng dính lẹo với nhau,” Song cười nửa miệng.

* * *

Ngày đó, Chí ở với gia đình người anh trong Cư xá Đô thành, trong khi tôi ở nhà cha mẹ trong cư xá Sĩ quan Chí Hòa. Mẹ và chị dâu nó hùn vốn kinh doanh trong một công ty chuyên chở hàng hải, và tôi thường đến nhà nó để liên lạc công chuyện cho mẹ. Dần dần tôi chơi thân và hay đi nhậu với nó vì hai thằng đều không còn mấy bạn ở Sài Gòn. Một hôm, không báo trước, nó đến nhà tôi đưa thiệp báo hỷ và nhờ tôi làm phù rể. Cô dâu tương lai là Thanh Dung, con gái bác Luận cũng ở trong cư xá Sĩ quan Chí Hòa. Là một tướng lĩnh bị giáng chức và cho giải ngũ sau biến động chính trị miền Trung giữa thập niên 1960, bác ở cách tôi bốn dãy nhà; mỗi dãy gồm 12 căn xây sát vách với nhau. Tôi nhìn chữ “trường nữ” trên tấm thiệp màu hồng in chữ nổi và thắc mắc,

“Thanh Dung là con gái cả hay con gái lớn nhất nhà?”

“Chỉ mấy thằng *giáo gian* chẻ sợi tóc làm tư như mày mới đưa ra câu hỏi đó! Thanh Dung là con thứ nhì; ông anh cả tên Thảo là bác sĩ quân y mới lấy con gái ông Vinh, một tướng lĩnh cao cấp hiện giữ chức vụ cố vấn tối quan trọng trong dinh Độc lập,” nó hãnh diện khoe.

Tôi tìm cách thối thác,

“Mấy thằng bạn *tra khấn* [già khú đế] của mày đâu mà không biểu làm phù rể? Cái *dzu* mặc đồ lớn thắt *cà-la-hoách* đi đứng vô duyên cả ngày thật *mất sượng*. Có cách nào ‘tha’ cho tao không?”

“Tụi nó đi mất đất cả rồi! Vả lại, ông già vợ biểu kêu mày cho bằng được. Hình như ông già tính nhắm mày cho cô út cưng Thanh Vân đó.”

“Mày nói sao, ông tướng có *mát dây* không?” tôi giật mình la lớn, “Con Vân mới 16 tuổi, là bạn con Bình em tao. Qua nhà tao chơi và thấy tao – thằng giáo sư mặt khó đăm đăm như bị tảo bón kinh niên – nó sợ muốn sồn ra cả quần. Thôi được, tao làm phù rể cho mày với điều kiện mày giữ kín chuyện này, cấm nói cho ai biết. Nếu không, cả Sài Gòn ôm bụng cười tao *thúi đầu*.”

Buổi tối sau ngày đám cưới, tôi ngạc nhiên khi vợ chồng Chí ghé sang nhà tôi; nó không mấy vui,

“Đưa bà xã về thăm nhà rồi không có gì làm nên sang rủ mày đi nghe nhạc.”

“Sau lễ nhị hỷ, tưởng tụi mày về nhà tiếp tục hú hí *chớ*! Đôi uyên ương muốn đi nghe nhạc ở đâu?” tôi ngần ngừ, nhưng cũng nhận lời.

“Tôi thích nghe Lệ Thu hát, đi phòng trà Tự Do đi anh,” Thanh Dung đề nghị.

Phòng trà Tự Do trên đường Tự Do nổi tiếng với lực lượng ca sĩ và ban nhạc hùng hậu, sân khấu tân kỳ với cây cầu gỗ bắc ngang đưa ca sĩ lại gần khán giả, và ánh sáng và âm thanh tạo nên không khí đặc biệt nửa Âu nửa Á. Chí im lặng gọi bia uống *tì tì*, và Thanh Dung mơ màng thưởng thức những bản nhạc trữ tình và hát theo khi Lệ Thu hát bài “Tình Xa” của Trịnh Công Sơn (1939 - 2001),

*Ngày tháng nào đã ra đi khi ta còn ngồi lại
Cuộc tình nào đã ra khơi ta còn mãi nơi đây
Từ người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ
Ôi những dòng sông nhỏ lời hẹn thề là những cơn mưa . . .*

Ba ngày sau đám cưới, em Bình sang nhà bác Luận chơi với Thanh Vân về mách là Thanh Dung vừa dùng dùng xách va-li bỏ nhà chồng về nhà. Sau một tuần, thấy tình trạng không thay đổi và gia đình hai bên vẫn *án binh bất động*, tôi cố gắng đứng ra hòa giải sự bất hòa của vợ chồng Chí. Tôi xen kẽ mời Thanh Dung đi uống cà-phê và nghe nhạc và rủ Chí đi nhậu, ra sức thuyết phục hai người làm lành với nhau.

Tuy nhiên, khi tôi đề cập đến chuyện “*tung cánh chim tìm về tổ ấm*,” cả Chí lẫn Thanh Dung đều không hé môi nói một lời. Không giải thích, không than thở, không hối tiếc, và không oán trách. Tôi đánh bạo khuyên Thanh Dung tham khảo ý kiến anh Thảo bác sĩ, biết đâu sẽ tìm thấy phương pháp trị liệu về mặt dinh dưỡng, tâm lý, hay y học để cứu vãn mái ấm gia đình đang hình thành – nàg nín khe. Tôi nặng lời với Chí rằng phận nam nhi chí chí, phải giữ bốn phận đối với thê nhi; người ta trao thân gửi phận cho mày, nỡ lòng nào ruồng bỏ; và vợ chồng ăn đờ ở kiếp với nhau, sao sớm trở lòng bạc bẽo – nó im thín thít.

Đến một hôm, sau khi đi hết quán nhậu quen, tôi và Chí vào tiệm Đồng Tháp trên đường Cao Thắng gần góc đường Phan Đình Phùng, quán nhậu bán thịt rùa độc nhất Sài gòn. Tôi đem *bốn cữ soạn lại*, và cuối cùng chịu hết nổi, nó la lên,

“Mày cầm mỗ lại cho tao nhờ! Bộ máy con đó hư rồi, làm ăn thế chó nào được mà vợ với chồng?” (Chí bị gọi là “Thằng Máy Hư” từ đó.)

“Tại sao?” tôi hỏi tới.

“Mấy lần tao tính làm chuyện đó, chưa dứt vô mà nó đã la làng kêu đau như bị ai cầm dao thọc vô,” Chí thở ra, như trút đi một gánh nặng.

Cuộc hôn nhân của bạn tôi vậy là *hết thuốc chữa*. Đã đến lúc tôi chấm dứt việc gặp gỡ Thanh Dung vì không còn lý do gì để khuyên giải. Vả lại, mấy thằng bạn nhiều sự đồn đãi tôi tán nàg để hưởng “sái nhị” (sái thuốc phiện hút lần thứ hai) của Chí. Thật *oan ơ ông Địa*!

Gần Giáng sinh, Chí cưới cô cán sự công chánh cỡ tuổi nó và lại kêu tôi làm phù rể. Họ nhà trai chỉ có tôi và *bọ mọ* nó. Lễ cưới và tiệc cưới cử hành tại nhà cô dâu, và tôi được giao nhiệm vụ, “Nếu con Dung tới phá đám, mày liệu cách lừa nó đi chỗ khác giùm tao.”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 23 tháng Bảy, 2025

Một Lời Tạ Lỗi

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày đầu tiên ở Sài Gòn sau ba thập niên xa xứ mang lại cho tôi nhiều thất vọng hơn thích thú. Trong khi Quỳnh Châu đi lo công chuyện một mình, tôi còn buồn ngủ vì *jet lag* (sự chênh lệch giờ sau khi đáp máy bay phản lực), nhưng gượng gượng ra trung tâm thành phố, lang thang trên đường Lê Lợi và Nguyễn Huệ, và mong khám phá lại “Hòn Ngọc Viễn đông” ngày cũ. Ba mươi năm qua, *nơi này vẫn thế*, nhà cửa vẫn như xưa, nhưng không được sửa sang nên trông bệ rạc tồi tàn. Chỉ những bảng hiệu nham nhở của các cửa tiệm tạp nhạp là mới, và người Sài Gòn khác hơn xưa một trời một vực.

Tôi có cảm tưởng như trên trán hay sau lưng mình có ghi nhãn “Việt kiều” vì đi đâu cũng bị đám con nít và người lớn vây quanh, níu kéo, và mời mọc mua thứ này thứ nọ và khi tôi từ chối, mắng mỏ với lời lẽ hỗn hào khó nghe. Nhưng thô bỉ nhất là anh xe ôm chạy xe gắn máy rề rề sau lưng tôi lải nhải,

“Muốn ‘chơi’ không, lên ngồi sau xe *tui* chở đi? Gái đẹp ngon lành *tận mạng*, chỉ 25 đô một cái. Muốn nhỏ tuổi cũng có, 50 đô thôi.”

“Cám ơn. Tôi đã có vợ,” tôi bối rối và ngượng ngập trả lời,

“Có vợ hay không ăn nhằm gì? Làm sao vợ anh biết được mà lo. *Bả* già rồi, làm sao đẹp bằng mấy cô của *tui*?”

Tôi rảo bước bỏ đi để tránh anh ma cô trắng trợn dụ “Việt kiều” đi chơi gái giữa thanh thiên bạch nhật. Tôi thấy mình như lạc bước vào một thế giới khác và tự hỏi chuyển về Việt nam thăm bạn bè này có bỏ công hay không. Cũng may đã gần đến giờ hẹn gặp Quỳnh Châu tại thương xá Tax ở góc đường Lê Lợi và Nguyễn Huệ để cùng tới tiệm ăn đồ biển Ra Khơi ngoài bến Bạch Đằng trên bờ sông Sài Gòn. Tại đó, Song bạn tôi tổ chức họp mặt bạn bè cũ cho tôi gặp lại.

Đến chỗ hẹn, tôi ngạc nhiên thấy Quỳnh Châu tay xách chiếc bị đi chợ lớn đứng nói cười với vợ Song là Hải Quyên; hình như hai cô vừa mua sắm xong. Tôi nói bông lơn,

“Nhân vật quan trọng như chị Quyên mà dám bỏ thì giờ đi phố với *mụ vợ* dễ thương của tôi sao?”

“Tôi bận rộn với công việc ở hãng thật, nhưng Châu kêu tôi đi với *cố* thì việc bằng trời cũng phải bỏ thôi. Anh ở Mỹ lâu không biết *chớ* mấy ông Việt nam họp mặt bạn bè ăn nhậu lúc nào cũng đi một mình, không cho vợ theo. Châu lại muốn tới để biết mặt biết tên bạn anh nên tôi phải đi với *cố* cho có bạn,” Hải Quyên nghiêm nghị trả lời.

Hải Quyên rất bận rộn vì nàng và Song làm chủ công ty sản xuất và cung cấp dây điện từ duy nhất toàn quốc, khách hàng là các công ty điện lực và cơ xưởng kỹ nghệ. Trong khi Song đảm trách phần kỹ thuật, nàng giữ chức vụ tổng giám đốc, điều hành tổng quát, quản trị tài chánh và nhân viên, và điều đình và ký kết hợp đồng mua bán. Trong hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn, vô

trật tự, thiếu luật lệ lộn xộn, và đầy dẫy tham nhũng, vợ chồng Song thành công là cả một phép lạ.

Quãng đời bi thảm của Song bắt đầu vào một ngày hè 1981, vợ chồng nó và bốn đứa con vượt biên bị bắt lại. Vợ nó và hai bé gái út chết ngộp trong khoang ghe, nó bị bắt giam tù. Được thả, nó xoay sang làm nghề sửa chữa động cơ điện và máy biến thế tư gia và phát triển phương cách chế tạo dây điện từ dùng trong dụng cụ điện. Vận đen đổi chiều từ ngày bạn bè tác hợp cho nó và Hải Quỳnh nên đôi vợ chồng. Trước năm 1975 nàng là một giám đốc tài chánh của công ty điện lực, chồng bỏ mình trong những ngày loạn lạc cuối tháng Tư 1975, và cô con gái duy nhất xuyết xoát giữa tuổi hai đứa con trai của Song. Hai tâm hồn cô đơn tìm hạnh phúc bên nhau, con gái Hải Quỳnh có cha che chở, và con trai Song có mẹ săn sóc. Hai vợ chồng nỗ lực làm việc *quyết xoay bachelors lại lâu dài*, tạo nên một công ty kỹ nghệ có tầm vóc quốc tế.

Khi chúng tôi đến nơi, Song và các bạn đã tề tựu đông đủ. Sau màn tay bắt mặt mừng, Hải Quỳnh đưa Quỳnh Châu giới thiệu với từng người bạn tôi. Quỳnh Châu lễ phép hỏi thăm gia đình họ và lấy quà trong bị ra tặng “bà xã anh.” Ban đầu, đám đàn ông nhận quà với một thoáng khinh mạn, họ đã quen mong đợi món quà tặng có giá trị tiền bạc. Nhưng đến khi Quỳnh Châu thăm hỏi đến người cuối cùng, thái độ của bạn tôi thay đổi thấy rõ. Chí, kỹ sư công chánh hồi hưu lớn hơn tôi sáu, bảy tuổi, bước lại ôm tay nàng,

“Ba mươi năm nay, tôi mới được sống lại sự tử tế của người Việt mình qua thái độ ‘*cách cho hơn của đem cho*.’ Bà xã tôi sẽ quý quà tặng của chị như một bảo vật.”

“Dạ không có chi anh. Cho tôi gửi lời thăm chị,” nàng cười thật tươi.

Xong xuôi, Hải Quỳnh cùng Quỳnh Châu ra về, “để cho mấy ông đực rửa tha hồ *ba hoa chích chòe*, rượu vào lời ra.” Chí không để phí một phút, bước lại chỉ mặt tôi,

“Trông mặt mày tướng tá của mày chỉ *làng nhàng bậc trung* mà sao lấy được con vợ lịch sự văn minh như vậy? Mày có nghề hay, sao hồi đó không nói cho anh em biết?”

“Về mặt tình duyên gia đạo, số mày là số con rệp nên đánh đâu thua đó. Đánh trận đầu thì cười nhảm con vợ ‘*máy hư*,’ phải *anh đi đường anh, tôi đường tôi*. Đánh trận thứ nhì cũng bỏ dở mục tiêu, phải rút lui *không kèn không trống*. Tao là đứa bình thường nên lấy vợ đàng hoàng,” tôi không chịu kém.

Không dè, Song đang ngửa miệng; nó cười khà *phang* cả tôi và Chí bằng cách nhại câu thơ của Trần Tế Xương (1870 - 1907),

“*Hai đứa chung nhau một cái đồ*,” và quay quanh giải thích với các bạn khác, “Ai mà không biết hai thằng này tận dụng câu ‘*Ở đời muôn sự của chung, Hơn nhau một tiếng ai dùng mà thôi*.’ với con Tú Diễm ngoài Tuy Hòa?”

“Mày chỉ được tài *có ít xít ra nhiều* để *hại đời tư anh em*,” tôi gắng gượng chống đỡ.

“Ai nói gì thì nói,” Chí cười hì hì vỗ vai tôi, “Miễn mình có thì thôi, *Ba Hoa* ơi.”

Tôi cười như mếu. Lời nói đùa của bạn gợi lại ký ức của một quãng đời xa xưa.

* * *

Cuối hè 1969 tôi tốt nghiệp kỹ sư khi chưa tròn 21 tuổi. Đối với nhiều người, tôi là kẻ tốt phúc. Bởi vì ngoài cái *mác* “trẻ tuổi, đẹp trai, và học giỏi,” tôi được cho là con nhà thần thế – danh từ thời thượng nói là *có gốc lớn*. Cha là một nhân vật cao cấp trong quân đội và đang giữ một chức vụ hành chánh quan trọng. Đám bạn Đại học xá Minh Mạng ca ngợi tôi là kẻ đào hoa. Hình ảnh đẹp như Thẩm Thúy Hằng của Tứ Diễm cùng những bức thư tình đến với tôi hằng tuần khiến lũ bạn thầm ước ao và ganh tị. Phía gia đình nàng, cha mẹ nàng là thương gia giàu có bậc nhất ở vùng duyên hải. Quả là *môn đăng hộ đối*.

Nhưng không ai hiểu được hoàn cảnh của tôi trong lúc này. Niềm vui thành đạt tan biến khá lâu trước khi buổi lễ phát bằng tốt nghiệp chấm dứt. Trong lúc các bạn đồng khóa bận rộn tít tít với thân nhân họ hàng, tôi cuộn tròn tờ văn bằng cầm trên tay và lủi thủi đạp xe về đại học xá. Ngoài mảnh bằng vô tri, tôi chỉ có sự hỗ trợ tinh thần của Tứ Diễm. Và nàng thì ở tận ngoài Tuy Hòa. Chúng tôi quen và yêu nhau từ ba năm qua. Điều này ai cũng biết, kể cả cha. Nhiều lần cha nói gần nói xa cha mẹ nàng là thứ trọc phú – *nouveau riche*, chữ của cha – không xứng đáng làm thông gia với cha.

Ngược lại, mỗi khi có dịp nói chuyện với tôi, cha tỏ ý muốn kết thông gia với một chính trị gia quyền lực tối cao: Cuộc hôn nhân tương lai của tôi sẽ giúp cha tiến xa hơn trên đài danh vọng. Vì thế, khi tôi quyết liệt từ chối không gặp mặt con gái nhà chính trị ấy (nghe đâu nhan sắc không đến nỗi nào), cha nổi trận lôi đình từ bỏ “thằng con bất hiếu bất mục.” Tôi không có lựa chọn nào khác hơn là bỏ nhà *đi bụi đời*. Tôi vật lộn với từng bữa cơm hằng ngày, nhưng vẫn kiên quyết theo đuổi chương trình học kỹ sư nặng ngàn cân. Tình yêu của Tứ Diễm giúp tôi sống còn qua những ngày đói khát, những đêm thức trắng, và những chiều đơn côi.

Nay là một kỹ sư mới toanh, tôi về Tuy Hòa thăm Tứ Diễm với một dự định táo bạo: xin cưới nàng, dù biết cha mẹ nàng sẽ không bằng lòng nếu cha không đứng ra cầu hôn. Chúng tôi cùng nhau dạo chơi khắp phố phường, hân hoan ngập lặn trong tình yêu, và quên hết thời gian và mọi thứ khác trên đời. Và tôi chưa nói được điều dự định: Cứ mỗi lần có dịp mở lời thì nàng vô tình bắt sang chuyện khác. Cho đến buổi sáng cuối cùng tôi ở Tuy Hòa, đưa em trai 16 tuổi của nàng đến khách sạn gặp tôi,

“Chị Diễm nói anh hôm nay đừng đến nhà em.”

“Tại sao vậy?” tôi rất đỗi ngạc nhiên.

“Em không rõ. Hình như anh Thu về thăm *chỉ* và ba má.”

Tôi biết Thu là bác sĩ quân y theo đuổi Tứ Diễm cả năm nay và nghe nói có lần đưa cha mẹ từ Sài Gòn ra xin cưới, nhưng nàng từ chối. Hiển nhiên, sự tình đã đổi thay; sự lựa chọn của nàng dĩ nhiên là hợp lý, nhưng *sao đi mà không bảo gì nhau?*

Về lại Sài Gòn, tôi lao đầu vào việc học và dạy học để tìm quên. Tôi học tiến sĩ kỹ sư toàn thời gian, là giảng viên chính thức của hai trường đại học, làm giáo sư thỉnh giảng ở hai trường đại học khác, và ngoài ra viết sách giáo khoa kỹ thuật điện. Không có cả thì giờ để ngủ, nói chi đến thì giờ để buồn phiền. *Lâu rồi đời mình cũng qua*, vài năm sau rồi cũng người ngoại.

Rồi đến một thời tôi hay đến nhà Chí để liên lạc công chuyện kinh doanh của mẹ với chị dâu nó, và dần dần chơi thân với nó vì tụi bạn cũ của cả hai thằng đã về tỉnh làm việc, không còn mấy đứa ở Sài Gòn. Ngày nó cưới vợ, tôi làm phù rể. Nhưng chỉ ba ngày sau, cô dâu xách va-li về nhà cha mẹ vì – theo lời Chí – “máy hư” không thể làm chuyện vợ chồng. Trong mấy tháng kế tiếp, tôi đứng ra hòa giải cho vợ chồng nó tái hợp nhưng không đến đâu. Tôi rán sức an ủi và chịu trận nghe nó trút nỗi niềm tâm sự. Nó cho biết trước khi thi đậu vào trường Công chánh, nó là giáo viên dạy tiểu học ở Tuy Hòa và từng đến nhà Tứ Diễm của cô hoa khôi trường trung học Nguyễn Huệ. Phải, cô ấy là Tứ Diễm, người yêu đã xa rời của tôi!

Một hôm Chí sung sướng báo tin đã bắt lại nhịp cầu tình ái với Tứ Diễm và ngỏ lời cầu hôn. Nàng nhận lời; chắc hẳn Bác sĩ Thu đã rút lui. Chí liền đưa *bọ mạ* ngoài Huế vào Tuy Hòa làm lễ hỏi. Từ đó, trong những lần đi chơi với tôi, nó hầu như chỉ nói, kể, và khoe về nàng. Nó say sưa lập đi lập lại lời lẽ yêu đương nồng nàn trong những lá thư tình hằng tuần của nàng, những câu nói tôi thấy thật quen thuộc, nhưng rán nén lòng ngậm miệng ừ hử cho qua chuyện. Chí sẽ là người chồng tốt; tôi mong nàng sống hạnh phúc.

Gần Tết, chiều 28 tháng Chạp, Chí rủ tôi đi ăn thịt dê ở cái quán không tên trong ngõ hẻm trên đường Minh Mạng gần Ngã Bảy Chợ Lớn và như thường lệ, kể lể huyền thiên về nàng tiên đáng tôn thờ. Sau khi hai thằng vật ngã hơn chục chai bia “33,” nó ngà ngà say và rút trong túi tờ điện tín màu xanh nhạt đưa ra khoe:

Chúc anh ăn tết vui. Nhớ.

Tứ Diễm đã bộc lộ tình cảm thắm thiết một cách công khai. Nhất là gói ghém bao nhiêu thương yêu trong chữ “nhớ” đơn độc chấm dứt câu chúc tết. Hai thằng say khướt. Chí về nhà tôi ngủ, nhưng không đi ngủ ngay mà ngồi lè nhè tự cao tự đại về tình yêu của nàng dành cho nó; mỗi câu nói là một ngọn roi quất vào mặt tôi. Khi sức chịu đựng đến mức cuối cùng, *tức nước vỡ bờ*, tôi không còn kiểm soát được mình và bất đồ mở tủ lấy tờ điện tín có nội dung y hệt như thế và lẳng lặng gí vào mặt nó.

Sau đó, Chí vẫn rủ tôi đi chơi, nhưng không bao giờ đề cập đến Tứ Diễm. Cho đến ngày nó nhờ tôi làm phù rể lần thứ hai; lần này nó cưới cô cán sự công chánh làm cùng sở.

Xin lỗi Tứ Diễm, trong lúc say rượu, tôi đã làm chuyện không phải đối với em. Xin thề kiếp sau sẽ không tái phạm.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 6 tháng Tám, 2025

Gương Thầy Tôi

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ba thập niên xa cách không đủ dài để bạn cũ của một thời hoa niên sôi nổi trở nên e dè. Một nụ cười cởi mở, một cái bắt tay thật chặt, hay một cú vỗ vai vồn vã đưa chúng tôi trở về màn “đào cốc” của thuở mài đũng quần ở trường kỹ sư, thời truyện kiếm hiệp của Kim Dung giữ một vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần sinh viên Sài gòn. Khi xưa, “đào cốc” là tiếng dùng để chỉ việc bạn bè cãi nhau *loạn xà ngang* cho vui chuyện và bắt nguồn từ sự tích Đào Cốc Lục Tiên trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*. Họ là sáu anh em ruột võ công cao cường nhưng tính tình ngô nghê như con nít, thích gây gỗ, và luôn luôn cãi vã bằng những lý luận không đầu vào đầu nhưng rất khó bắt bẻ.

Sau khi Song lên tiếng mở đầu cuộc họp bạn, cả bọn nhao nhao mỗi người một câu quay mũi giúi tấn công tôi bằng những câu nói giấu cọt đượm tình bằng hữu thiết tha khiến tôi cười mà rưng rưng nước mắt. Bạn tôi ngày nay vẫn thế. Dù phải sống dưới ách Việt Cộng ác nghiệt đối trá, tâm địa được hun đúc trong nền giáo dục nhân bản không thể bị ô nhiễm. Chí, kỹ sư công chánh đã hồi hưu, chỉ tay vào tôi làm bộ xỉ vả,

“Tao biết thằng khỉ này xa xứ 30 năm không làm được nghề ngỗng gì hay ho ngoài chuyện theo đạo ‘Thờ Bà.’”

“Thằng ‘Má Hư’ biết gì mà nói ẩu nói tả, Tây nó cười cho *thúi đầu*,” tôi phản pháo bằng cách nhắc lại chuyện Chí cưới vợ lần đầu nhằm cô vợ “má hư,” không làm được chuyện vợ chồng.

“Ai không biết ở xứ Cờ Hoa của mày, đàn bà là thần là thánh là ngọc trai là hột xoài? Bọn đàn ông con trai khốn khổ phải dựng tran thờ bà, mỗi đêm quỳ hai gối chống hai tay lạy lục cầu khẩn bà ban cho tí tình yêu?” Chí đắc chí cười to.

Tôi ngó dớn dác quay sang hỏi Song,

“Thằng Lộc ở Đà Lạt không về được hay sao mà không thấy?”

“Tao gọi điện thoại kêu nó tuần trước, nó nói sẽ về gặp mày,” Song nói chắc nịch.

“Ê, xe đồ chiều nay trễ nên tao đến chậm một chút. Làm sao bỏ qua dịp gặp lại thằng *Ba Hoa*?” Lộc bước tới ôm chào tôi, dáng nó cao và chắc chắn.

Nói về Lộc, tôi gặp nó trễ một năm. Sau khi đậu Tú tài II, tôi vào đệ nhất niên trường Điện (tên chính thức là Cao đẳng Điện học thuộc Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật ở Phú Thọ, Sài gòn) qua kỳ thi tuyển thông thường, trong khi nó vào đệ nhị niên qua kỳ thi tuyển đặc biệt dành cho các sinh viên có “chứng chỉ” Toán Đại cương hay Toán Lý Hóa tại một trường đại học khoa học để bổ khuyết chỗ của những sinh viên đã rời trường Điện đi du học giữa năm. Lộc vỗ vai tôi,

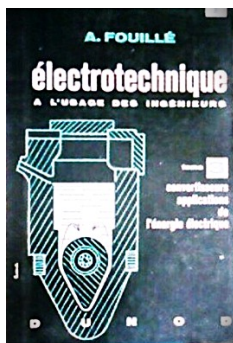
“Kỳ này mày về không gặp ông Yên *thầy ruột* bọn mình. Ông vừa về Pháp tuần trước. Lâu nay ông về hưu, ở nửa năm tại Sài gòn, nửa năm Paris.”

“Tiếc quá! Tao nhớ hồi đó thầy đẹp trai, khiêm tốn hiền lành, tài đức, và hết lòng lo lắng cho sinh viên,” tôi chép miệng.

Lộc nhắc lại về vị giáo sư cũ với các bạn: Năm 1959, sau khi đậu Tiến sĩ Kỹ sư ở Pháp về nước, ông Yên được bổ nhiệm dạy ban Vật lý tại Đại học Khoa học Sài Gòn. Đồng thời, ông được đề cử ra ứng cử dân biểu đơn vị Mỹ Tho là quê ông và đặc cử. Ở tuổi 27, ông là dân biểu trẻ tuổi nhất của Đệ nhất Cộng hòa. Sau đó, vị giáo sư trẻ lần lượt được cử làm giám đốc trường Điện, tổng giám đốc công ty Điện lực Việt nam (“ĐLVN”), và chủ tịch ủy ban Tiềm ích Quốc gia (“UBTIQG”) của bộ Công chánh. Ủy ban có nhiệm vụ giám sát việc điều hành và tính giá của các cơ quan tiềm ích như ĐLVN và Sài Gòn Thủy cục. Sau năm 1975, ông sống ở Sài Gòn vài năm rồi sang Pháp làm chuyên viên khảo cứu cho Điện lực Pháp (Électricité de France) cho đến khi hồi hưu.

* * *

Năm đệ nhất niên, tôi học các môn khoa học cơ bản tại giảng đường trường Công Chánh dưới sự sai sử của ban Khoa học Cơ bản và ít khi về trường mình nên không biết cả tên của ông giám đốc là thầy Yên. Khi tôi lên đệ nhị niên, thầy đã rời chức vụ giám đốc trường để làm tổng giám đốc ĐLVN, nhưng vẫn giữ chân giáo sư và dạy môn điện thuật tổng quát đệ nhị niên. Thầy soạn bài giảng bằng tiếng Việt từ cuốn *Électrotechnique: à l'usage des ingénieurs* (Điện thuật: dùng trong ngành kỹ sư) do André Fouillé biên soạn, cuốn sách rất phổ biến trong các trường kỹ sư công nghệ bên Pháp. Bài giảng trôi chảy và trong sáng của thầy là tài liệu điện thuật bằng tiếng Việt duy nhất trong suốt thời gian tôi học kỹ sư. Nhờ học các danh từ kỹ thuật tiếng Pháp từ tập *cua* này mà trong hai năm đệ tam và đệ tứ niên, chúng tôi không phải đánh vật khó khăn với bộ sách *Électrotechnique* chuyên môn bằng tiếng Pháp gồm bốn cuốn dày cộm của François Cahen. Bộ sách bìa trắng này được dùng tại trường Cao đẳng Điện học Paris, Pháp.



Năm tôi lên đệ tam niên, thầy Yên dạy môn “regulations” (tiếng Pháp là luật lệ), trong đó sinh viên chia thành từng nhóm hai hay ba người, mỗi nhóm được gửi tới một dự án đáng kể của ĐLVN như Trung tâm Phối trí Điện năng ở Thủ Đức, đường dây điện cao thế 66 kV (kilovolt tức là 1,000 volts) vòng đai chạy quanh đô thành Sài Gòn, nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức, v.v. để học hỏi. Hàng tuần các nhóm thay phiên trình bày nghiên cứu của mình. Thầy ngồi dưới lớp với sinh viên và cùng cả lớp chất vấn, giải thích, và bổ khuyết các chi tiết kỹ thuật. Thầy còn phê bình và chỉ bảo cách thuyết trình trước công chúng, dạy những tay mơ chập chững bước vào nghề kỹ sư *học ăn, học nói, học gói, học mở*.

Lộc là kẻ đa tài, giỏi văn nghệ cũng như các bộ môn thể thao. Tôi và nó chơi thân, đi đâu cũng có nhau, và hợp lực tổ chức các cuộc hội hè và sinh hoạt trong trường. Tôi thích nghĩ ra các “mục” mới, nó có khả năng tổ chức, và hai thằng bày đầu làm một số “chuyện” đầu tiên trong

lịch sử sinh viên trường Điện, tạo truyền thống cho các lớp sau noi theo. Thí dụ, cuối năm đệ tam niên, chúng tôi đề nghị chuyển "Du khảo Đa Nhim" để cả lớp đi quan sát công trình điện lực lớn nhất Việt nam là nhà máy thủy điện Đa Nhim và đập nước Đơn Dương nằm ngay dưới chân đèo Ngoạn Mục (thường gọi bằng tên tiếng Pháp Bellevue) và dọc theo Quốc lộ 11 từ Đà Lạt đi Phan Rang.

Để thực hiện dự án này, tôi và Lộc lên trụ sở ĐLVN ở số 12 đường Hồng thập tự, gặp thầy Yên tại văn phòng, và trình bày kế hoạch đã vạch sẵn. Chúng tôi không cần thuyết phục thầy; không những thầy tình nguyện hướng dẫn sinh viên đi du khảo, mà còn xuất quỹ ĐLVN trả chi phí di chuyển bằng máy bay cho cả lớp và giới thiệu chúng tôi đến vài cơ quan khác xin tài trợ.

Chúng tôi bay lên Đà Lạt và từ phi trường Liên Khương, lên xe về viện Đại học Đà Lạt. Giảng đường Thượng Hiền với giường bố và mền mùng nhà binh đặt sẵn là nơi tạm trú của chúng tôi trong suốt chuyến du khảo. Thầy Yên ngủ ở nhà khách Năng Tĩnh cạnh thánh đường và dùng cơm với cha viện trưởng, trong khi sinh viên được phép ăn cơm ở cư xá Bình Minh của nam sinh viên dưới chân đồi trong khuôn viên đại học.

Cha viện trưởng mở cuộc tiếp tân chào mừng thầy trò chúng tôi với sự tham dự của sinh viên từ các ký túc xá của viện. Tôi vừa lắng nghe giúp Trung trưởng lớp và Lộc sắp đặt các công việc cần thiết, vừa viết bài diễn văn cảm tạ để Trung đọc. Thầy Yên đã dặn dò, để tỏ lòng kính trọng cha và cử tọa, Trung phải cầm giấy đọc diễn văn soạn sẵn chứ không được ứng khẩu. Trong buổi tiếp tân, chúng tôi biết thêm thầy là giáo sư thỉnh giảng dạy môn điện từ học cho "chứng chỉ" Điện học của phân khoa Khoa học viện Đại học Đà Lạt. Mỗi năm thầy bay lên hai lần, mỗi lần dạy nguyên cả tuần lễ. Sau đó, phụ giảng tại địa phương đảm nhiệm phần giải bài tập và cho thi cuối năm. Tôi tự hỏi thầy lấy đâu ra thì giờ làm ngần ấy chuyện. (Bốn năm sau, chính tôi lại thế chỗ thầy, giảng dạy môn học đó ở Đà Lạt.)

Sau khi xuống Đa Nhim quan sát nhà máy thủy điện, chúng tôi về lại Đà Lạt viếng thăm Trung tâm Nguyên tử Đà Lạt và ty Điện lực Tuyên Đức rồi kết thúc chương trình du khảo bằng đêm lửa trại với sinh viên các nữ ký túc xá của viện đại học. Đêm sinh hoạt cộng đồng này là biến cố được nhắc nhở, mong chờ, và chuẩn bị kỹ càng nhất. Đối với *dân húi cua* Phú Thọ, đó là cơ hội ngàn năm một thuở để tiếp xúc thân mật với "điện tích trái dấu" là *dân kẹp tóc* Đà Lạt.

Chúng tôi lên đệ tứ niên thì thầy Yên đã chuyển sang bộ Công Chánh làm chủ tịch UBTIQG. Cuối năm, chúng tôi tốt nghiệp Khóa 10 Kỹ sư Điện ngày 13 tháng Tám và gặp khó khăn về vấn đề tìm việc làm. Những khóa trước ra trường, ĐLVN nhận hết – khỏi lo lắng gì cả. Năm nay ĐLVN không gửi văn thư xin tuyển kỹ sư tân khoa như thường lệ, và khi được giám đốc trường là thầy Cần tiếp xúc, cho biết "có thể tuyển dụng một số giới hạn, nhưng số lượng và thời điểm chưa được quyết định." Tình trạng này khiến bọn sinh viên, nhất là mấy đứa đậu hạng thấp, lo đứng lo ngồi. Vài thằng đồ thừa cho số 10 của Khóa là số "bù" và số 13 của ngày tốt nghiệp là số "xui." Chúng tôi cử Trung và Lộc dẫn đầu một nhóm nhỏ đi gặp thầy Yên cầu cứu.

Sau khi nghe học trò cũ than vãn, thầy Yên nhắc điện thoại gọi ngay ông Tiến, tổng giám đốc ĐLVN hiện nhiệm và từng là giáo sư thỉnh giảng của trường Điện. Thầy vừa nói chuyện vừa nhúu mày,

“Anh Tiến à, năm nay học trò mình kẹt quá. Anh rán giúp tụi nó và đồng thời tăng cường khả năng kỹ thuật của công ty. Anh Cần ở trường đã liên lạc với nhiều nơi, nhưng tình hình bi quan lắm tụi nó mới nhờ *tui* năn nỉ anh [. . .] *Tui* biết mà, ngân sách nhân viên đang bị cắt giảm tối đa. Hay là như vậy nè, anh tuyển tụi nó rồi cái đề nghị xin tăng giá điện mà Ủy ban còn ngâm lâu nay, *tui* chấp thuận liền.”

Thầy Yên tiếp tục năn nỉ, *cò kè bớt một thêm hai*,

“Vậ là anh đồng ý nhận một chục, phải không? Ở quê *tui* dưới Mỹ Tho, khi mua bán người ta biểu một chục là mười sáu. Tệ lắm là mười bốn, được không? Hay một chục mười hai vậy. Giá chót đó, anh bằng lòng đi để *tui* báo cho tụi nó mừng. [. . .] *Tui* hiểu rồi, anh Cần phải để các cơ quan bạn tuyển chọn trước rồi sau hết mới gửi danh sách 12 đứa qua Điện lực.”

Về trường, chúng tôi ngồi lại tổng kết tình hình: Trong số 24 thằng tốt nghiệp, Kim “mọt sách” đậu thủ khoa, vừa tốt nghiệp Kỹ sư Điện vừa đậu bằng Cử nhân Toán, được thầy Cần giữ lại trường dạy. Tôi đậu thứ nhì, trở thành ưu tiên số 1 chọn nhiệm sở. Những đứa kế tiếp lần lượt xin làm cho Tổng nha Bưu điện, Nhà máy Xi-măng Hà Tiên, Công quản Hỏa xa, v.v. Rốt cuộc còn 13 đứa chưa nơi nào nhận, ĐLVN hứa 12 chỗ làm. Sẽ có một thằng *đợi ngày đi* (vào quân trường) khi thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn chấm dứt. Người đó còn ai khác hơn là Hải đậu chót?

Nhà Hải nghèo xơ xác, cha mẹ già yếu lại đông em, và nghe nói ban đêm nó phải đập xích lô kiếm tiền nuôi gia đình và vì vậy ít có thì giờ học nên đội sổ. So với nó, tôi là kẻ quá may mắn: không cần tiền, với món quà tốt nghiệp của mẹ cộng thêm số tiền dành dụm trong trương mục tiết kiệm Tín Nghĩa Ngân hàng với lãi suất 36 phần trăm, ngồi không cũng đủ sống vài ba năm. Không cần việc làm, tôi đang dạy trung học tư và dạy kèm tư gia. Chỉ cần hoãn dịch vì lý do học vấn. Tôi bỗng quyết định,

“Tao không cần và không muốn làm việc cho Điện lực, tụi mày bỏ tên tao ra đi.”

“Rồi mày làm gì?” Lộc trợn mắt nhìn tôi.

“Chưa biết chắc. Không chừng tao đi học cao học,” tôi trả lời lửng lơ.

“Giờ mà còn tính đi học tiếp, tao sợ mày luôn! Mười mấy năm dài trên ghế nhà trường với bao nhiêu đêm miệt mài lo thi cử đối với tao quá đủ.”

Trong thâm tâm tôi biết mình sẽ ghi danh học tiến sĩ kỹ sư tại Đại học Khoa học Sài gòn, một chương trình lúc ấy ít người biết đến. Để lấy bằng giống như của thầy Yên.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 20 tháng Tám, 2025

Cô Sinh Viên Triết Đà Lạt

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối tháng Hai năm 1975, vị giáo sư trẻ hướng dẫn lớp đệ tam niên trường Cao đẳng Điện học ở Phú Thọ, Sài Gòn đi quan sát nhà máy thủy điện Đa Nhim và đập nước Đơn Dương nằm trên Quốc lộ 11 từ Đà Lạt đi Phan Rang. Cuộc du khảo hàng năm này là một truyền thống của sinh viên trường Điện mà gần bảy năm trước, lúc còn cấp sách đến trường, chàng và các bạn đồng khóa đứng ra tổ chức đầu tiên. Dù phải xa Sài Gòn trong lúc công việc đa đoan và tình hình chiến sự vô cùng sôi động, chàng cảm thấy may mắn khi có dịp sinh hoạt sát cánh với sinh viên thân yêu trong cảnh trí tuyệt đẹp của Đà Lạt hoa viên.

Cùng trong chương trình chuyến du khảo, buổi viếng thăm Lò Nguyên tử Đà Lạt không có gì hứng thú. Lò đã ngưng hoạt động từ lâu, và bài thuyết trình của vị giám đốc đầy bi quan và chán chường. Rồi đến buổi viếng thăm ty Điện lực Tuyên Đức. Nhà máy và hệ thống phân phối điện nhỏ bé và lỗi thời so với những thứ học trong sách nên các chàng sinh viên với bầu nhiệt huyết *quyết xoay bạch ốc lại lâu đài* thất vọng ra mặt. Tuy nhiên, bữa tiệc trà do ông trưởng ty khoản đãi lại được hoan hô hết mình. Học trò ăn uống thả giàn, trong lúc ông thầy hàn huyên với bạn đồng môn đàn anh.

Sau cùng, đêm lửa trại sinh hoạt chung với sinh viên Đà Lạt mà phần lớn là *dân kẹp tóc* từ cư xá nữ sinh viên của viện Đại học Đà Lạt là biến cố được nhắc nhở, mong chờ, và chuẩn bị kỹ càng nhất. Đối với *dân húi cua* trường Điện mà đa số là dân một sách hạng gộc và *cù lần* nhất nước, đây là cơ hội ngàn năm một thuở để tiếp xúc với “điện tích trái dấu.” Trên đỉnh đồi cao vắng lặng, từng cặp nam nữ xen kẽ nắm tay nhau di chuyển quanh lửa trại bập bùng để “nối vòng tay lớn”; tiếng hát hùng tráng vang động núi rừng,

*Rừng núi dang tay nối lại biển xa
Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà
Mặt đất bao la, anh em ta về
Gặp nhau mừng như bão cát quay cuồng trời rộng
Bàn tay ta nắm nối tròn một vòng Việt nam.*
(Trịnh Công Sơn – “Nối Vòng Tay Lớn”)

Sau những nghi thức mở đầu, chương trình văn nghệ bắt đầu: Hai phe thi đua trình diễn, mỗi bên một màn giúp vui. Khi đó (ai cần ông thầy làm *kỳ đà cản mũi!*), chàng cho phép mình lui ra xa, ngồi tựa vào gốc thông, và cầm tập giấy lờ để nhàn nhạt ngoạch ngoạch. Chàng nghe tiếng cười khúc khích sau lưng khi phe Đà Lạt diễn hoạt cảnh “Chùa Hương,” hóa trang và làm điệu bộ trong tiếng ngâm thơ,

*Hôm nay đi chùa Hương.
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thầy me em dậy.
Em vấn đầu soi gương.*
(Nguyễn Nhược Pháp – “Chùa Hương”)

Giọng nói đùa cợt của thiếu nữ trong như tiếng suối reo,

“Bồ cúp cua nghen, tui méc người ta cho coi!”

“Có giỏi cứ mách; hai ta cùng trốn hạp; bị phạt chịu chung,” chàng hơi giật mình nhưng vẫn ngồi yên.

Thiếu nữ hạ thấp giọng,

“Bồ thách *tui hỏ*? Bớ người ta . . .”

“Thôi thôi tui chịu thua cô rồi.”

“Có *dzậy* mới được chớ!”

“Cô tên chi?”

“*Tui* tên Chi.”

“Nếu tên nghe mùi mẫn cái lương quá, cô không muốn nói cũng được.”

“Người ta nói rồi, tại bồ *thông manh* mà chậm hiểu đó thôi.”

Thiếu nữ trở nên hờn giận. Chàng hiểu ra lối chơi chữ của nàng,

“Thì ra là cô Chi, xin lỗi nhé!”

“Không có chi.”

Chàng quay người lại. Với mái tóc dài, khuôn mặt trái xoan, và hàm răng đều đặn sau nụ cười tinh nghịch, Chi trông quen quen. Thấy chàng ngơ ngẩn nhú mào, nàng liền thoắt nói ngay,

“*Tui* biết tên bồ là *Ba Hoa*. Hồi nãy nắm tay người ta tự giới thiệu *đàng goàng* rồi bỏ đi lúc nào không hay khiến người ta tìm muốn đổ con mắt. Ai dè bồ kiếm nơi vắng vẻ để *màn thơ*.”

“Ai nói tui đang làm thơ?”

“Nếu không làm thi sĩ *nghĩa là ru với gió, mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây* thì bồ viết *chi* trên tập giấy, cho *tui* coi được không?”

Trong ánh sáng nhờ nhờ, đôi mắt Chi sáng long lanh; nàng chu mỏ nũng nịu. Chàng ngập ngừng một giây rồi nói lảng,

“Đàn bà con gái các cô hay nói nhiều. Cô nghĩ xem tháng nào trong năm, các cô nói ít nhất?”

“Bồ chê *tui* nhiều *chiện hỏ*? Nghỉ chơi với bồ đi!”

Nhưng Chi không tỏ vẻ bực bội. Chàng không muốn làm nàng phật ý nên tự giải đáp,

“Đó chỉ là câu逗 vui, sao cô không cười? Câu trả lời là tháng Hai vì chỉ có 28 ngày.”

Chi bật cười thành tiếng và không chịu kém,

“Vậy chớ *tui* hỏi bồ, trong năm có mấy tháng có 28 ngày?”

“Có một thôi, tháng Hai.”

“Trật lất rồi bồ ơi, nói lộn cho *nói lợi* đó!”

“Chứ không phải à?”

“Tháng nào chẳng có 28 ngày? Tháng Hai có vừa đúng 28 ngày, nhưng các tháng khác không những có 28 ngày mà còn có nhiều hơn.”

Lòng chàng đã mềm nhũn. Ngoài đôi mắt, giọng nói, và nụ cười của Chi, chàng không còn để ý đến gì khác. Nàng nói líu lo như chim hót,

“Tui còn một câu đố nữa. Bò biết trong tiếng Việt có một chữ mà tất cả sinh viên Điện nặng của bò đều nói sai không?”

“Tôi chịu.”

“Có dzậy mà cũng không biết! Đó là chữ ‘sai’ – sờ a i ai là sai. Chữ đó, ai cũng nói là ‘sai,’ không riêng gì các bạn của bò.”

Chàng thăm dò phân khoa Chi học,

“Hình như cô học toán?”

“Không, tui học triết ở trường Văn khoa. Người ta nói con gái học toán ‘khô’ người đi, tui học triết cũng không thấy ‘ướt át’ gì hơn. Có lẽ tại tui ưa lý luận, thích tìm tòi, và hay cãi.”

“Tôi thấy cô thông minh và dễ thương vô cùng. Chắc cô có nhiều bạn lắm?”

“Bò tán thiệt có duyên. Tui hiểu câu hỏi bóng gió của bò nhưng kỳ quá, tui không bật mí cho bò biết đâu.”

Hai người sánh vai trở lại vị trí cũ vì chương trình lửa trại sắp kết thúc, vừa kịp nhập vào vòng tay nối nhau đi quanh đồng lửa. Vòng tay dần dần thu hẹp, mọi người hát bài “Những Ngày Vui Xưa” diễn tả tâm hồn kẻ ở người đi,

Vì đâu anh em chúng ta giờ đây sắp cùng bùi ngùi xa cách?

Cớ sao ta không cầu mong rồi đây có ngày hồng còn gặp nhau?

Bài hát chấm dứt, và trước khi buông tay Chi, chàng ghé tai nàng nói nhỏ,

“Hẹn ngày tái ngộ. Chúc cô may mắn.”

Chi gật đầu, siết chặt tay chàng, và nói qua hơi thở,

“Nhưng lúc ấy anh phải gọi em bằng tên, Kim Chi. Nhớ nghe.”

* * *

Hôm sau là ngày cuối cùng ở Đà Lạt, sinh viên Điện được tự do – tùy ý thăm viếng hẹn hò, du ngoạn phong cảnh, hay đi mua quà lưu niệm. Đối với chàng, đó là thời gian dành cho buổi họp với Bắc, trưởng phòng Học vụ phân khoa Khoa học viện Đại học Đà Lạt, để hoạch định giảng khóa mới. Từ bốn năm nay, là chuyên gia có thẩm quyền trong ngành truyền sóng, chàng phụ trách môn Xxxx của phân khoa này. Ban đầu dạy thay cho giáo sư bảo trợ luận án tiến sĩ kỹ sư và sau đó được chính thức mời làm giáo sư thỉnh giảng. Mỗi năm chàng bay lên Đà Lạt hai lần, mỗi lần dạy nguyên tuần lễ.

Bắc và chàng quen thân nhau gần 20 năm nay. Quê ở làng Mỹ Lợi cách Huế chừng 30 cây số về phía đông nam, ngôi làng duy nhất trong tỉnh Thừa Thiên mà dân chúng lại nói giọng Quảng Nam, Bắc và người em trai tên Ấn lên Huế trọ học. Ở trường Quốc Học Huế, Ấn học cùng lớp với chàng, trong lúc Bắc học cùng lớp với anh Quang. Ấn thi đậu vào trường Điện, học cùng lớp với chàng, và ra trường làm việc tại nhà máy thủy điện Đa Nhim.

Thấy chàng đến, Bắc mừng rỡ đứng dậy khoác vai chàng cười nói huyền thiên. Những lời thăm hỏi thân tình của anh khiến chàng cảm động và nhớ đến người anh quá cố của mình. Việc đầu tiên là, lời của Bắc,

“*Cụ mi* qua thăm cha viện trưởng một chút cho cha vui. Mấy hôm nay, cha nhắc hoài anh giáo sư thỉnh giảng trẻ tuổi tài cao là *cụ mi* đó.”

Từ văn phòng viện trưởng, Bắc đưa chàng đi thăm hai phòng thí nghiệm vật lý và hóa học, và các cơ sở khác để gặp gỡ các nhân viên của viện. Hai người ăn trưa trễ ở câu lạc bộ rồi trở lại văn phòng Bắc làm việc. Cuộc thảo luận về lịch trình và chi tiết của giảng khóa, cùng một số chuyện cần thiết khác, kéo dài đến năm giờ chiều. Khất lại lời mời về nhà ăn cơm tối của Bắc sang kỳ tới, chàng đi bộ ra đường cái và đón xe *lam* xuống phố.

Mặt trời xuống thấp về phía tây, và nắng nhạt xuyên qua tường kính ở mặt tiền các cửa hàng khu chợ Hòa Bình. Đường phố đông người đi lại, những tà áo dài thướt tha và những chiếc áo len đủ màu trông thật vui mắt. Chàng bước vào nhà hàng Mékong quen thuộc, chọn chiếc bàn trong cùng, ngồi quay mặt ra đường, nhâm nhi ly trà sữa (thức uống thông dụng của dân địa phương), và lười lỉnh thả hồn theo làn sóng người qua lại.

Hình ảnh Kim Chi lại hiện ra trong trí khi chàng gọi thức ăn. Ở Sài gòn chàng vẫn thường lang thang ăn tối một mình, ăn “để nhớ bữa” (lời mẹ dặn) mặc dù nhiều khi không thấy đói. Nhưng hôm nay chàng thấy cô đơn lạ lùng, thầm mong có chú sinh viên nào đi qua trước đường sẽ chạy ra gọi vào mời ăn chung. Khi đêm xuống hẳn, chàng gọi tính tiền. Người hầu bàn khá lớn tuổi mặc đồng phục trắng thắt cà-vạt đen lễ phép nói,

“Xin giáo sư đừng bận tâm về chuyện tiền nong. Chủ nhân tôi xin phép đãi giáo sư bữa nay.”

“Chắc ông chủ nhìn lầm người. Tôi ở Sài gòn lên, không quen ai ở đây,” chàng cau mày, nhưng vẫn nhỏ nhẹ.

“Chắc chắn không nhầm đâu. Xin giáo sư cho phép.”

“Thế này thì khó quá. Hay là cho tôi gặp mặt ông chủ.”

Người hầu bàn vâng lời bước vào trong. Một lát sau, một thiếu nữ tóc dài xõa ngang vai chậm rãi bước ra. Với chiếc áo đầm hoa tím bông nhỏ dài quá đầu gối, loại áo *bà đầm hái nho* thời thượng, trông nàng đáng yêu lạ lùng. Nhìn thấy nàng, chàng ngạc nhiên đứng phắt dậy,

“Kim Chi? Chi là chủ nhân nhà hàng này?”

Chi mỉm cười, nụ cười buồn trái ngược với dáng điệu đùa nghịch hoạt kê đêm qua. Nàng ấp úng cảm ơn chàng đã gọi nàng bằng tên như đã dặn dò lúc chia tay,

“Xin cảm ơn thầy. Con . . . à em chỉ giúp ba má trông coi nhà hàng vào buổi tối.”

Chàng ra hiệu cho Chi ngồi vào ghế đối diện và cũng ngượng ngịu không kém. Chàng đề cập tới việc trả tiền bữa ăn,

“Cảm ơn Chi đã có ý thiết đãi. Nhưng chi phí ăn ở của tôi hôm nay do viện đại học đài thọ. Thành thử chỉ xin nhận hảo ý của Chi thôi.”

Chi cúi đầu, mím môi không đáp. Chàng ngại ngùng,

“Hình như Chi không được khỏe? Nếu vậy để Chi nghỉ, tôi xin phép . . .”

Chi không dần được tiếng thốn thức,

“Thầy biết không, mấy hôm nay nữ sinh viên Đà Lạt bàn tán xôn xao về giáo sư *Ba Hoa*. Các chị bên Khoa học xô nhau điều tra ‘lý lịch’ thầy. Do đó, hồi sáng thấy thầy đi với thầy Bắc, ai nấy đều hay. Em giận mình có mắt không trông để rồi hối tiếc thì đã muộn.”

“Có gì để hối tiếc đâu Chi?”

“Người ta nói thầy bên ngoài lịch sự ân cần, nhưng bên trong cô độc lạnh lùng, không coi đàn bà con gái ra gì cả. Thật vậy không?”

Chàng thấy cần tự biện hộ với Chi,

“Có lẽ thiên hạ lầm! Tôi sống một mình, ít giao tiếp vì tháng ngày quá ngắn ngủi, trong khi dự tính muốn thực hiện chồng chất như núi. Vì vậy đành mang tiếng là người cao ngạo.”

“Đêm qua, tưởng thầy là sinh viên Điện, biết sẽ khó gặp lại nhưng em vẫn thấy thật gần gũi. Nay hay tin thầy còn có dịp trở lại Đà Lạt, nhưng sao thấy xa vời vợi,” nàng tức tưởi nói trong nước mắt.

Chàng chợt hiểu mối lo âu của Chi: Sự cách biệt giữa giáo sư và sinh viên trong nền luân lý tồn cổ hiện tại không dễ gì vượt qua. Dư luận độc ác của tỉnh nhỏ sẽ thừa cơ đàm tiếu và dè bĩ. Thở dài một tiếng nhẹ nhõm, chàng khẽ nắm tay Chi cười nhẹ,

“Cô sinh viên triết của tôi khéo *lo bò trắng răng*! Nếu trong trời đất ta không làm gì sai trái với lương tâm, việc gì phải thắc mắc cho *hao tổn mình dzàng* hử Chi.”

“Thật vậy không thầy?” Chi ngẩng đầu lên, nhoẻn miệng cười.

“Chi vui lên nhé. Lần tới lên đây, tôi mong mời Chi ra nhà thủy tạ bên hồ Xuân Hương uống cà-phê ngắm trăng,” chàng kín đáo ngỏ lời.

Đầu tháng Tư, Đà Lạt thất thủ. Chàng không bao giờ có dịp trở lại Đà Lạt, hay gặp lại Chi.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 27 tháng Tám, 2025

(Viết lại bài viết đăng báo năm 1991)

Bà Chăn và Tên Ma Đầu

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ tiệm ăn đồ biển Ra Khơi nhìn ra xa, người ta có thể thấy tượng Trần Hưng Đạo ở công trường Mê Linh trước bến Bạch Đằng bên bờ sông Sài Gòn. Được dựng lên năm 1967, tượng vị anh hùng dân tộc được tôn vinh là thánh tổ Hải quân Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) đứng trên bệ đá cao chỉ tay nhìn về hướng đông phía Thủ Thiêm, bệ đá là một khối tam diện bề mặt lõm cong vào. Hồi chiều, trước khi đến tiệm, tôi đi ngang qua nhìn tượng đài mà lòng xót xa: Thời VNCH, vườn hoa quanh chân bệ đá được chăm sóc cẩn thận; ngày nay, hơn 30 năm sau, vườn bị bỏ phế thành xác xơ, hoa không còn, và bệ đá cũng như tượng đã ứa màu theo năm tháng và thời tiết.

Với vị trí tuyệt hảo như vậy, Ra Khơi hẳn là một trong những tiệm ăn sang trọng nhất Sài Gòn. Song chắc phải quen biết lớn lắm mới đặt được một khu riêng để họp bạn. Nhưng cái cảm giác được hân hạnh ngồi trong một tiệm ăn thượng lưu không kéo dài lâu. Nhóm thực khách ngồi ở chiếc bàn dài gần đó ăn nhậu ầm ĩ và muốn phô trương cho mọi người biết họ là nhân vật rất quan trọng. Mỗi lần hô nhau nâng ly, họ không quên nhắc lại giá tiền của chai “rượu ngoại” đang uống. Nói chuyện rất ồn ào bằng thứ giọng Bắc the the nghe rất khó chịu. Và dùng thứ ngôn ngữ vô học, mỗi câu nói cũng theo dăm ba chữ “đ...” chướng tai. Nhưng ghê tởm nhất là vừa ăn vừa khạc nhổ, và vứt bừa bãi xương cá, vỏ tôm, và giấy lau xuống sàn nhà, biến chỗ họ ngồi thành bãi rác.

Tôi bực bội nói nhỏ với Song và Lộc – người bạn từ Đà Lạt xuống gặp tôi,

“Tao ở Mỹ 30 năm mà chưa bao giờ thấy mấy thằng Mỹ chửi nhau, ăn nói tục tũ, hay cư xử thô鄙 ở chỗ đông người. Bên đó, gặp khách ‘quý’ kiểu này, chủ tiệm không những tống cổ ra mà còn cấm cửa, không cho bén mảng đến.”

“Bỏ qua đi *Bà Hoa*. Đó là mấy ‘quan chức’ cỡ bự của nhà nước từ Hà nội vào. Dân Hà nội như vậy đó, thứ văn hóa mới mà tụi tao phải cắn răng chịu đựng và thét hời thành *mặt chai mày đá*, không còn thấy *bực . . . cửa mình*,” Song nhảu nhó.

“Hay mày ‘xin phép vợ’ đổi chương trình lên chơi Đà Lạt chơi với tao một chuyến?” Lộc cười tủm tỉm, “Lên *thành phố buồn*, mày sẽ thấy ít cảnh trái tai gai mắt hơn.”

Tôi và Lộc cùng nhớ lại thời còn học đệ tam và đệ tứ niên trường Cao đẳng Điện học. Những dịp nghỉ lễ nó về Đà Lạt thăm nhà, tôi lại theo lên vì lúc ấy đang bỏ nhà *đi bụi đời*, không có chỗ nào để về. Ở “thành phố hoa viên,” tôi được tiếp đãi niềm nở, và hầu như không ai biết tôi là kẻ không cửa không nhà. Bác Hảo, ba Lộc, là bạn thân và từng học cùng khóa Võ bị Liên quân Đà Lạt với cha. Chú Tôn – chú họ tôi – lại là hàng xóm của gia đình Lộc và làm chủ tiệm ăn lớn nhất thành phố trong khu chợ Hòa bình. Nhờ vậy, tôi được xem như người quen thân trong nhà, đi đâu cũng có chỗ dựa.

Lộc vốn tài hoa, là một trong những sáng lập viên phong trào Du ca Việt nam, quen biết rộng với giới văn nghệ sĩ. Những lần lên Đà Lạt, tôi theo nó đến quán Café Tùng, nơi tụ họp của nhiều tác giả, nhà thơ, và ca sĩ nổi tiếng thời ấy. Lộc kể,

“Hồi đó, các nghệ sĩ như Lâm Quyên Phong, Trịnh Công Sơn, và họa sĩ Đặng Hùng là khách thường trực của Café Tùng. Người ta luôn thấy ông Tùng với dáng thư sinh, tóc chẻ ngôi giữa, mặc áo *veston* chỉnh tề, và đứng sau quầy pha chế cà phê.”

“Bây giờ Café Tùng còn không?” tôi hỏi.

“Ông Tùng mất vài năm trước,” Lộc đáp, “Nhưng con trai là Thông nối nghiệp cha trông coi quán. Tao nghĩ nếu về Đà Lạt, mày sẽ tìm lại hương vị thời hoa niên của bọn mình.”

“Kỷ niệm đáng nhớ nhất của tao ở Café Tùng là lần đầu tiên được nghe Lâm Quyên Phong hát,” tôi bồi hồi nhớ lại.

Cặp song ca Lâm Quyên Phong nổi tiếng nhờ những tình khúc lãng mạn do Phong sáng tác và cùng vợ trình diễn. Anh sinh năm 1941, làm giáo viên tiểu học ở Đà Lạt. Khi sinh ra, anh có một cục bướu ở ngón tay, ngày càng lớn. Bác sĩ chẩn đoán anh bị ung thư xương và khó sống lâu. Ban đầu anh học vĩ cầm, nhưng khi bướu lớn quá, không bấm được dây, anh chuyển sang *guitar*. Từ năm 19 tuổi, anh bắt đầu sáng tác; bản đầu tay “Buồn Đến Bao Giờ” viết tặng người con gái tên Quyên (không phải là Lâm Quyên) là mối tình đầu của anh.

Lâm Quyên sinh năm 1952 trong một gia đình thương gia người Hoa khá giả ở Sài Gòn. Năm 15 tuổi, nàng được gửi lên Đà Lạt học nội trú trường Pháp. Nhà nàng và nhà Phong chỉ cách nhau một căn. Hai người quen nhau rồi kết hôn khi nàng mới 16 tuổi. Từ đó, hầu hết ca khúc của Phong đều viết tặng vợ.

Mùa xuân 1970, danh tiếng của họ lên cao sau gần ba tuần lễ trình diễn mỗi đêm cho sinh viên các trường đại học Sài Gòn, đài Truyền hình Việt Nam, và quán Con Nai Vàng. Họ mang đến cho tân nhạc Việt Nam một luồng gió mới với những ca khúc nồng nàn, khắc khoải, đôi khi phảng phất triết lý như “Bài Ca Hạnh Ngộ,” “Dạ Khúc cho Tình Nhân,” “Lời Gọi Chân Mây,” và “Vũng Lầy của Chúng Ta.” Giới sinh viên trẻ đón nhận nồng nhiệt. Nhạc của Phong diễn tả hạnh phúc lẫn chia lìa, tình yêu của một người đàn ông ngoài ba mươi mang căn bệnh quái ác, không biết là đời lúc nào, với một thiếu nữ tuổi đôi mươi.

Năm 1979, vợ chồng Lâm Quyên Phong vượt biên và định cư tại Nam California; hai cô con gái của họ ra đời tại đây. Lộc bỗng hỏi tôi,

“Bên đó, mày có dịp nào xem Lâm Quyên Phong trình diễn không?”

“Tao ở North Dakota tận miền Bắc Hoa Kỳ nên lâu lâu mới có dịp ghé thăm Little Saigon ở Nam California là nơi đô hội của người Việt. Ở đó, phỏng theo kiểu Café Tùng, cô ca sĩ Chung Linh mở quán cà-phê Làng Văn và hát nhạc Trịnh Công Sơn. Lâm Quyên Phong mở quán LQP (viết tắt tên của họ) cách Làng Văn không tới nửa cây số và hát nhạc của Phong để cạnh tranh. Tuy nhiên, năm 1984, khi tao đến quán LQP lần đầu, họ đã chia tay năm trước nên chỉ nghe một mình Lâm Quyên hát. Sau đó, trên sân khấu hay trong *video* ca nhạc, nàng cũng hát một mình.”

“Thật không? Sao tao nghe nói, khi Phong mất vì ung thư phổi, Lâm Quyên quá đau khổ uống thuốc ngủ toan tự tử theo chồng ba lần mà được cứu sống?” Song rất đổi ngạc nhiên xen vào hỏi.

“Chuyện đó không thể có thực. Sự tình như thế này,” tôi lắc đầu và kể lại.

Sau 15 năm hạnh phúc bên nhau, Lâm Quyên và Phong chia ly, *anh đi đường anh, tôi đường tôi*. Cô con gái nhỏ ở với mẹ, và cô lớn về với bố. Phong tới ở với Lâm Phi là em gái của Lâm Quyên, lấy cô này làm vợ, và sống với cô cho đến phút cuối đời. Về phía Lâm Quyên, nàng ráp lại với Tế Lư, nhà thơ nổi tiếng bậc nhất ở hải ngoại thời bấy giờ. Nhà thơ có tiếng hiền lành, tế nhị, và hào hoa nên được rất nhiều phụ nữ say mê đeo đuổi. Nhiều lần anh khoe khoang nhận mình là “tên ma đầu trong tình trường.” Đến ở với Lâm Quyên, anh bỏ vợ tên Thục và hai đứa con.

Tế Lư sinh tại huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam và sau Hiệp định Genève 1954, cùng gia đình di cư vào Nam. Ban đầu ở Hội An và Đà Nẵng, và sau đó vào Sài Gòn. Học trung học tại các trường Trần Lục và Chu Văn An và đại học tại Đại học Văn khoa. Là sĩ quan quân lực VNCH, anh làm phóng viên chiến trường, thư ký tòa soạn cuối cùng của nguyệt san Tiền phong do cục Tâm lý chiến VNCH ấn hành, và giáo sư dạy giờ cho vài trường trung học tư Sài Gòn.

Tế Lư bắt đầu làm thơ rất sớm, ngay khi còn học trường tiểu học Hàng Vôi ngoài Hà nội. Thơ anh được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc và trở thành những bài nhạc nổi tiếng như “Đêm Nhớ Trăng Sài Gòn,” “Hạnh phúc Buồn (Trong Tay Thánh nữ Có Đời Tôi),” “Giữ Đời cho Nhau (Ơn Em),” “Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển,” “Khúc Thụy Châu,” “K Khúc của Lư,” và “Khi Cuộc Tình Đã Chết.” Anh được trao giải thưởng Văn chương Toàn quốc của Tổng thống về bộ môn thơ.

Năm 1975, Tế Lư đưa Thục lúc ấy chưa có con di tản sang Hoa kỳ và định cư ở nam California. Để lại Sài Gòn hai bà vợ có cưới hỏi hẳn hoi khác nhau, mỗi bà có với anh hai đứa con.

* * *

Cuộc sống chung của Tế Lư và Lâm Quyên không mấy êm đẹp vì cá tính khác biệt: Anh hiền lành, nhưng không dễ gì chịu lép vế, trong khi nàng cứng cỏi và thích kèm chế. Do đó anh bị nàng . . . đánh dài dài. Người ta kể rằng, một hôm anh ngồi quán uống cà-phê với bạn, trong đó có họa sĩ Đặng Hùng từ Hoa Thịnh Đốn về thăm, nàng đến tìm anh và đứng đằng xa ngoắt tay, “Lư lại đây Quyên bảo.”

“Lư đang uống cà-phê với bạn, Quyên không thấy sao?” anh mất mặt và nói cứng; hai người xưng tên với nhau như một đôi tình nhân mới lớn.

“Có đến không thì bảo?” nàng nổi giận.

“Không . . .”

Tế Lư chưa dứt lời, Lâm Quyên bước sấn lại, vung tay tát vào mặt anh liên tiếp – bốp, bốp, bốp – trước mặt mọi người. Sau một thời gian bị nàng hành hạ, anh chịu nhục hết nỗi bèn bỏ đi, sang Houston, Texas lánh nạn. Ở đây, anh gặp Miên Hảo, cô ca sĩ ngày trước có giọng ca khàn đục thiên phú, hấp dẫn, và ướm át qua các bài hát “Mảnh Tình Thương” của Mạnh Giác, “Quen Nhau Trên Đường Về” của Thăng Long, và “Không Bao Giờ Ngăn Cách” và “Chân Trời Tím” của Trần Thiện Thanh. Nàng là vợ sau của ông Lạc, một cựu tướng lãnh VNCH; ông lớn hơn nàng hơn 20 tuổi. Hai người sống với sáu đứa con, hai đứa của nàng và bốn đứa của bà vợ trước.

Năm 1975, Tướng Lạc gửi Miên Hảo và các con đi di tản trước bằng máy bay. Ông ở lại nhận chức tổng tham mưu trưởng quân lực VNCH và lớn tiếng hô hào quân sĩ sát cánh tử thủ đến cùng. Tại chức chưa tới hai ngày, sáng sớm ngày 30 tháng Tư, ông nhận thấy tình hình phía VNCH đã tuyệt vọng, vội chạy vào Hải quân Công xưởng, và ra đi bằng chiếc tàu duy nhất mà hạm đội Hải quân VNCH để lại vì bị hư. Chỉ còn một máy tạm hoạt động được, tàu chạy ị ạch đến cửa biển thì chiếc máy chết hẳn. Ông phải gọi máy truyền tin kêu cứu để hạm đội đã ra đi phái tàu trở lại vớt.

Cuộc hôn nhân của Miên Hảo gặp trắc trặc triền miên vì ông Lạc già cả khó tính khó nết, bất đắc chí vì đã hết thời, và nhất là không được người đồng hương kính trọng. Vài lần, nàng đã phải gọi cảnh sát can thiệp vì ông dở thói vũ phu đánh đập nàng. Do đó, gặp Tế Lư không bao lâu, người thiếu phụ đáng thương mới trên tứ tuần dễ dàng rơi vào vòng tay của nhà thơ hào hoa. Tin này đến tai Lâm Quyên. Nàng tức tốc bay sang Houston chỉ mặt anh hăm dọa,
“Lư mà không bỏ con Hảo, Quyên thuê du đấng giết nó.”

Tế Lư hoảng hồn rời Houston lên Hoa Thịnh Đốn – lánh nạn lần thứ hai. Đầu thập niên 1990, “bà Chấn” Lâm Quyên lập gia đình với một cựu sĩ quan Không quân VNCH làm nghề phi công lái máy bay trực thăng, và vui lòng với duyên đôi lứa mới. Sau đó, Tế Lư mới mạnh dạn lên Montréal, Gia Nã Đại đón vợ mới tên Hạnh và con gái riêng tên Lâm mới từ Việt nam sang, và rước về Hoa kỳ sum vầy.

Cuộc tình cũ của Tế Lư với Hạnh xảy ra giữa thập niên 1960, khi anh là phóng viên chiến trường và thường xuyên bay lên Pleiku công tác. Anh quen với cô giáo sư người Huế xinh đẹp tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế đang dạy quốc văn ở trường trung học Pleiku. Nàng yêu thơ rồi yêu người và trở thành (một trong rất nhiều) người yêu của anh. Anh mãi mê làm *bướm lượn vườn hoa* nên hai người theo hai nẻo đời riêng cho đến nhiều năm sau. Và sau cùng, “tên ma đầu” Tế Lư được Hạnh và Lâm thương yêu và chăm nom suốt phần đời còn lại. Nhất là Lâm, cô gần gũi và quý mến “bố Lư” như cha ruột.

Nhìn những khuôn mặt ồn ào trong tiệm Ra Khơi, tôi nhớ đến ba người nghệ sĩ tài hoa từng sống hết mình, yêu hết mình, và đau hết mình. Họ không hoàn hảo, nhưng họ thực. Còn bây giờ, giữa tiếng cười hô hố và những câu chửi rủa, tôi tự hỏi rồi mai này còn ai dám sống thực như họ.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 10 tháng Chín, 2025

Phong Trần Một Đời

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ chập tối, trong tiệm ăn đồ biển Ra Khơi ở bến Bạch Đằng, người bạn thân nhất của tôi là Song lo ngay ngáy và căn dặn tôi giữ mồm giữ miệng vì sự hiện diện của các “quan chức” chính phủ cỡ bự ở bàn kế cận. Nếu tôi lỡ buông ra đôi ba câu mang tính cách “phản động,” họ nghe lóm được sẽ kêu công an bắt. Đã có một số “Việt kiều Mỹ,” vốn quen với sự tự do ngôn luận ở xứ người, bị giam tù không cho về Mỹ vì vạ miệng trong tiệm ăn. Trời ngả về đêm khi các “quan chức” lục tục ra về; chắc hẳn đã hết “rượu ngoại” đắt tiền mang vào tiệm, đã say khướt, hay đã cạn hết ngôn ngữ thô tục bắn qua bắn lại để cười hô hố với nhau. Song thở phào nhẹ nhõm và vừa nói vừa cười,

“Thằng *Ba Hoa* qua bên Mỹ xa anh em ba chục năm, lần này tao tốn bao nhiêu nước miếng mới *hú* được nó về. Tụi mày có *đọc* nó thì *đọc* cho đã đời đi.”

Kim người Huế học cùng lớp kỹ sư Điện với tôi, nổi tiếng học giỏi, và có tài *móc họng* bạn bè, ra quân đầu tiên,

“*Rứa khi tê* [ngày đó] *mi* thuộc loài ‘may tay’ hay con ‘nói láo’?”

“Môn võ ‘*long hội*’ lời họng của mày xào đi xào lại mấy chiêu cũ rích bao nhiêu năm nay,” tôi cười nhạo, “Thế giới tiến bộ ào ào, sang thế kỷ thứ 21 rồi, đổi thế chút xíu đi ‘em’ ơ!”

“Cũ rích hay cũ rang *chí* cũng đặng, miễn *cụ mi* đau lòng xốn dạ, *ốc đôc* [mắc cỡ] ê chề là được,” Kim không chịu kém.

Câu hỏi của Kim bắt nguồn từ chuyện khôi hài truyền tụng rộng rãi ở Đại học xá Minh Mạng ngày xưa:

Sau cuộc thăm dò ý kiến giới sinh viên Sài Gòn, một nhà phân tâm học của Đại học Y khoa Sài Gòn công bố phúc trình nghiên cứu kết luận rằng 80 phần trăm nam sinh viên quen thói “may tay.” Và 20 phần trăm còn lại mắc chứng nói dối!

“May tay” là tiếng lóng dùng để chỉ hành động dùng tay tự thỏa mãn tình dục của bọn con trai. Lộc dân Đà Lạt và ra trường làm việc cho nhà máy thủy điện Đa Nhim cho đến nay, *tổ khổ* Kim,

“Thằng Kim còn một chiêu ác liệt giết người không gươm không đao khác. Với bạn có gia đình, trước mặt đông đủ bá quan văn võ, nó thường phun ra câu hỏi *ngây thơ vô số tội*, ‘*Mi còn khện mụ vợ dài dài hỉ?*’ Thế là nạn nhân ú ớ, đỏ mặt tía tai muốn vạch đất độn thổ.”

“Nhờ lối bắt mạch ngang xương đó, *tau* biết được khối thằng ngoài mặt hào hoa phong nhã mà về nhà *lên cồ lộng mợc* [sùng sộ giận dữ] hiếp đáp vợ, *thượng cẳng chân hạ cẳng tay* khiến chị ta vỡ đầu sứt trán vêu mỗ bầm mặt đều đều,” Kim cười đắc chí.

“Mày *ăn mắm ăn muối*, mở miệng là nói chuyện ác đức,” Lộc trách Kim.

“*Mi* nói *tau* ác, *rứa* bộ thằng *Ba Hoa* hiền như *ma xơ* [‘ma sœur’ tiếng Pháp] chắc?” Kim không buông tha tôi.

Câu nói của Kim khiến Lộc nhớ ra điều gì quan trọng. Nó quay sang hỏi tôi,

“Chắc mày chưa biết tin *xơ* Christine? Ngày đó, *xơ* làm ở tiệm ăn Pháp L’eau vive [Nước chảy] mà mày đưa tao đến vài lần và giới thiệu với *xơ*.”

Quán L’eau vive Đà Lạt bấy giờ là một trong hàng chục quán L’eau vive ở nhiều quốc gia trên thế giới, tất cả được điều hành bởi các nữ tu Carmel thuộc dòng Vô nhiễm Mẹ Maria do cha Marcel Roussel-Galle người Pháp lập ra ở Paris năm 1950. Các *xơ* không sống trong tu viện mà mặc thường phục và sinh hoạt như người thế tục. Ngoài mục đích chính là truyền giáo, những quán ăn ấy gây quỹ yểm trợ công tác cứu vớt gái giang hồ và hỗ trợ các cơ quan từ thiện địa phương. Không những giúp các *nàng Kiều* hoàn lương mà còn chiêu mộ và đào tạo họ thành nữ tu giúp đời.

Trước hơn một chục đôi mắt dò hỏi của bạn, tôi giải thích,

“Đầu thập niên 1970, trong một chuyến lên Đà Lạt dạy ở phân khoa Khoa học của viện Đại học Đà Lạt, tao tình cờ tìm thấy *xơ* Christine là con gái bị thất lạc từ ngày còn đỏ hỏn của o Tín. O là chủ công ty thầu xây cất cho căn cứ Long Bình của quân đội Hoa kỳ ở Biên Hòa và khai khẩn đất hoang làm đồn điền ở Long Khánh. Tao làm kỹ sư cố vấn, duyệt xét các tài liệu kỹ thuật cho công ty. Rồi *xơ* được chuyển sang phục vụ tại Abidjan ở nước Cộng hòa Côte d'Ivoire bên Tây Phi. Trong những ngày *chộn rộn* năm 1975, *xơ* viết thư cho tao, ‘cầu nguyện cho thầy và người thân được bình an.’ Tuy gọi tao bằng ‘thầy,’ *xơ* xem tao như anh ruột. Sau đó, tao mất liên lạc hoàn toàn.”

“Cuối năm 1979, sau những chuỗi ngày đen tối nhất của dân miền Nam, *xơ* Françoise là cựu quản lý quán L’eau vive và *xơ* Christine trở về Đà Lạt để giúp đỡ kẻ đói khổ và cứu vớt các người đàn bà lỡ chân sẩy bước. Họ nhất quyết đòi lại tài sản của nhà dòng – kể cả quán ăn cũ – đã bị ‘cách mạng’ tịch thu khi ‘tiếp quản’ Đà Lạt năm 1975. Họ không ngần ngại đụng độ với các ‘quan chức’ cao cấp của nhà nước,” Lộc nói tiếp.

“*Sức mảy mà đòi, đòi chi bỏ đi Tám,*” Kim cười chua chát hát nhại lời một bài hát cũ của Phạm Duy (1921 - 2013).

“Đúng vậy! Một đêm, công an đến nhà bắt hai *xơ* dẫn đi. Vài ngày sau, người ta tìm thấy xác họ vớt trong rừng thông. Thi thể gần như lửa lò, họ bị hãm hiếp trước khi bị giết,” Lộc đỏ khốc, đỏ mếu.

* * *

Hồi đó, với thời khóa biểu đầy kín công việc phải vật lộn từ sáng sớm đến đêm khuya, thỉnh thoảng tôi mong mỗi đi dự tiếp tân hay tiếp đãi khách hàng với o Tín. Nhờ những lần đó, tôi được hội kiến với những nhân vật quan trọng không bao giờ nghĩ mình sẽ gặp gỡ hay đến những nơi khó có dịp đặt chân tới. O trạc tuổi mẹ, thanh nhã và dịu dàng, ăn nói nhỏ nhẹ và từ tốn, và chăm sóc tôi từng li từng tí. Một hôm thấy chiếc cặp da đựng sách vở và mọi thứ cần dùng trong ngày tôi mang theo bên mình đã tả tơi, o tặng tôi chiếc cặp da mới có khóa mạ vàng và khắc tên công ty: Martinet & Cie (Martinet và Công ty; Cie là chữ viết tắt của Compagnie). Cái tên này tôi chỉ thấy trên tiêu đề các giấy tờ của công ty, ngoài ra không hề xuất hiện ở nơi nào khác, mà nay lộ diện trên chiếc cặp của tôi. Tôi thắc mắc không biết ông hay bà Martinet là ai và vài lần gợn hỏi, nhưng o lảng sang chuyện khác.

Cái tên “Martinet” trở nên bí ẩn hơn khi tôi tháp tùng o Tín đi gặp vị đệ nhất tham vụ tòa Đại sứ Pháp tại quán Le cocotier vert (tiếng Pháp là “Cây dừa xanh”), một quán ăn nhỏ và kín đáo ở phố Biên Hòa có chủ người Pháp. O nói tiếng Pháp lưu loát và tự nhiên như người Pháp. Cuối bữa ăn, ông tham vụ tường trình về một dự án o yêu cầu không biết lúc nào,

“Thưa phu nhân, chúng tôi rất buồn báo cáo kết quả không mấy tốt đẹp của cuộc điều tra ở Paris.”

“Xin ông tham vụ nói rõ hơn, ngài có tìm thấy tung tích người tôi tìm kiếm không?”

“Chúng tôi tìm ra chỗ ông Martinet cư ngụ trước khi mất năm 1954,” giọng ông trầm buồn.

“Có tìm ra cô con gái ông ấy không?” o chồm tới trước, không giữ được vẻ bình thường ngày.

“Cô Christine lúc ấy lên sáu và không có thân thích nên được đưa vào cô nhi viện cho các nữ tu dòng Nữ Tu Trái Tim Đức Mẹ trông nom. Nhân viên bộ Ngoại giao tiếp xúc với nhà dòng và được biết chín năm sau, trước khi tới tuổi thành niên, cô ấy tự ý rời nhà dòng, không biết đi đâu.”

Gánh nặng dạy học của tôi mang thêm một nhiệm vụ mới khi vị giáo sư bảo trợ luận án tiến kỹ sư yêu cầu thay ông phụ trách giảng khóa Xxxx ở viện Đại học Đà Lạt. Mỗi năm tôi bay lên Đà Lạt hai lần, một lần dạy nguyên tuần lễ. Tôi thầm biết ơn thầy đã cho tôi cơ hội tạm ngụ trong cảnh u nhã nên thơ của viện đại học. Lớp học ít sinh viên, tôi hài lòng vì dễ gần gũi và truyền đạt ý tưởng, nhất là với sinh viên Đà Lạt lịch sự và dịu dàng.

Năm ấy, trong lớp có một nữ sinh viên da trắng môi hồng hơn các thiếu nữ Đà Lạt khác, dường như đầm lai. Trạc tuổi tôi và tóc cắt ngắn, nàng thường mặc váy hoa lốm đốm dài gần phết đất, kiểu “*bà đầm hái nho*” thời thượng, và áo len kín cổ màu thẫm khiến khuôn mặt trái xoan trắng ngần nổi bật hẳn lên. Tên nàng trong danh sách sinh viên: Sœur Christine – một nữ tu Công giáo.

Tôi giảng bài từ sáng đến chiều; học xong xơ Christine liền ôm cặp đi ngay, không dự phần hỏi đáp cuối ngày. Thứ Bảy, ngày cuối cùng, sau giờ nghỉ trưa tôi kết thúc giảng khóa và dành thì giờ còn lại để nhận ý kiến sinh viên về tuần lễ học tập vừa qua. Đợi các sinh viên khác ra về, xơ đến chào tôi, nói với tiếng Việt rất sõi,

“Cám ơn thầy đã tận tâm giảng dạy của Xxxx. Là người Pháp, tôi phục tài dịch các danh từ khoa học mới từ tiếng Pháp và tiếng Anh ra tiếng Việt của thầy.”

“Dạ không có *chi*. Xơ có điều gì cần hỏi?”

“Tôi có chuyện riêng muốn thưa với thầy, nhưng bây giờ không đủ thì giờ. Tối nay mời thầy ăn tối ở quán L’eau vive, nhưng sau chín giờ tôi mới rảnh. Chuyện quan trọng lắm,” xơ khẩn khoản.

Nằm thoải mái trên sườn đồi thông, sau dốc đường Duy Tân, và nhìn xuống hồ Xuân Hương, quán L’eau vive có phòng ăn trang nhã ấm cúng với khoảng mười bàn ăn. Ba, bốn cây đàn *ghita* (guitar) dựng vào tường cạnh lò sưởi. Đã được báo trước, xơ Françoise quản lý tươi cười đón tôi,

“Tôi thay *xơ* Christine tiếp giáo sư; *xơ* bận trông coi công việc sau bếp. Hôm nay quán đặc biệt có món thịt nai nấu rượu vang để mời giáo sư thưởng thức.”

Đúng chín giờ, trước đôi mắt ngạc nhiên của khách tới lần đầu như tôi, mọi hoạt động trong quán dừng lại. *Xơ* Françoise, *xơ* Christine, và các *xơ* hầu bàn và phụ bếp xếp hàng một bước vào phòng ăn và chia nhau đứng giữa các bàn của khách; và *xơ* mang đàn *ghi-ta*. Hướng về tấm hình đức Mẹ lớn treo phía trên lò sưởi, các *xơ* đàn và hát thánh ca tiếng Pháp và khuyến khích khách hát theo. Sau phần nhạc giáo đường, *xơ* Christine lại bàn ngồi với tôi,

“Cám ơn thầy đến. Hiện tại tôi không cha không mẹ không họ hàng thân thích và hoàn toàn hiến mình phục vụ Chúa toàn năng. Câu chuyện tôi sắp nói liên quan đến thân thể của tôi.”

“Tình cảnh *xơ* thật đáng buồn, tôi có thể làm gì để giúp *xơ*?”

“Tôi sinh ra ở Paris năm 1948, cha người Pháp và mẹ Việt nam. Cha nói mẹ thuộc gia đình danh giá, được gửi sang Pháp học văn chương tại Đại học Sorbonne, và gặp cha lúc ấy là một sinh viên nghèo, nghèo đến nỗi không có chỗ ở nhất định. Hai người yêu nhau, điều vô cùng cấm kỵ đối với gia đình mẹ ở quê nhà, và kết quả là tôi ra đời. Khi tôi chưa tròn tháng, chiến tranh bùng nổ ở Đông dương, và mẹ bị gia đình gọi về gấp, để tôi lại cho cha. Từ đó, cha mất liên lạc với mẹ. Năm tôi lên sáu, cha lâm trọng bệnh rồi mất, tôi bị đưa vào cô nhi viện nhà dòng và năm 15 tuổi không chịu được sự trói buộc nghiệt ngã nên trốn ra ngoài sống bụi đời. Tôi đứng đường bán thân nuôi miệng ở khu Pigalle ở ranh giới Quận 9 và Quận 18 hơn ba năm – đến khi được cha Marcel Roussel-Galle cứu vớt, cải hóa thành nữ tu Carmel, và cho làm việc với quán L’eau vive.”

Niềm xúc cảm dâng tràn trong tôi; cuộc đời *xơ* Christine dày dạn phong trần, chịu đủ nỗi truân chuyên. *Xơ* làm dấu thánh giá và cúi đầu để giấu dòng nước mắt,

“Tôi thổ lộ quãng đời ô trọc đó với thầy vì cha tôi tên là André Martinet.”

“Sao *xơ* biết tôi làm việc cho công ty Martinet?” tôi giật nảy người.

“Hôm nào thầy cũng xách cặp vào lớp, hàng chữ ‘Martinet et Compagnie’ rành rành.”

“*Xơ* nghĩ tôi hay công ty Martinet có liên hệ với mẹ *xơ*? *Xơ* biết tên bà không?” tôi đã đoán ra, nhưng vẫn hỏi.

“Không. Nhưng cha nói lúc tôi mới sinh, mẹ đặt tên tôi – Christine – để gồm cả tên mẹ và khi gọi tắt ‘Tine’ nghe giống như tên mẹ,” *xơ* lắc đầu.

Không còn nghi ngờ gì nữa. Nếu *xơ* Christine không phải là con gái o Tín, còn ai vào đó? Tuần lễ kế tiếp, tôi trở lại Đà Lạt với o và rưng rưng nước mắt chứng kiến mẹ con o đoàn tụ sau hơn một phần tư thế kỷ lạc nhau. Từ đó, *xơ* và tôi thân và thương nhau như hai anh em.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 17 tháng Chín, 2025

Về Thăm Trường Mẹ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tối qua, sau khi họp mặt bạn bè ở quán Ra Khơi ngoài bến Bạch Đằng về nhà, tôi ngồi nói chuyện với Song đến sau nửa đêm và vào giường với *jet lag* (chênh lệch giờ sau khi đáp máy bay phản lực) còn chênh choáng trong người. Dường như tôi ngủ chưa được bao lâu thì bị Quỳnh Châu đánh thức. Nàng ngồi cạnh giường sờ trán tôi và vừa cười vừa hát gheo,

“Dậy mau chồng ơi, sửa soạn ăn sáng rồi còn ‘trở về mái nhà xưa.’ ‘Về đây khi mái tóc còn xanh xanh.’”

“Vậy hở?” tôi ngồi nhồm dậy, “Hôm nay Chủ Nhật, mình cần đi đâu mà sao anh không nghe nói gì cả?”

“Hồi nãy, trước khi anh Song và chị Hải Quỳnh vào hăng làm việc, anh Song nói sáng nay có buổi lễ phát học bổng cho sinh viên trường Điện, và cô vợ dễ thương quyết định đi dự với chồng và tặng học bổng cho các đệ tử hàng cháu hàng chắt của chồng.” “Trường Điện” là trường Cao đẳng Điện học thuộc Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật ở Phú Thọ, Sài gòn.

“Vậy thì anh đồng ý cả hai tay. Nhưng sao tối qua gặp thằng Kim – nó dạy ở đó – mà không nghe đề cập tới?”

“Ảnh định báo cho chồng biết khi chia tay, nhưng thấy chồng lu bu với các bạn khác nên nhờ anh Song nhắc lại. Ngày trước, ảnh chơi thân với chồng, phải không?”

Trong những năm tôi ở Sài gòn, Kim là đứa bạn gần gũi nhất và hầu như gặp tôi hằng ngày: bốn năm học chung lớp kỹ sư và hơn bốn năm cùng dạy ở trường mẹ. Hồi nhỏ, chúng tôi biết nhau từ thuở đệ thất (lớp 6) trường Hàm Nghi Huế, nó học Anh văn “Sinh ngữ” (ngoại ngữ) chính và tôi học Pháp văn nên cùng “đệ” mà khác lớp. Sau khi đậu Trung học Đệ nhất cấp, chúng tôi cùng lên đệ tam (lớp 10) trường Quốc Học và dĩ nhiên khác lớp. Nó chăm học và có hạnh kiểm tốt, trong khi tôi hay bị lên bảng phong thần ghi tên mấy đứa nghịch ngợm chọc phá.

Chúng tôi thực sự ngồi trong cùng một lớp sau khi Kim đậu “chứng chỉ” Toán Đại cương ở Đại học Khoa học Sài gòn và thi đậu vào trường Điện. Người dong dỏng cao, mặt trái xoan trắng trẻo, và nụ cười miếng chi, Kim hay chế nhạo bạn bằng cách nhạo báng quê nhà của chúng. Diễn Phan Rang “đồng khô cỏ cháy.” Đắc Phan Thiết “sặc mùi nước mắm.” Huỳnh Bình Định “*no hair*” (theo lời đồn đãi dân gian, *gái Bình Định không có lông đuôi*, tức là không có “tóc” ở chỗ kín). Tảo Quảng Nam “cu nu cúm núm” (tiếng Quảng nghĩa là khúm núm) vì thằng này nhút nhát và hay cả thẹn. Ngẫu người Việt gốc Hoa đặc biệt trở thành “Ngầu Pín” là cách phát âm theo tiếng Quảng Đông của “ngưu bín” trong danh từ Hán Việt. “Ngưu” (còn đọc là “ngâu,” tên của thằng bạn) là con bò, “bín” là cái bím (tóc) hay đuôi sam, và “ngưu bín” là dương vật của bò được thõng xuống đồng đưa như cái bím phụ nữ.

Tuy nhiên, Kim không hề (hay không dám) trêu ghẹo tôi. Tôi cũng không có lý do để sinh sự với nó, và trong việc học hành, hai thằng không ganh đua hay đổ kỵ. Nó có tiếng là “con mọt sách” học hành chăm chỉ, còn tôi bị bạn gọi đùa là “*dân chơi cầu Ba Cẳng*,” chuyên môn “*cúp cua* đi

chơi với đào.” Thực ra, những lần bỏ giờ học, tôi đi dạy tư để kiếm sống. Nhưng được tiếng “dân chơi” oai ra phết, ngu gì mà cải chính?



Tốt nghiệp, Kim đậu thủ khoa và đồng thời lấy thêm bằng Cử nhân Toán tại Đại học Khoa học. Nó được giữ lại trường dạy, trong khi tôi (đậu hạng nhì) đi dạy học và thiết trí phòng thí nghiệm tại hai phân khoa của Đại học Minh Đức, một viện đại học tư. Sau khi thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn chấm dứt, nó bị gọi động viên vào trường Bộ binh Thủ Đức và khi ra trường, được biệt phái về dạy lại. Trong thời gian thụ huấn ở quân trường, dù chương trình đào luyện thể xác và tinh thần cam go, nó vẫn dành thì giờ và đầu óc làm luận án cao học. Đêm đi trực gác trong giao thông hào, nó trùm *poncho*, bật đèn pin, và làm toán. Ba tháng sau khi “đi lính” về, nó trình luận án lấy bằng Cao học Toán.

Hai năm sau ngày tốt nghiệp, tôi về trường mẹ làm giảng nghiệm viên và phụ trách một số môn lý thuyết như Kim. Biết cha nó mất sớm, nhà nghèo lại đông em, và nó là con trưởng phải phụ *mẹ* nuôi em ăn học, tôi cố gắng giúp nó có thêm việc làm và lợi tức. Thí dụ, khi giúp thiết lập chương trình giảng dạy ở Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Đức, tôi mời nó dạy các môn còn khuyết giáo sư. Khi một viện đại học tư khác là Đại học Vạn Hạnh mở thêm phân khoa Khoa học Ứng dụng đào tạo kỹ sư và mời tôi dạy giờ, tôi lấy cơ bản việc và giới thiệu nó. Ngoài ra, khi một người bạn tôi mở trường dạy luyện thi vào các trường chuyên khoa như kỹ sư, y khoa, và kiến trúc và đặt tôi viết cuốn sách toán luyện thi, tôi thu góp các đề toán đã cho những năm trước, giao cho Kim viết bài giải, và trả nó phần tác quyền ứng trước – hơn hai tháng lương giảng nghiệm viên.

Tháng Sáu năm 1975, Kim trình diện “học tập cải tạo” và bị tù hơn ba năm. Mãn tù, nó được cho về dạy lại và không tới một năm sau trình luận án lấy bằng Tiến sĩ Đề tam cấp Toán tại Đại học Khoa học. Có thể phần lớn luận án đã được hình thành trước ngày Sài Gòn thất thủ, nhưng trong thời gian tù đầy thiếu ăn thiếu ngủ, lao lực khổ ải, và suy sụp tinh thần, nó vẫn liên tục suy tư về luận án. Là giảng viên trước năm 1975 duy nhất còn lại và nay gần 60 tuổi (tuổi bị bắt buộc phải về hưu), hầu như cả cuộc đời nó gắn bó với thăng trầm của trường mẹ.

* * *

Tôi bồi hồi trở về trường mẹ thân yêu, nơi đã nuôi dưỡng tôi về mặt nghề nghiệp lẫn tri thức. Ngoại trừ hai tòa nhà nhỏ mới xây lam nham nằm dọc theo tường thành bao quanh, kiến trúc chính của trường không có gì đổi khác. Ngày xưa gồm hai phần: Phần cũ hơn nằm phía trái cổng ra vào, và phần mới hơn và trải rộng hơn nằm phía phải là Trung tâm Lambert do Điện lực Pháp (Électricité de France) viện trợ. Ngày đó, Trung tâm được dùng đào tạo chuyên viên như

cán sự điện và thợ chuyên môn cho Điện lực Việt nam, Xi-măng Hà Tiên, bộ Cựu Chiến binh, v.v. Lambert là tên của vị Tổng Thanh tra của Điện lực Pháp, ông là cha đẻ các trung tâm xây dựng theo kiểu mẫu này ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Tôi và Quỳnh Châu được mời lên giảng đường Trung tâm Lambert là nơi làm lễ phát học bổng. Hồi đó, giảng đường này được trang bị dụng cụ thính thị và phòng chiếu phim, và được tôi dùng thường xuyên để giảng dạy các môn lý thuyết. Không thấy Kim hay bất kỳ giảng viên nào, chỉ có ông “hiệu trưởng” của “Khoa Điện” (tên gọi mới của trường). Tuy vợ chồng tôi đến không báo trước, Quỳnh Châu cũng được sinh viên tặng một bó hoa tươi vì ngoài chúng tôi, quan khách chỉ có vợ chồng Lương. Tôi biết Lương từ đầu thập niên 1970, nhưng từ những điều tôi nghe nói gần đây, anh là người tôi ít muốn gặp lại nhất.

Lương sinh trước tôi đúng một con giáp, đẩu Tú tài II ngoài Bắc, và năm 1954 theo gia đình di cư vào Sài gòn. Anh đậu thủ khoa kỳ thi tuyển vào trường Quốc gia Kỹ sư Công nghệ, nhưng học nửa năm thì được chính phủ Nhật Bản cấp học bổng du học và học điện tử tại Học viện Kỹ thuật Đông Kinh, viện đại học lớn nhất của quốc gia này. Tốt nghiệp Tiến sĩ Điện tử, anh làm chuyên viên nghiên cứu cho công ty Điện Kỹ nghệ Matsushita (ở tây phương được biết đến dưới thương hiệu “Panasonic”) và được báo chí Nhật xếp vào danh sách 100 nhà bác học giỏi nhất nước.

Trong thời gian đi học, Lương đem lòng yêu thương cô bạn cùng trường Sachiko là con một giáo sư của trường. Cô cũng yêu anh thắm thiết, và hai người thề non hẹn biển nên duyên vợ chồng. Khốn nỗi, xứ Nhật là xã hội thủ cựu, người Nhật ôm truyền thống cổ xưa và không chấp nhận hôn nhân dị chủng với người ngoại quốc, và cha cô không chấp thuận sự kết hợp của hai người.

Cùng kể, Lương nhờ vị giáo sư bảo trợ luận án cao học và tiến sĩ đến gặp cha Sachiko cầu hôn. Với truyền thống trọng danh dự của người Nhật, cha Sachiko không thể từ chối thỉnh cầu của vị giáo sư đồng nghiệp và cũng là bạn thân. Ông chấp thuận cho Lương và Sachiko thành hôn nhưng, “Sau đám cưới, tôi sẽ từ Sachiko và xem như không hề sinh cô con gái đó.” Thế là Sachiko gạt lệ vĩnh biệt gia đình và đất nước, theo chồng về Sài gòn.

Lương được bổ nhiệm dạy ban Điện tử tại Đại học Khoa học Sài gòn. Trong thời gian này ở Học viện Quốc gia Kỹ thuật (tên bấy giờ của Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật), các giáo sư tốt nghiệp ở Pháp và các nước Âu châu và đồng nghiệp tốt nghiệp ở Hoa kỳ và các nước nói tiếng Anh tranh cãi kịch liệt về giá trị bằng cấp – bằng Pháp so với bằng Mỹ. Vì tốt nghiệp tiến sĩ ở Nhật, bằng cấp không bị tranh cãi, anh được đưa lên làm giám đốc trường Điện một thời gian ngắn rồi làm giám đốc Học viện, cũng một thời gian ngắn. Khi tôi về trường Điện, anh đã rời chức vụ giám đốc Học viện và trở về Đại học Khoa học làm giáo sư như trước.

Miền Nam đổi chủ, Lương được “lưu dụng” và giữ chân giáo sư, nhưng như mọi người, vợ chồng anh và hai đứa con trai sống chật vật khổ sở. Nhờ Sachiko là công dân Nhật, gia đình anh được cho xuất ngoại sang Nhật, anh trở lại làm việc cho Matsushita, và sau vài năm, được mời làm giáo sư Đại học Hosei, một đại học tư nổi tiếng về ngành luật và chính trị ở Đông Kinh.

Công việc giảng dạy và nghiên cứu của anh ổn định, và gia đình hạnh phúc. Theo truyền thống gia đình người Nhật, Sachiko hết lòng chiều chuộng và thương yêu chồng và chăm lo dạy dỗ con. Cho đến ngày Lương bị cô du học sinh Ánh Thu theo lệnh Hà nội dụ dỗ mê hoặc, và trở thành con cừu non của Việt Cộng (“VC”). Anh lìa bỏ người vợ hiền đã từng vì anh mà rời bỏ gia đình và tổ quốc, đưa anh ra khỏi địa ngục đỏ, và nuôi dạy con anh nên người, để lấy Ánh Thu. Sau ngày về hưu, anh về Việt nam sống với cô ta.

* * *

Đứng trên bục giảng dùng làm sân khấu, ông “hiệu trưởng” mở đầu buổi lễ bằng bài diễn văn dùng toàn danh từ đao to búa lớn để ca tụng chế độ, nhưng không nói lên gì cả. Tiếp theo là hai bài diễn văn ngắn rập khuôn của hai sinh viên – một thuộc ban Điện, và một thuộc ban Điện tử – cảm ơn đảng và nhà nước đã cho họ cơ hội học tập. Nhưng không sinh viên nào được gọi lên nhận học bổng, và tôi cũng không nghe đọc danh sách sinh viên được cấp học bổng. Được mời lên phát biểu, tôi nói vắn tắt về mối liên hệ năm xưa với trường và kết thúc,

Tôi chỉ là một sinh viên đàn anh của các em. Thế hệ chúng tôi ba, bốn mươi năm trước chỉ có một hoài bão đơn giản: mang ánh sáng và hơi ấm đến mọi nhà. Người kỹ sư điện già trước mặt các em hôm nay vẫn giữ lời tuyên hứa ngày nào. Chúc các em may mắn trong nỗ lực tương lai.

Bài diễn văn ngắn lạ tai của tôi được đón nhận khá nồng nhiệt. Sau đó tôi và Quỳnh Châu xuống một văn phòng nhỏ là một phần của phòng Học vụ ngày trước, để nàng làm thủ tục tặng mười học bổng cho sinh viên, mỗi học bổng 100 đô la. Chúng tôi dự định dùng khoản tiền này đi thăm Đà Lạt và Ban Mê Thuột, nhưng nay thấy không cần đi. Trong lúc chờ nàng, tôi miễn cưỡng nói chuyện với vợ chồng Lương. Ánh Thu trông chưa tới tứ tuần, hơi đầy đặn, và hỗn hào trịch thượng khiến tôi bực bội. Cô VC nhìn tôi khiêu khích,

“Năm 1975, anh đang dạy ở trường này, sao lại bỏ ra đi khi đất nước thống nhất và hòa bình được tái lập?”

Tôi biết cô ta ám chỉ tôi thuộc “thành phần dĩ điểm, trốn tránh lao động; thành phần rác rưởi, lưu manh, bỏ nước ra đi theo Ngụy” theo kiểu tuyên truyền của VC xưa nay. Tôi nuốt giận trả lời,

“Những người ở lại rồi cũng muốn ra đi. Anh Lương sang Nhật, mọi người đều muốn vượt biên, và ngay cả cột đèn đường, nếu biết đi, nó cũng ra đi. Chị không biết sao?”

Giá như tôi không gặp Lương và cô vợ VC, chuyển về thăm trường mẹ sẽ ấm lòng hơn. Nhưng thôi, *nhằm nhò gì ba chuyện lẻ tẻ!* Dù thời thế đổi thay, ngôi trường vẫn ghi dấu một thời tuổi trẻ đáng nhớ đời.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 24 tháng Chín, 2025

Làm Chuyện Tào Lao

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tôi về Sài Gòn chưa tròn bốn ngày, và cơ thể chưa thích nghi với môi trường mới. Năm giờ sáng, tôi dậy sớm đi bộ ngoài đường tập thể dục với Song. Đi một vòng từ nhà nó ở đường Lý Chiêu Hoàng, tới đường Nguyễn Biểu, và lên cầu Chữ Y rồi quay về. Trời còn tối đen, và trong ánh đèn nhấp nháy của xe cộ đi làm sớm, hai thằng sánh vai nhau vừa đi vừa nói lan man về thuở sinh viên ở trường Cao đẳng Điện học và cười lớn. Ngày đi học, 40 năm trước, hai thằng đi đâu cũng có nhau, chia xẻ mọi thứ, và không giấu nhau điều gì, kể cả chuyện tình cảm trai gái riêng tư. Mùa hè nghỉ học, khi nó ghé nhà tôi ở Tuy Hòa, ông tài xế đưa bọn tôi là đôi bạn Lưu Bình - Dương Lễ bằng câu ca dao Quảng Bình khá thô tục,

Anh em bạn cũ Lưu tồn,

Củ khoai chia bốn, cái . . . hồn chia hai.

Dao ấy, Song hào hiệp, hết lòng vì bạn, và ngang tàng không nể nang ai. Bạn bè không đứa nào dám đấu khẩu với nó vì nó lý luận sắc bén, nói năng không thềm giữ ý tứ, và có khi dùng lời lẽ sống sượng đến tột độ. Song bỗng nhớ đến Công, bạn thân của tôi từ thời Quốc học Huế và bạn học của chúng tôi,

“Bên đó mày hay gặp thằng *Lệ Tiềng* không?” “*Lệ tiềng*” là “*lẻ tiền*” phát âm theo giọng nặng trịch ở quê Công là vùng Phú Lộc gần núi Túy Vân tỉnh Thừa Thiên.

“Nó ở Texas, tao ở North Dakota; thằng nam, thằng bắc nên mỗi năm chỉ gặp nhau một, hai lần. Tụi tao nói chuyện điện thoại thường hơn.”

Ngày đó, Công được nhận dạy kèm tư gia ăn ở tại nhà cho Bách Hoa, con đầu lòng một gia đình giàu có và có thế lực, sau cuộc kén chọn kỹ lưỡng của mẹ nàng. Nó vừa có lương dạy kèm vừa được cơm bưng nước rót và cho ở riêng trong căn phòng nhỏ khang trang trên sân thượng có giường nệm, bàn học, tủ sách, và quạt máy. Nó tần tiện chi li nên tiền nhà tiếp tế gửi ngoài Huế vào và lương dạy kèm ít khi sút mẻ. Tôi và Song vung tiền *lίου lo* vào cà-phê thuốc lá và xi-nê và đến cuối tháng kẹt tiền, mày mò đến mượn nó. Một hôm đầu tháng vừa lãnh lương dạy kèm, tôi mang 1,000 đồng gồm hai tờ bạc năm trăm mới toanh tới trả nợ. Cất tiền cẩn thận vào tủ, nó hỏi tôi,

“*Mi* còn tiền không, cho *tau* hai chục đồng.”

“Tao vừa trả mày một ngàn đồng đó, bộ hết tiền rồi hay sao?” tôi ngạc nhiên hỏi lại.

“*Lấy* hai chục ra, *hắn lệ tiềng* đi,” nó trả lời; từ đó “*Lệ Tiềng*” thành chết tên.

Bách Hoa đâm ra yêu ông thầy dạy kèm, và bà mẹ cũng khuyến khích nàng. Nàng lãng mạn mộng mơ, hay ghen tuông vô cớ, và thích chỉ huy sai khiến khiến Công điều đứng khổ sở. Liên hệ tình cảm với học trò dạy kèm – nỗi cơm của mình – là điều đại cấm kỵ đối với tôi và Song nên những lần ngồi uống cà-phê ở quán hủ tiếu đầu đường gần nhà trọ tôi, hai thằng trêu chọc Công không thương tiếc. Rồi một hôm nó nhận được tin dữ: Trong lần khám sức khỏe (bắt buộc) hằng năm, bác sĩ thấy vết nám trên bản chụp hình phổi bằng quang tuyến X, và ra lệnh

ngủ học ba tháng để tĩnh dưỡng, xem như tuyên án cậu sinh viên đệ nhất niên đầy triển vọng phải chịu ở lại lớp.

Tối hôm đó, ba thằng họp lại tại quán hủ tiếu. Chúng tôi quyết định không cho gia đình Công ngoài Huế biết nó phải nghỉ học. Tôi và Song sẽ lấy *cua* (bài giảng in *ronéo*) về cho nó học ở nhà và thay nhau giảng bài để đến cuối lục cá nguyệt, nó vào trường thi như các sinh viên khác. Xem như vẫn đi học bình thường. Giúp bạn thì giúp, nhưng “tội lỗi” không thể tha thứ; Song vặn hỏi,

“Có phải tại mày *may tay* quá độ mà bị nám phổi không?” “May tay” là tiếng lóng chỉ hành động dùng tay tự thỏa mãn tình dục của bọn con trai mới lớn.

“Cũng hơi có . . .” Công ngượng ngập trả lời.

“Mày mà ‘hơi có’ thì ai ‘*đêm bảy, ngày ba, ra vào thêm nếm không kể*’ cho? Coi hai cánh tay của mày, tay phải lớn hơn tay trái. Còn cái đường nào?” Song nói như thật.

“Đàn ông phải dâm dục mới là người thông minh. *Mi* coi gương Napoléon đó!”

Công gặng gượng biện hộ, trong lúc Song làm bộ nghiêm nghị.

“Hai đứa tao sẽ hết lòng giúp mày. Với một điều kiện.”

“Chuyện chi *tau* cũng chịu,” Công xuống nước.

“Cấm mày suốt ngày ăn xong rờ l... con Bách Hoa. Cứ tiếp tục làm vậy là chết sớm thôi con ơi!” Song cố nín cười.

Tôi bùi ngùi nói với Song,

“Mới đó mà đã gần bốn chục năm. Ra trường, thằng Công cưới con Bách Hoa rồi qua Mỹ học ngành điện toán. Con vợ cũng qua Mỹ theo. Nó thành công vượt bậc trong việc học hành và nghiên cứu khoa học rồi rút lui sống tu hành ẩn dật, nghiên cứu và thuyết giảng Phật pháp.”

“Có phải hồi xưa hồi xưa ở ngoài Huế, thằng *Lệ Tiềng* mê đạo Phật và dụ mày lên chùa học đạo với ‘sư phụ’ nó?

“Đúng vậy. Có lần hai thằng tao xin quy y mà thầy không cho.”

“Do đó, mày nhân từ và tốt bụng hơn hết trong đám bạn mình. Khổ nỗi chính vì lòng thương người của mày mà tao phải chạy đôn chạy đáo, hồi lộ từ trên xuống dưới để cứu con bạn mày và khỏi bị rắc rối với nhà nước.”

“Thấy dân mình đói khổ nên tao ngu xuẩn tin rằng dầu sao Việt Cộng cũng còn một chút lương tâm nghĩ tới phúc lợi của dân chúng. Tao đã lầm to,” tôi xin lỗi Song, trong khi chuyện cũ hiện lên trong tâm khảm như một cuốn phim quay chậm.

* * *

Việt Cộng (“VC”) vào, Song được “lưu dụng” làm việc tại công ty điện lực. Cuộc sống khắc nghiệt và khốn khó thúc đẩy vợ chồng nó đưa bốn đứa con, hai trai hai gái, đi vượt biên. Chuyển đi bại lộ, ghe bị công an biên phòng đuổi theo bắt được, vợ nó và hai bé gái út chết ngộp dưới khoang ghe, và nó bị bắt giam tù. Được thả sau hơn một năm ngồi tù và về Sài Gòn bị Điện lực đuổi, nó làm nghề sửa chữa động cơ điện và máy biến thế tư gia để sinh sống. Dần

dần, nó và vợ sau là Hải Quyên khuếch trương cơ sở thành công ty sản xuất dây điện từ dùng trong dụng cụ điện để cung cấp cho Điện lực và các cơ xưởng kỹ nghệ.

Song đã trở thành một kỹ nghệ gia có tầm tiếng, giàu có, và giao du rộng. Bạn học cũ của nó có đưa làm tới “trưởng phòng” (tương đương với phó tổng giám đốc ngày trước) của Điện lực. Ở Hoa kỳ, ngoài nhiệm vụ giám đốc kế hoạch ở công ty tiện ích, tôi được Tổ hợp Điện lực Trung-Lục địa (gọi tắt là MAPP) đề cử làm đại diện trong Tiểu ban Thẩm định Khả năng Đáng Tin cậy của hệ thống điện Bắc Mỹ (gọi tắt là RAS). Tiểu ban gồm đại diện mười vùng điện lực Bắc Mỹ trong đó MAPP là một, và đại diện hai chính phủ Hoa kỳ và Gia Nã Đại. RAS thẩm định mạng lưới liên kết Bắc Mỹ, phúc trình khuyết điểm có thể đưa tới các vụ cúp điện rộng lớn, và đề nghị những biện pháp phòng ngừa.

Trong các phiên họp hàng tháng của RAS, tôi hợp ý và kết bạn với Douglas, đại diện chính phủ Gia Nã Đại. Anh là giám đốc nha Năng lượng thuộc bộ Tài nguyên Thiên nhiên Gia Nã Đại và cai quản chương trình viện trợ các dự án điện lực cho những nước kém mở mang như Mozambique, Tanzania, và Zambia ở Phi châu. Một hôm đi ăn tối cùng với nhóm RAS, anh kể chuyện đứa con trai út cưng tên Peter. Cậu vừa tốt nghiệp đại học, được trường y khoa thu nhận, và sẽ tạm nghỉ một năm (gọi là “gap year,” hay “năm kẽ hở”) để đi du lịch và thu thập kinh nghiệm sống trước khi vào học y khoa. Cậu dự định viếng thăm Đông nam Á trước tiên, Douglas hỏi tôi,

“Anh khuyên cháu nên làm gì để sửa soạn cho chuyến đi này?”

Biết ý Douglas nhờ tôi giúp đỡ khi con anh đến Việt nam, tôi khắp khởi mừng thầm. Peter có thể là cái *tuy-dô* (tiếng Pháp “tuyau” là đường dây thế lực) rất lớn để Điện lực bên Việt nam tiếp xúc với Douglas và xin viện trợ của Gia Nã Đại. Tôi ghét cay ghét đắng bọn VC cầm quyền, nhưng không đành lòng bỏ quá các dự án điện lực, mỗi dự án trị giá từ năm, bảy trăm triệu đến một tỉ đô la, có thể giúp đồng bào bên nhà bớt khổ. Sau buổi họp RAS đó, tôi viết ngay điện thư cho Song, trình bày cơ hội hiếm có, và mong nó và các bạn làm Điện lực cố gắng thực hiện. Nó viết trả lời,

Tao và các bạn mình hoàn toàn đồng ý với mày. Mày nói với ông Douglas là tụi tao sẽ hết lòng khoản đãi và hướng dẫn Peter đi xem phong cảnh khi cậu ta đến Việt nam. Tao sẽ cho người đưa cậu đi viếng cảnh Sài gòn, Đà Lạt, và Huế. Tụi tao sẽ không bỏ lỡ dịp này đâu!

Douglas cho biết chương trình thăm viếng của Peter: Tháng Mười, cậu bay từ Ottawa thủ đô Gia Nã Đại sang Thái Lan và Cam Bốt rồi đến Việt nam, và sau đó đi Trung hoa và Nhật Bản. Tôi và các bạn cũng như cậu sinh viên trẻ không thể ngờ được rằng các sự biến chính trị quốc tế lại gây khó khăn rối rắm cho kẻ có nhiệt tâm.

Đầu tiên, cuối tháng Tư, Hà nội thành linh hành quyết bà Trần thị Liên người Gia Nã Đại gốc Việt bị giam giữ về tội buôn bạch phiến, mặc dù chính phủ Gia Nã Đại đã yêu cầu VC xét lại. Bà Liên đã một mực kêu oan, nói mình và bà mẹ 74 tuổi bị người ta lừa nhờ mang bạch phiến giấu, nhưng bà không hề hay biết. Chính phủ Gia Nã Đại phản đối mạnh mẽ và tạm ngưng các

chương trình viện trợ kinh tế, quan hệ giữa hai nước rất căng thẳng, và du khách mang thông hành Gia Nã Đại như Peter bị công an VC làm khó để đủ điều ở các phi trường.

Từ Nam Vang, Peter bay sang phi trường Tân Sơn Nhứt nhằm tuần lễ Tổng thống Hoa kỳ Bill Clinton viếng thăm Việt nam. Chuyến công du sẽ mở đường cho doanh nhân Hoa kỳ và thế giới vào đầu tư, giúp mở mang kinh tế, và cứu gần 100 triệu dân Việt nam sắp bị chết đói. Mời được Clinton sang thăm, bọn chóp bu VC sướng muốn chết, nhưng làm bộ lạnh nhạt với “đế quốc Mỹ.” Chúng chỉ chào mừng Clinton bằng một tấm biểu ngữ và chỉ loan báo chuyến công du của ông bằng bản tin trên đài truyền thanh và truyền hình. Không dè, ở Hà nội cũng như Sài gòn, hàng vạn người dân ùa ra đường chen nhau chào đón và bắt tay vị tổng thống trẻ tuổi đẹp trai và bình dị. Hà nội đâm ra hoảng hốt, sợ dân chúng thừa dịp biểu tình đòi nhân quyền và chống chính phủ, và ra lệnh cho công an ráo riết canh phòng bọn “phản động.”

Mặt khác, lựa lúc Clinton sang Việt nam, người anh hùng Lê Táng ra tay hành động. Anh sinh năm 1946 tại Huế và vốn là phi công quân đội Việt nam Cộng hòa. Năm 1975 máy bay anh bị bắn rơi, và anh bị bắt và giam tù “cải tạo.” Năm năm sau, anh vượt ngục rồi vượt biên bằng đường bộ đến Thái Lan qua ngã Cam Bốt, xin tỵ nạn chính trị tại Singapore, và đến Hoa kỳ tỵ nạn. Anh đã vài lần tổ chức cướp máy bay để rải truyền đơn chống Cộng ở một số quốc gia Cộng sản. Lần này, anh sang Thái Lan giả vờ học lái máy bay, lấy phi cơ bay về Sài gòn, và thả 50 ngàn tờ truyền đơn ký tên “Liên minh Toàn cầu Nổi Dậy Chống Cộng” hô hào dân chúng đứng lên lật đổ chính quyền VC. Việc này khiến cho toàn bộ hệ thống công an báo động, túa ra khắp nơi truy lùng “gián điệp và tay sai đế quốc.”

Không hay biết chiếc bấy giăng sẵn chờ mình, Peter vô tư đến Sài gòn, vào khách sạn, và như đã hẹn, gọi điện thoại cho Song. Đang bị công an bố trí canh chừng cẩn mật, bạn tôi nói ngay, “Chúng tôi không thể gặp cậu. Cậu phải cẩn thận và cần khai thực là không hề quen biết chúng tôi.”

“Tại sao?” Peter chưng hửng.

“Bạn tôi bên Mỹ sẽ giải thích cho cha cậu biết sau. Chúc cậu may mắn!”

Ngay sau đó, công an ập vào “mời” Peter về trụ sở “làm việc.” Sau hai ngày đêm bị tra hỏi gắt gao, nhưng không có gì để cung khai, Peter bị giải ra phi trường đưa ra Hà nội rồi đẩy sang Trung hoa. Song phải chạy chọt, nộp khối tiền hối lộ cho bọn công an lớn nhỏ, và trả tiền vé cho các chuyến bay được chỉ định để cậu rời Việt nam an toàn.

Nghĩ lại, chỉ một ý định giúp đồng bào mà xuýt gây họa cho bạn bè. Đã hai thứ tóc trên đầu, tôi còn *làm chuyện tào lao*! Sao không nhớ VC là bọn vô lương tâm?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 8 tháng Mười, 2025

Ba Thằng Bạ Đà Lạt

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sau một tuần ở Sài Gòn, khi nổi háo hức trở về quê cũ và niềm vui gặp lại bạn bè dịu xuống, tôi ho dữ dội về đêm và ngại ngủ khi phải ra ngoài. Bụi bặm và khói xe dày đặc đến nỗi chỉ một ngày đi đầu trần ngoài đường, tối về tôi thấy tóc mình dính bột như thể được chải *bi-dăng-tin* (tiếng Pháp “brilliantine”). Xe cộ, phần lớn là xe gắn máy, mạnh ai nấy chạy, giành đường nhào tới bất chấp luật lệ lưu thông, và nhấn còi tin tin liên tục, không cần biết có ai nghe hay không. Người ta đội mũ mang khăn che kín mặt trông như quái vật từ hành tinh lạ. Trong khi đó, các nhà và cửa tiệm mở máy hát hết cỡ từ sáng sớm đến đêm khuya, và âm thanh hỗn độn vang dậy từ ngõ hẻm đến đường phố. Có lẽ vì vậy dân Sài Gòn nói chuyện lớn tiếng như hét vào mặt nhau.

Ra đường, tôi luôn luôn bị gọi giật lại mời mua một thứ gì đó. Khi tôi từ chối, “Dạ không, cảm ơn,” trẻ em cũng như người lớn đều nặng lời mắng nhiếc, “Đồ ‘Việt kiều’ gì mà . . .” (Có lẽ có một tấm biển “Việt kiều” vô hình nào đó trên trán hay sau lưng tôi!) May thay, trong hai tuần lễ còn lại, tôi không còn chịu khổ sở ở “thành phố đã mất tên” này bao nhiêu ngày nữa. Chúng tôi đã thuê khoán chiếc xe du lịch có tài xế để đi thăm miền Trung và sau đó bay ra Hà Nội xem miền Bắc một lần cho biết.

Trước khi chúng tôi lên đường, vợ chồng Lộc hẹn đi ăn phở ở tiệm phở Tàu Bay trên đường Lý Thái Tổ để chia tay vì hai người cũng sẽ trở về Đà Lạt. Nếu Tàu Bay là tiệm phở quen thuộc của tôi và Lộc thời đi học, Trâm Anh vợ Lộc cũng không phải là người xa lạ. Trong chuyến du khảo nhà máy thủy điện Đa Nhim cuối năm đệ tam niên trường kỹ sư, bọn sinh viên Điện chúng tôi có dịp sinh hoạt với sinh viên các ký túc xá của viện Đại học Đà Lạt, và trước khi buổi sinh hoạt bắt đầu, cô cháu họ Nhật Lệ gọi tôi bằng “ông” đưa Trâm Anh tới giới thiệu với tôi trong lúc Lộc đứng kế bên,

“Trâm Anh học sư phạm ở chung phòng với em. *Hắn* quê Tuy Hòa và hay nghe em kể về *ông* nên muốn làm quen.” Tôi nhớ ra Trâm Anh trước học trường trung học Nguyễn Huệ Tuy Hòa và có tên trong danh sách “những cô gái đẹp nhất” của Sang em kể tôi.

“Hân hạnh được biết Trâm Anh,” tôi lúng túng cười duyên.

“*Ông* *tau* biết danh và hâm mộ *mi* lắm,” Nhật Lệ tặng bốc bạn.

“Anh *Ba Hoa* ở Tuy Hòa ai mà không biết. Sao lâu nay không thấy anh về chơi?” giọng Phú Yên riu rít và cất lên cao ở cuối câu của Trâm Anh nghe như chim hót.

Không dè, Lộc bị tiếng sét ái tình đánh trúng ngay phút đầu tiên gặp mặt Trâm Anh. Lộc làm quản trò điều khiển chương trình nhưng mắt không rời cô thiếu nữ xinh đẹp dịu dàng như muốn ghi khắc từng dáng điệu cử chỉ của nàng. Bạ tôi đã tìm thấy đối tượng yêu thương. Hè năm sau, sau khi chúng tôi tốt nghiệp, tôi trở lại Tuy Hòa làm phù rể cho đám cưới của hai người, và Nhật Lệ là một trong bốn cô phù dâu.

Trâm Anh cảm động mắt chớp chớp mắt khi tôi nhắc lại cuộc gặp gỡ định mệnh hơn 35 năm trước. Đêm ấy, trên đỉnh đồi cao vắng lặng, từng cặp nam nữ sinh viên Điện và Đà Lạt xen kẽ nắm tay nhau bước quanh lửa trại bập bùng và hát to bài “Việt nam Quê hương Ngạo nghễ,”

Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn

Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang vang

Lê sau bàn chân gông xiềng một thời xa xăm

Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kê vòng xoàng . . .

Tác giả bài hát là Vinh, bạn thân của Lộc từ ngày học trường trung học Trần Hưng Đạo Đà Lạt; hai đứa đồng hành trong các sinh hoạt hướng đạo, văn nghệ, và về sau là du ca. Khoảng hai năm trước đêm lửa trại của chúng tôi, chính hai đứa đã góp phần thành lập Du ca Việt nam, một tổ chức thanh niên có mục đích giáo dục thế hệ trẻ bằng cách trình diễn văn nghệ và hoạt động cộng đồng, và Lộc giữ chức vụ chủ tịch lâm thời trước khi phong trào họp đại hội bầu chủ tịch chính thức.

Vinh sinh năm 1944 tại Sơn Tây là con áp út trong một gia đình sáu anh chị em – ba trai, ba gái, cha làm giáo chức. Lúc nhỏ Vinh theo chân cha mẹ di chuyển và sống ở nhiều nơi. Trước Hiệp định Genève 1954 ba tháng, nó và đứa em út theo cha mẹ vào Sài gòn, người anh cả và ba người chị kẹt lại ngoài Bắc. Rồi cha đổi về Đà Lạt, ở đó nó học trung học rồi lên đại học học khóa đầu tiên trường Chánh trị Kinh doanh Đà Lạt.

Vinh có năng khiếu âm nhạc và ham mê sáng tác từ ngày mới lớn; ca khúc đầu tay là bài hát hướng đạo “Gương Thiêng Hào kiệt.” Đầu thập niên 1960, nó chuyển hướng sáng tác sang chủ đề “Tuổi Trẻ, Quê hương, và Dân tộc” diễn tả suy tư của một thế hệ sinh ra và lớn lên trong chiến tranh với những bài “trầm ca,” tức là bài hát trầm tư; tiêu biểu là bài “Nỗi Buồn Nhược tiểu.” Nó cùng một số bạn cựu học sinh Trần Hưng Đạo lập một ban nhạc không tên, không chuyên nghiệp trình diễn tự nguyện với phong cách mới mẻ: Người tham dự không chỉ nghe hát và vỗ tay tán thưởng mà cùng hát với nhạc sĩ trên sân khấu theo tình thần “hát hay không bằng hay hát,” “hát với nhau,” và “cùng nhau hát.”

Tháng Chạp năm 1965, ban nhạc chính thức ra mắt bằng hai buổi trình diễn tại viện Đại học Đà Lạt: Đêm đầu tại giảng đường Spellman với sự tham gia của Phạm Duy, ông hát những bài “Tâm ca” mới sáng tác. Đêm sau tại giảng đường Thụ Nhân với xuất hiện của ca sĩ hát dân ca Hương Anh; sau đó cô gia nhập và trở thành giọng nữ duy nhất của ban nhạc. Rồi ban nhạc lấy tên Trầm Ca; đó là khởi điểm của phong trào du ca.

Trong thời gian này, tôi theo Lộc lên Đà Lạt chơi mỗi lần nó về thăm nhà, và quen thân với Vinh và thằng bạn thân kia của Lộc là Liễn sinh viên văn khoa hát trong ban Trầm Ca. Bốn thằng thích ra tiệm Shanghai gần chợ Hòa bình uống trà sữa, thức uống thông dụng của sinh viên địa phương. Tôi thường phải làm “đầu tàu” trả tiền vì ba chàng nghệ sĩ du ca còn nương tựa cha mẹ, trong khi dù bỏ nhà đi bụi đời nghèo xác xơ, tôi đi dạy tư và có tiền riêng.

Tốt nghiệp Cử nhân Chánh trị Kinh doanh, Vinh dự thi kỳ thi tuyển tham vụ ngân hàng (để làm giám đốc ngân hàng tại các chi nhánh địa phương) của Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp đặt

trụ sở tại bến Bạch Đằng Sài Gòn. Nó đậu cao và được chọn phục vụ tại sở Kế hoạch tại trung ương. Khi thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn chấm dứt, nó bị gọi nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức, ra trường với cấp bậc chuẩn úy, và được biệt phái về làm việc tại nhiệm sở cũ.

Việt Cộng (“VC”) vào, Vinh bị đi tù “cải tạo” ba năm. Ra tù ít lâu, nó dắt vợ con vượt biên đến trại Pulau Bidong ở Mã Lai Á rồi sang Hoa kỳ tỵ nạn, định cư tại khu Little Saigon ở nam California. Sau khi lần lượt làm giám đốc trị sự, chủ bút, và tổng giám đốc nhật báo *Ngàn Việt* là tờ báo nổi tiếng nhất của người Việt hải ngoại, nó sáng lập nhật báo *Trường Xuân* rồi cộng tác với bạn bè lập một công ty truyền thông và làm một số tờ báo khác.

* * *

Bốn người chúng tôi vừa ăn vừa chuyện trò rộn ràng, từ chuyện cũ đến chuyện mới. Nhắc lại người bạn thân thiết ngày xưa, Lộc hỏi tôi,

“Qua bên Mỹ, mày hay liên lạc với thằng Vinh không?”

“Nó ở Little Saigon là nơi đô hội của người Việt và được mọi người biết tên biết tiếng. Tao ở xứ North Dakota hẻo lánh xa xôi và chẳng ai thèm biết tới. Hai thằng hai thế giới khác nhau nên ít có cơ hội gặp gỡ,” tôi lắc đầu.

“Năm kia, vợ chồng nó về Đà Lạt ăn tết, nó nói có lần mày gọi điện thoại hỏi lăng quăng gì đó mà nó không nhớ.”

“Ờ, đó là lần NASA phóng Viễn vọng kính Không gian Hubble lên không gian,” tôi nhớ ra, “Tạp chí *Xxxx Việt* ở Toronto [Gia Nã Đại] kêu tao viết một bài về biến cố khoa học trọng đại đó, và tao gọi cho thằng Vinh để hỏi lời một bài hát.” NASA là Tổng nha Hàng không và Không gian Quốc gia Hoa kỳ.

Viễn vọng kính nói chung là dụng cụ dùng để quan sát “sao trên trời” nên để bài báo bớt khô khan, tôi dự định dặm thêm một số câu trong bài hát “Bài Ca Sao.” Tôi chỉ nhớ lõm bõm lời bài hát nên gọi điện thoại hỏi Vinh vì tưởng nó là tác giả. Gọi nó tại nhà đến lần thứ ba mới gặp; buổi tối nó vừa đi nhậu với bạn về, còn say rượu, và nói không nhớ lời vì tác giả là người khác – Phạm Duy. Tôi gọi Phạm Duy và lần này được ông niềm nở đọc lời cho tôi chép và hát cả bài từ đầu đến cuối cho tôi nghe. Kết quả là bài viết của tôi mở đầu với bốn câu đầu của bài “Bài Ca Sao,”

*Sao Tua chín cái nằm kề,
Thương em từ thuở mẹ về với cha.
Sao Vua sáu cái nằm xa,
Thương em từ thuở người ra người vào.*

Tôi nhớ đến Liễn và hỏi Lộc,

“Thằng Liễn vẫn ở Đà Lạt? Tao nghe nói bây giờ nó có họ mới và thành Mạc Thái Liễn, thay vì Huỳnh Thái Liễn như xưa.”

“Cha nó họ Mạc người Thanh Hóa và mẹ nó người Hà Tĩnh vào Di Linh tỉnh Lâm Đồng lập nghiệp. Khi bà mẹ mang thai nó, người cha theo Việt Minh đi kháng chiến biệt tích. Bà mẹ sinh nó rồi tái giá. Từ nhỏ đến lớn, nó sống với cha dượng và mấy người em cùng mẹ khác cha, và

mang họ Huỳnh của ông. Mãi đến năm 1975 gặp mặt cha ruột, nó mới đổi họ thành Mạc như ông ta,” Lộc giải thích.

Ngày gặp Liễn, tôi mơ hồ biết nó sống và học trung học đệ nhất cấp ở Di Linh đến năm 14 tuổi mới lên Đà Lạt học Trần Hưng Đạo và sau đó học triết tại Đại học Văn khoa Đà Lạt. Dáng người bé nhỏ, nó ăn mặc diêm dúa, và áo quần lúc nào cũng đúng *mốt*. Cha dượng và mẹ nó giàu có, làm chủ một khách sạn khá lớn ở dốc đường Hai Bà Trưng dẫn lên chợ Hòa bình.

Tốt nghiệp Cử nhân Giáo khoa Triết, Liễn về Sài Gòn học cao học tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Sau hai năm, không hoàn tất tiểu luận cao học, nó bỏ dở và nhờ gia đình vận động, được nhận làm phụ khảo tại Đại học Văn khoa Đà Lạt. Khoảng một năm sau, thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn chấm dứt, nó bị gọi nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức. Ngày ra trường, thay vì trình diện đơn vị chờ viện đại học can thiệp với bộ Quốc phòng cho biệt phái về trường dạy lại, nó đào ngũ và nhảy vô *bưng* theo VC.

Những năm đầu thời VC, Liễn bị bỏ xó. Chúng tôi nói những người học triết như nó đã bị nhiễm độc về mặt tư tưởng và cần học hỏi thuần nhuần triết học Marx - Lenin mới có thể giao công tác. Nó để ra gần ba năm đi học “trường Đảng” và được cấp bằng “Đại học Sư phạm Chính trị” để được phép dạy trung học. Bị gây khó dễ đủ điều khi dạy học, nó xin chuyển sang làm việc cho thành phố Đà Lạt, ra ứng cử hội đồng Nhân dân Thành phố và đắc cử chức phó chủ tịch, và chỉ làm một nhiệm kỳ thì rút lui.

Cuối thập niên 1980, Liễn và các bạn trong hội Văn nghệ Lâm Đồng chủ trương tạp chí *Lang Bian* (Lâm Viên). Tờ báo chỉ ra được ba số, nhưng gây được một tiếng vang lớn. Trên tờ *Lang Bian*, nó viết một bức thư nẩy lửa cho ban chấp hành Hội (do nhà nước điều khiển) nêu ra cơ chế bất hợp lý và vi phạm dân chủ trong chính sách của nhà nước. Một điều tối cấm kỵ! Giữa thập niên 1990, nó công khai bất đồng chính kiến với nhà nước và là một trong bốn thành viên đầu tiên của nhóm “bất đồng” Thân hữu Đà Lạt. Ba người kia là Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, và Tiêu Dao Bảo Cự. Bất đồng quan điểm với nhà nước VC không phải dễ dàng. Bị gây khó khăn liên tục, theo dõi từng bước đi, và đe dọa tù đầy, nhưng Liễn không lùi bước.

Thời cuộc đổi thay, *ba thằng bạn Đà Lạt* năm xưa mỗi đứa mang một số phận khác nhau. Nhưng khi nhớ lại, tôi vẫn thấy ba đứa ôm đàn đứng bên nhau hát trên cái sân khấu nhỏ ở thành phố mù sương năm ấy. Và rốt cuộc, chính ký ức đó mới là điều còn lại.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 29 tháng Mười, 2025

Nhớ Nhau Suốt Đời

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Xong việc ở Sài Gòn, chúng tôi thuê chiếc xe du lịch có tài xế để đi dọc theo Quốc lộ 1 ra miền Trung, vùng đất tôi đã sống những năm tháng dài hạnh phúc lẫn buồn tênh. Con quốc lộ trông tiêu điều hơn xưa vì lỗ chỗ ổ gà, hai bên đường nhà cửa xây cất lộn xộn, và người ta đi lại tấp nập, nhưng – giống như ở Sài Gòn – tôi chỉ thấy những bộ mặt hốc hác lo âu. Không có lấy một nụ cười. Rời Sài Gòn, chúng tôi theo xa lộ Biên Hòa, đến Long Khánh, và cuối cùng dừng lại ở Phan Thiết để nghỉ đêm đầu tiên. Buổi tối, bạn Quỳnh Châu sẽ tổ chức họp mặt đón mừng chúng tôi.

Ngày xưa tôi ghé Phan Thiết khoảng chục lần, số lần buồn nhiều hơn vui. Trong ký ức, Phan Thiết là thành phố êm đềm thơ mộng với sông Mương Mán uốn mình chảy qua và ba cây cầu bắc qua sông, nối tả ngạn và hữu ngạn. Tả ngạn là khu hành chánh gồm tòa Hành chánh Tỉnh và Tiểu khu Bình Thuận, các ty sở chính phủ, nhà ga, bệnh viện, trường học, và bến xe đò. Hữu ngạn là khu thương mại gồm chợ lớn, rạp hát, ngân hàng, và cửa hàng mua bán. Đường Huyền Trân Công chúa từ dốc tòa Hành chánh đổ xuống, chạy dọc bờ sông, và dẫn tới bãi biển Thương chánh.

Chúng tôi vào ngã bảy trung tâm thành phố khoảng xế trưa và theo đường Gia Long đến tiệm Nam Thạnh Lầu gần vườn hoa cạnh bờ sông và cầu Quan để ăn trưa. Sau đó, đi xuống biển tới khách sạn Đồi Dương nhìn ra bãi biển Đồi Dương, tên bãi biển mới đặt sau năm 1975 nên tôi mới nghe lần đầu. Ghi tên vào khách sạn, chúng tôi phải trả tiền phòng bằng năm lần số tiền ghi trên giá biểu với lý do, “Anh chị là ‘Việt kiều’ nước ngoài về.”

Trong lúc Quỳnh Châu hối hả nhờ tài xế đưa đi gặp bạn, tôi đi bộ ra bãi biển bên kia đường. Nhằm ngày biển động, trời u ám, gió thổi phần phật, và nước biển đục ngầu. Tôi ngồi dưới gốc cây dương nhìn ra khơi và suy nghĩ mông lung. Một lát sau, một cô bé chừng 11, 12 tuổi, dáng gầy gò, và khuôn mặt tương đối sáng sủa bưng chiếc khay có những miếng xoài và cốc cắt sẵn đến trước mặt tôi,

“Chú mua giùm cho con một miếng. Sáng giờ con chưa bán được miếng nào, đói bụng quá mà chưa được ăn cơm.”

Tôi biết cô bé nói dối vì khay xoài và cốc trên tay cô đã vơi hơn một nửa. Tôi lắc đầu vì xưa nay không thích ăn các thức ăn vặt này. Hơn nữa, ở Sài Gòn, Song bạn tôi không ngót căn dặn,

“Không được ăn hay uống thứ gì chưa nấu chín vì ‘bộ máy’ của tụi mày lâu nay quen với môi trường bên Mỹ, không có tính miễn nhiễm của bọn *cù trâu* [nhà quê hay cả dân] như tụi tao. Ăn uống bậy bạ bị *Tào Tháo đuổi* cho đến khi về Mỹ thì rán mà chịu.”

Ngay cả Coca-Cola tôi có thói quen uống khi ăn trưa, Song cũng bắt tôi cầm nguyên chai (đã để lạnh) đưa lên miệng tu mà không được rót ra ly uống với nước đá, vì nước đá làm bằng nước không tinh khiết. (Nước Coca-Cola được khử trùng trước khi cho vào chai.)

Nhưng không dễ gì mà cô bé bán hàng chịu bỏ cuộc. Cô tiếp tục nài nỉ than van như thể nếu tôi không mua cô sẽ chết đói tới nơi. Tôi nhớ ra lúc chia tay, Song nhét vào túi tôi một xấp giấy bạc năm ngàn đồng tiền Hồ Chí Minh mặt sau in hình nhà máy thủy điện Trị An, mỗi tờ bằng khoảng 30 xu Mỹ, và nói, “Mày giữ đó, sẽ có dịp dùng.” Tôi rút ra một tờ tiền Hồ đưa cho cô bé, “Tôi không ăn các thứ đó. Cho em năm ngàn, để cho tôi yên *nghen*.”

Cô bé cầm tiền quày quã đi. Vài phút sau cô trở lại và dẫn theo bốn cô bạn, cô nào cũng bưng khay bán đồ ăn vặt và xúm lại mời tôi mua. Tôi từ chối thì bị các cô phàn nàn dai như giẻ rách, “Chú mua của nó, sao không mua giùm con? *Dzậy* là không công bằng.”

Họ van vỉ không dứt. Tôi đành xùy ra cho mỗi cô một tờ tiền Hồ để họ đi cho khuất mắt. Tôi lằm to! Chỉ một lát sau, một nhóm ba cô lớn tuổi hơn, trạc 17, 18 tuổi, mang khay bán kính mát đến mời tôi mua, mỗi chiếc giá 50 ngàn đồng (khoảng ba đô la Mỹ). Kính mang nhãn hiệu nổi tiếng như Ray-Ban, Oakley, và Maui Jim, nhưng xấu xí và làm dối hơn cả đồ chơi trẻ con ở Hoa kỳ. Mỗi chiếc kèm theo một tờ quảng cáo nhỏ bằng tiếng Anh đầy lỗi chính tả và viết văn phạm sai bét. Các cô này mạnh dạn hơn, có vẻ thuyết phục hơn, và dai dẳng hơn. Rốt cuộc tôi phải nộp cho mỗi cô hai tờ tiền Hồ (khoảng 60 xu Mỹ), xem như *bỏ của chạy lấy người*.

Tôi vội vã rời bãi biển đi về hướng tây, tìm đường Huyền Trân Công chúa, rẽ lên hướng phố, và cuối cùng tới khu nhà dì Lang trong xóm Thương chánh năm xưa tôi từng ghé lại. Dì là mẹ của Quan, em cùng cha khác mẹ của tôi.

Mẹ kể ngày tôi chưa đầy ba tuổi, cha đóng đồn ở Đồng Hới là tỉnh lỵ của Quảng Bình, gia đình sống ở làng Đồng Phú kế cận thành phố, và mẹ có bầu Sang em kế tôi. Giống như phần lớn đàn ông có chút địa vị thời đó, cha dở thói hoang đàng *trai gái* với dì Lang, một thiếu nữ xinh đẹp trạc tuổi mẹ bán hàng gần đồn lính. Cuộc trăng hoa của cha mang lại một bé trai, em ra đời sau Sang sáu tháng. Khi chuyện vỡ lở, thay vì làm rùm beng hay đi đánh ghen như nhiều người khác, mẹ – người đàn bà nhân hậu một lòng nghĩ đến gia đình và máu mủ của chồng – vào Đồng Hới tìm gặp dì, đề nghị tặng một số tiền để dì làm vốn đi lấy chồng, và xin “bắt con” để bé được đoàn tụ với ba đứa anh của bé. Dì quyết liệt từ chối và sau đó bỗng con đi mất.

Mười bốn năm sau, khi tôi học đệ nhất (lớp 12) ở Ban Mê Thuật (“BMT”) và chuyện xưa hầu như chìm vào quên lãng, mẹ bất ngờ biết tin tức dì Lang nhờ Trung úy Sơn vừa chuyển từ Phan Thiết về BMT làm việc dưới quyền cha. Ngày ở Huế, anh đã làm lễ hỏi với người cô họ tôi, nhưng không biết vì lý do gì nhà gái thoái hôn. Sau đó tình nguyện nhập ngũ vào Liên trường Võ khoa Thủ Đức, ra trường phục vụ ở Phan Thiết, và lấy vợ người Phan Thiết. Anh đưa chị đến thăm mẹ; hai người gọi mẹ bằng “chị” và xưng “em.” Đúng ra, tôi phải gọi anh bằng “dượng” (hụt), nhưng nghe không ổn nên gọi “anh” như trước khi anh và o tôi đính ước.

Chị Sơn quen thân với dì Lang và đã được dì kể lại ngày đó dì theo dân đánh cá làng Tam Tòa thuộc Đồng Hới di cư vào Phan Thiết. Dì lập gia đình với một công chức sở Thương chánh lớn hơn dì 15 tuổi, một mực thương yêu dì, và nhận bé Quan làm con. (Bấy giờ mẹ mới biết tên em.) Dì sinh thêm một cô con gái. Mẹ nhờ chị Sơn dàn xếp với dì để đưa Quan lên BMT sống

với gia đình tôi một tháng “cho anh em *hắn* biết nhau.” Ở BMT, Quan rất mực vâng lời Sang dù chỉ nhỏ hơn sáu tháng và chiều chuộng Bình (cô “công chúa” duy nhất) và hai đứa em út.

Hè năm sau, lúc gia đình đã dọn về Tuy Hòa và tôi đã về Sài Gòn học, Quan lại được gửi ra Tuy Hòa chơi một tháng. Em cúi đầu lặng thinh khi bị cha mắng chửi vì học hành không tới đâu, đến tuổi động viên mà không có bằng Tú tài I, và sẽ phải đi trung sĩ. Về lại Phan Thiết, em tình nguyện gia nhập Hải quân và được đưa vào Sài Gòn học khóa huấn luyện hạ sĩ quan ở Hải quân Công xưởng. Bấy giờ tôi mới gặp em. Mỗi cuối tuần đi phép, em về ở với tôi và Bình (lúc này vào Sài Gòn học trường nữ trung học Gia Long). Có thêm đứa em trai dễ mến như Quan, tôi vui sướng không biết để đâu cho hết. Cám ơn Trời!

Ba tháng quân trường đi qua, mần khóa Quan được đổi về giang đoàn tuần thám thuộc bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân ở Nha Trang. Không tới nửa năm sau, tin dữ lại đến: Trong một chuyến hành quân, giang đình của em bị du kích Việt Cộng phục kích trên bờ biển sủ, và em bị thiệt mạng. Em là đứa con thứ hai của gia đình hy sinh vì tổ quốc; hai năm trước anh Quang tử trận trên chiến trường Cao nguyên. Em và tôi gặp nhau chưa bao lâu mà đã ly biệt!

Tôi và Bình ra Phan Thiết đưa đám Quan. Dì Lang ôm tôi và Bình khóc vùi, và dượng (chồng dì) mắt đỏ hoe. Từ đó, mỗi lần có dịp ghé Phan Thiết, tôi đều ghé thăm dì dượng và thắp hương trên bàn thờ em.

* * *

Tôi tới nhà dì Lang và hỏi thăm dì, nhưng người chủ nhà chửi thề và xua đuổi bằng lời lẽ tục tĩu với thứ giọng Bắc the thé nghe rất chói tai. Tôi đoán anh ta là cán bộ ngoài Bắc vào, được cấp ngôi nhà đã cướp đoạt của dì dượng. Tôi thất vọng, lủi thủi trở về thì một trong ba cô gái bán kính mát ngoài bãi biển chặn tôi lại. Nãy giờ cô lẽo đẽo đi sau tôi, có thể vì tò mò hay hy vọng vò thêm ít tiền của “chú” “Việt kiều” bơ ngơ báo oán. Cô cười cầu tài,

“Con biết bà Lang ở đâu. Chú đưa đây 30 ngàn, con dẫn chú tới nhà *bả*.” Tôi tính nhẩm, 30 ngàn tiền Hồ khoảng hai đô la Mỹ.

“Thật không?” tôi nửa tin nửa ngờ.

“Bảo đảm mà! Con mà nói láo cho Thiên lôi cầm búa đánh cả nhà con tan xác!” cô cam kết và thề độc.

Tôi khấp khởi mừng thầm, lục túi lấy tiền đưa cho cô gái. Cô dẫn tôi đi ngược đường Huyện Trần Công chúa ra hướng bãi Thương chánh, đến một cái chòi nhỏ gần biển, và chạy vào trong thông báo. Một thiếu phụ trạc tứ tuần dáng người khắc khổ bước ra nhìn tôi từ đầu đến chân rồi quay mặt vào trong la lớn,

“Anh *Ba Hoa*! Má ơi, anh *Ba Hoa* đến thăm mình nè.”

“*Ba Hoa* mô? *Tau* không biết ai tên *nớ* hết,” tiếng đàn bà nói giọng Quảng Bình trong chòi vọng ra.

Tôi nhận ra người ra gặp tôi là em cùng mẹ khác cha của Quan. Ngày đám tang em, cô mới năm, sáu tuổi. Tôi hỏi,

“Có phải dì Lang trong nhà không? Dì khỏe không em?”

“Dạ má em đó anh. Năm nay má tám chục tuổi, đau yếu rề rề, và tâm trí lú lẫn, không nhớ gì hết. Nhưng má quên chuyện buồn là may. Năm 1975, họ vô họ bắt ba là ‘ngụy quyền’ đi ‘học tập cải tạo.’ Ba tuổi già sức yếu lâm bệnh nặng chết biệt tăm trong trại Hàm Tân. Họ lại lấy có anh Quan là ‘ngụy quân’ đánh trận và chết cho ‘giặc Mỹ’ để tịch thu nhà cửa và tài sản của má. Hai bàn tay trắng, má con em ra đây cất chòi che mưa che nắng, và em buôn bán lật vật sống lây lất bữa đói bữa no.”

“Em là Liên phải không?” tôi rón cầm nước mắt trước nỗi khổ của mẹ con dì Lang, “Ngày anh gặp em, em còn nhỏ xíu. Em có gia đình chưa?”

“Thứ nghèo *mạt rệp* như em, thời buổi này ai mà thèm anh ơ!”

Tôi theo Liên bước vào chòi và thấy một bà lão gầy khẳng khiu, mặt nhăn nheo không thoáng một nét tinh anh, ngồi trên chiếc đòn gỗ trên sàn cát. Tôi chào dì Lang,

“Thưa dì, dì nhớ con không?”

“*Eng* [anh] là ai, tới nhà *tui* có việc *chi*?” tiếng nói của dì như vọng về từ một cõi xa xăm nào đó.

“Dạ, con là *Ba Hoa*, con của ông Thông bạn của dì ngày xưa.” “Thông” là tên cha.

“Ồ, *eng* Thông của *tui* hả? *Răng chừ eng tra khắn* [già cần cỏi] *rứa*? Nhưng không *răng mô*, *eng* khi *mô* cũng là *ông* hoàng đẹp trai trong lòng *tui*. *Eng ưng* [muốn] *chi*, *tui* có *tui* cho *eng* liền. Có thằng con trai *tui* *nưng như nưng trứng*, *hứng như hứng bông* *tui* cũng bắt đi thăm *eng*, *eng* có la có chười, *hắn* cũng phải *cắm* [cắn] *răng* mà chịu. *Eng* có biết *tui* thương *eng* tới chừng *mô* không? *Tui* có chết đi, kiếp sau đầu thai, cũng một lòng thương *eng* như *rứa* thôi.”

Với bà lão tám mươi bệnh hoạn, mất trí nhớ, và quên hết quá khứ, và chỉ nhớ hình bóng cha là tình yêu đầu đời, tôi không nỡ báo tin cha đã qua đời hơn 20 năm. Trước khi từ giã, tôi đưa cho Liên chiếc phong bì đựng tiền Quỳnh Châu đã sửa soạn sẵn, không biết nói gì để an ủi cô.

Tôi lặng lẽ quay về khách sạn, mang theo tiếng nói run run mơ hồ của dì Lang. Có những mối tình không cần được đáp lại, nhưng vẫn đủ sức đi qua cả hơn nửa thế kỷ. Và tôi cười một mình nghĩ tới câu ca dao Quảng Bình,

Kim đâm vô thịt thì đau,

Thịt đâm vô thịt nhớ nhau suốt đời.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 19 tháng Mười Một, 2025

Ai Hờn Hờn Ai

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày thứ hai của chuyến đi miền Trung bằng xe thuê có tài xế, chúng tôi rời Phan Thiết bằng con đường dọc theo bờ biển ra Mũi Né, một địa điểm nổi tiếng tôi chưa từng ghé tới mặc dù đã viếng Phan Thiết gần chục lần. Lần này, tôi hy vọng sẽ có dịp chiêm ngưỡng từ xa vài điểm đặc sắc của vùng này. Thí dụ như di tích lịch sử lâu Ông Hoàng, một biệt thự nằm trên đồi do Công tước De Montpensier cháu nội vua Louis-Philippe Đệ nhất của Pháp xây lên vào đầu thế kỷ thứ 20. Ngoài ra, bãi Rạng yên bình là bãi biển lý tưởng để ngắm nhìn; hòn Ghềnh, còn gọi là hòn Lao, là một đảo nhỏ gần bờ với cảnh thiên nhiên hoang sơ và nước biển trong xanh; và những đồi cát thơ mộng có hình dáng đặc biệt thay đổi theo giờ, ngày, và tháng.

Chẳng bao lâu, tôi khám phá ra bãi biển và cảnh đẹp ven đường đã bị che khuất bởi những *rì-dọc* (“resort” hay “khu nghỉ dưỡng” là khách sạn trang bị thêm phương tiện giải trí cho khách tiêu khiển) hai bên đường. Anh tài xế, một thanh niên trạc 31, 32 tuổi, nhắc nhở một thực tế khó ngửi, “Cô chú là ‘Việt kiều’ muốn coi cảnh đẹp Mũi Né phải vô ở trong mấy cái *rì-dọc* và mua vé đi *tua* [tour].”

Khi tôi muốn tìm nơi trống trải để ngắm phong cảnh, tài xế cho xe vào một khu đất rộng xa các *rì-dọc* và ngừng lại trước một ngôi nhà lớn hở vách có những tấm bảng lớn sơn đỏ ghi chi chít tên họ. Tôi xuống xe nhìn quanh, dường như đó là nghĩa địa của một bang Hoa kiều. Tôi lạnh xương sống nhận ra đã thấy cảnh trí này trong một số giấc mơ gần đây.

Số là trong những năm mới trưởng thành, tôi thường có linh tính báo trước quãng đời tương lai của mình. Chẳng hạn, vào năm cuối bậc trung học tôi nhất định sẽ làm kỹ sư điện và chỉ nộp đơn xin thi vào trường Cao đẳng Điện học. Nhưng trước khi đậu vào trường, nhiều đêm tôi nằm mơ “thấy” mình cầm viên phấn đứng trước bảng đen giảng bài, khác hẳn với ước mơ ban ngày – làm kỹ sư mặc đồ *ka-ki* đội nón an toàn và xắn tay áo đứng chỉ huy giữa công trường.

Năm sau, điều tôi “thấy trước” dần dần thành thực. Trong thời gian học trường kỹ sư, tôi đi dạy kèm tư gia và trường trung học tư để kiếm sống. Ngày tốt nghiệp, khóa kỹ sư điện gặp khó khăn vì không có đủ cơ quan tuyển dụng, và tôi không muốn tranh giành chỗ làm với bạn đồng khóa cần việc làm hơn nên tiếp tục học lên tiến sĩ kỹ sư tại Đại học Khoa học Sài Gòn. Sau đó, làm giảng viên tại Đại học Minh Đức là một đại học tư và sau cùng trở về trường mẹ ôm thêm một chức vụ giảng huấn. Thế là tôi trở thành . . . *giáo gian* – như các bạn gọi đùa.

Trong những năm dạy học, tôi bỏ ý định đi du học và không bao giờ nghĩ mình sẽ sống ở ngoại quốc, mặc dù ông nhạc xem tướng và cả quyết thế nào tôi cũng xuất ngoại. Về hưu sau nhiều năm làm việc ở bộ Quốc gia Giáo dục, ông ra công nghiên cứu phép coi tướng đông phương cũng như kinh Pháp Hoa, tức là Diệu pháp Liên hoa kinh, bộ kinh quan trọng chứa đựng quan điểm chủ yếu của Phật giáo. Tuy nhiên, nhiều đêm tôi nằm mơ “thấy” mình ngồi làm việc trước một dụng cụ mà sau này tôi mới biết là màn ảnh điện toán, hay đứng thuyết trình trước một đám người ngoại

quốc. Đùng một cái, Tháng Tư Đen xảy đến, và nước mất. Tôi gạt nước mắt bỏ xứ ra đi và sinh sống và làm việc nơi đất khách xa lạ – như đã “thấy trước”!

Nay thấy khung cảnh khá quen thuộc tại khu nghĩa trang mới đến lần đầu, tôi thót ruột nghĩ tới diêm chiêm bao: Phải chăng nơi đây sẽ là “chỗ ở” của tôi sau này? Nếu thế, chắc hẳn tôi sẽ chết trong một chuyến về Việt nam nào đó và được chôn tại đây – sao vậy được? Đang nơm nớp lo sợ, tôi nghe Quỳnh Châu lên tiếng hỏi tài xế,

“Chú tài ơi, Mũi Né là chỗ du lịch mà sao nghĩa trang lớn quá vậy nè?”

“Nhiều ‘Việt kiều’ cũng thắc mắc như cô,” anh cười nửa miệng trả lời, “Sau năm 1975, do sự tranh chấp và phân chia quyền hành và quyền lợi giữa các ‘quan chức’ cao cấp ngoài Hà nội, bản đồ hành chánh của thành phố Phan Thiết và tỉnh Bình Thuận thay đổi liên tục như sáng nắng chiều mưa. Để con nói cho cô chú nghe.”

Ban đầu, ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, và Bình Tuy được gộp lại thành tỉnh Thuận Hải với tỉnh lỵ là Phan Rang, và năm sau tỉnh lỵ lại chuyển qua Phan Thiết. Đầu thập niên 1990, Thuận Hải lại tách ra thành hai tỉnh riêng rẽ là Bình Thuận và Ninh Thuận, trong đó Bình Thuận mới bao gồm cả Bình Tuy cũ. Rồi Phan Thiết, tỉnh lỵ của Bình Thuận, được “nâng cấp” thành “thành phố” Phan Thiết.

Bản đồ các tỉnh thay đổi xoành xoạch theo nhu cầu và tham tâm của các *sếp* lớn ở trung ương, và đàn em họ ở cấp vùng, tỉnh, hay huyện tận tình tranh đấu *lấn đất giành dân*. Vì đất và dân là đám “dân Ngụy” là tiền là vàng là của cải để chúng đe dọa, lợi dụng, tham nhũng, cướp đoạt, và vơ vét. Bản đồ hành chánh của Phan Thiết và tỉnh Bình Thuận thay đổi như chong chóng: Hết xã hay phường này chuyển sang huyện khác, đến xã hay phường mới được thành lập từ các phần của huyện khác. Thí dụ, xã Hàm Tiến và thị trấn Mũi Né thuộc huyện Hàm Thuận cũ chuyển về trực thuộc Phan Thiết; đồng thời thị trấn Mũi Né chuyển thành phường Mũi Né. Mũi Né với những *ri-dọc* trở thành kho tiền bạc vô tận cho ‘quan chức’ moi tiền hối lộ.

Tôi bắt đầu hiểu chuyện, nhưng vẫn còn thắc mắc,

“Tại sao phân chia đất về mặt hành chánh lại làm cho nghĩa trang này rộng lớn?”

“Chú ơi, vụ chia dân chia đất – nhà ở, buôn bán, hay trồng trọt – rồi cũng tới lượt các nghĩa địa nhỏ của mấy bang nhóm trong khu vực Phan Thiết. Đất thì ở đó, nhưng người chết không thể thò tiền ra nên nhà nước bắt thân nhân cải táng và sau đó ra lệnh tất cả nghĩa địa phải dời ra đây. Đất nghĩa địa cũ được chia chác theo cách chuyển đổi phường xã như trước.”

Anh tài xế đưa tay chỉ chung quanh,

“Nghĩa địa bây giờ là đất chôn của nhiều bang hội. Chú thấy cái nhà ngay cổng có bảng ghi tông chi người quá cố không? Đó là nghĩa địa bang Triều Châu. Còn ở cuối nghĩa địa, mộ có gắn thánh giá lớn màu trắng là của dân chài lưới Công giáo hồi xưa di cư từ Quảng Bình vào.”

“Eureka [Tôi hiểu rồi]!” tôi buột miệng la lên vì giải tỏa được nỗi lo lắng trong lòng, trong khi anh ngơ ngác không hiểu tôi nói gì.

Ba mươi bảy năm trước, tôi đến Phan Thiết lần đầu khi theo quan tài Đắc về đây. Đắc học cùng lớp kỹ sư điện với tôi. Cuối tuần sau lễ Giáng sinh năm chúng tôi học đệ tam niên, Đắc đi Vũng Tàu chơi với hai người bạn học khác. Xe đò lật, bốn bánh chống lên trời. Trên xe không ai bị thương

tích, ngoại trừ Đắc. Nó bị cái que nhỏ như cây đinh trên thành ghế đâm vào tử huyết sau gáy và ra đi không kịp kêu một tiếng. Gia đình Đắc là người Việt gốc Triều Châu nên chôn nó ở nghĩa trang Triều Châu.

Bốn năm sau đó, tôi lại ra Phan Thiết đi đám tang của Quan, em cùng cha khác mẹ của tôi. Ngày tôi chưa đầy ba tuổi, cha *trai gái* với mẹ em là dì Lang ở Đồng Hới, tỉnh lỵ của Quảng Bình, và em ra đời. Rồi dì bỗng em theo dân đánh cá làng Tam Tòa thuộc Đồng Hới di cư vào Phan Thiết lập nghiệp và lập gia đình mới. Khi em được 15 tuổi, mẹ và dì liên lạc với nhau để mỗi mùa hè cho em về sống với gia đình tôi một tháng “cho anh em *hắn* biết nhau,” cho đến khi em gia nhập Hải quân. Mang lon trung sĩ không tới nửa năm, em tử trận và được chôn ở nghĩa trang làng Tam Tòa.

Như thế, cảnh nghĩa trang “thấy” trong giấc mơ là hình ảnh tôi đã thực sự trông thấy ngoài đời. Mẹ hay nói *thằng Bé* (tên ở nhà của tôi thời còn bé) là đứa nhớ dai, và cũng vì nhớ dai mà hôm nay xuyết nửa đêm ra lo ngay ngáy sẽ vui thân nơi đất lạ. Hú hồn!

* * *

Đi dọc theo bờ biển tới Phan Rí Cửa, chúng tôi vào Quốc lộ 1 và chạy về hướng bắc. Ngày trước, tôi đi lại nhiều lần bằng xe đò trên con đường từ Phan Rang ra Nha Trang và Tuy Hòa. Những cánh đồng hai bên đường trông vẫn như xưa, nhưng dân làm ruộng thấy nghèo hơn. Người ta còn dùng gàu dai để tát nước vào ruộng; đó là loại gàu có bốn sợi dây dài cho hai người đứng hai bên bờ ruộng tát nước. Và lần đầu tiên trong đời, tôi thấy cảnh “trâu người” cày ruộng như ở miền Bắc mà tôi đã đọc trong sách: Người đàn bà mang “ách” đi trước cong lưng kéo, và người đàn ông đi sau ra sức đẩy cày. Một cảnh tượng khiến tôi bật cười chua chát: Ba mươi năm tiến bộ của xã hội chủ nghĩa!

Xe chạy ngang qua Tuy Hòa, tỉnh lỵ của Phú Yên – một thời cha giữ chức vụ cầm đầu tỉnh này, tôi biểu tài xế lái xe vào thị xã, chạy một vòng trên đường Trần Hưng Đạo xuống bãi biển, và đi qua khu dinh thự có ngôi nhà gia đình tôi ở gần sáu năm. Khi đi qua núi Chóp Chài nằm sát Quốc lộ 1 và cách Tuy Hòa khoảng bốn cây số, tôi thầm nói lời chia tay với thành phố ghi nhiều kỷ niệm buồn vui của thời trẻ tuổi,

*Ngọn Chóp Chài đã cao lắm bấy,
Trông hủi trông hoài không thấy người thương.*

Trời chập choạng tối khi chúng tôi tới Quảng Ngãi để nghỉ đêm và để hôm sau viếng thăm khu di tích Mỹ Sơn của người Chăm. Thành phố tiêu điều vắng vẻ, không có một chút sinh khí. Tôi không nhớ điều gì đáng kể về Quảng Ngãi ngoài câu vè học được ngày ở Huế,

*Quảng Nam hay cãi
Quảng Ngãi hay lo
Bình Định hay co
Thừa Thiên lủm hết.*

“Lủm” là thảy vào miệng ăn gọn gàng, và “lủm hết” nghĩa rộng là thừa cơ vợ vét để thủ lợi. Sau khi lấy phòng khách sạn, chúng tôi chạy xe quanh phố tìm chỗ ăn tối, nhưng hàng quán đóng cửa.

Cuối cùng tìm thấy một bà bán cháo rong đang gánh hàng về nhà, vợ chồng tôi và tài xế ngồi bên lề đường húp cháo vét nồi, mong là không phải phần cháo bà để dành cho con ở nhà.

Khu di tích Mỹ Sơn nằm trong một thung lũng hẹp đường kính khoảng hai cây số thuộc làng Mỹ Sơn tỉnh Quảng Nam, cách Đà Nẵng 70 cây số về phía nam, và cách Trà Kiệu là kinh đô cổ của Chăm thành 20 cây số về phía tây. Mỹ Sơn là nơi cúng tế và chôn cất của các triều vua Chăm thành và hiện có 32 tháp Chăm lớn nhỏ với kiến trúc và hình thể tương tự nhau. Khu di tích được coi là một đền đài Ấn độ giáo đáng kể; năm 1999 được cơ quan Giáo dục, Khoa học, và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) công nhận là di sản văn hóa thế giới và tài trợ để bảo tồn; và được nhà nước ra sức tung hô để mời gọi du khách ngoại quốc.



Tôi đã viếng tháp Chăm ở Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, và Phan Rang nên không mấy ngạc nhiên hay hào hứng về những kiến trúc cổ tại Mỹ Sơn. Càng đi sâu vào khu di tích này, tôi càng cảm thấy một nỗi buồn mênh mang ngấm dần vào hồn. Như để giải thích tâm trạng của kẻ xa xứ vừa trở về, bài thơ “Trên Đường Về” trong tập thơ *Điều Tàn* của Chế Lan Viên (1920 - 1989) hiện ra trong trí,

*Đây, những Tháp gầy mòn vì mong đợi
Những đền xưa đổ nát dưới Thời gian
Những sông vắng lẽ mình trong bóng tối
Những tượng Chăm lở lói rỉ rên than.*

Điều Tàn, tác phẩm đầu tay ra đời lúc Chế Lan Viên mới 17 tuổi, là cảm xúc mạnh mẽ chót vót của nhà thơ về Chăm thành. Ông xót thương cho sự điêu tàn của quốc gia này đến nỗi lấy họ “Chế” của người Chăm làm họ của bút hiệu, trong khi tên thực là Phan Ngọc Hoan. Trong suốt tập thơ, ông hóa thân vào linh hồn dân Chăm làm những kẻ mất nước đau đớn vọng về cố quốc. Chăm thành bị tiêu diệt hơn năm thế kỷ; nay còn không tới 150 ngàn người Chăm sống ở Ninh Thuận, Bình Thuận, và Phú Yên.

Trông người lại ngẫm đến ta, tôi và hơn ba triệu “Việt kiều” theo mệnh nước lưu vong khắp thế giới trong 30 năm nay. Giữa những ngôi tháp cổ im lìm, nỗi hờn vong quốc của người Chăm và nỗi hờn vong quốc của kẻ lưu vong hòa vào nhau như tiếng thở dài của thời gian. Hai bên đều khắc khoải trong lòng một đất nước đã mất. Khó có thể biết, *ai hờn hơn ai*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 26 tháng Mười Một, 2025

NGUYỄN NGỌC HOA

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và để trau dồi Việt ngữ sau nhiều năm dài sống xa quê hương.

- Sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế.
- Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuột; kỹ thuật điện ở Trung tâm Quốc Gia Kỹ thuật, Sài gòn; và điện tử và viễn thông ở Đại học Khoa học Sài gòn.
- Giảng viên vật lý và kỹ thuật điện tại một số đại học y khoa và kỹ thuật ở Sài gòn.
- Đồng tác giả cuốn sách giáo khoa *Giải Tích Mạch Điện* gồm hai tập, xuất bản tại Sài gòn năm 1974 và 1975.
- Sang Hoa kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; và làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.
- Lần lượt học quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế ở University of North Dakota ở Grand Forks, North Dakota.
- Phụ trách mục “Đố Vui Để Học” và viết bài về khoa học và kỹ thuật trong tạp chí *Lửa Việt*, nguyệt san chống Cộng xuất bản ở Toronto, Canada từ 1980 đến 1993.

NGUYỄN NGỌC HOA



Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân

Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và để trau dồi Việt ngữ sau nhiều năm dài sống xa quê hương.

Trích trong truyện ngắn “GƯƠNG THẦY TÔI”:

Nhà Hải nghèo xơ xác, cha mẹ già yếu lại đông em, và nghe nói ban đêm nó phải đập xích lô kiếm tiền nuôi gia đình và vì vậy ít có thì giờ học nên đội sổ. So với nó, tôi là kẻ quá may mắn: không cần tiền, với món quà tốt nghiệp của mẹ cộng thêm số tiền dành dụm trong trương mục tiết kiệm Tín Nghĩa Ngân hàng với lãi suất 36 phần trăm, ngồi không cũng đủ sống vài ba năm. Không cần việc làm, tôi đang dạy trung học tư và dạy kèm tư gia. Chỉ cần hoãn dịch vì lý do học vấn. Tôi bỗng quyết định,

“Tao không cần và không muốn làm việc cho Điện lực, tụi mày bỏ tên tao ra đi.”

“Rồi mày làm gì?” Lộc trợn mắt nhìn tôi.

“Chưa biết chắc. Không chừng tao đi học cao học,” tôi trả lời lửng lơ.

...

Trong thâm tâm tôi biết mình sẽ ghi danh học tiến sĩ kỹ sư tại Đại học Khoa học Sài gòn, một chương trình lúc ấy ít người biết đến. Để lấy bằng giống như của thầy Yên.

GIÁ BÁN: \$US 30.00